



CHÁNH PHÁP

HOÀNG PHÁP — GIÁO DỤC — VĂN HỌC PHẬT GIÁO — TIN TỨC PHẬT SỰ

Địa chỉ tòa soạn: 4717 W. First Street, Santa Ana, CA 92703 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 | Email: baivochanhphap@gmail.com
Website: chanhphap.us | chanhphap.org | chanhphap.net

Chủ nhiệm: **HT. Thích Nguyên Trí**
Thủ quỹ: **Ni sư Thích Diệu Tánh**

Chủ bút: **Vĩnh Hào**

Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**

Hình ảnh: **Nguyễn Đình Sơn (Pixabay)**

LIÊN LẠC:

• Bài vở: baivochanhphap@gmail.com

• Quảng cáo / Phát hành:

(714) 266-4171

• Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHAP
11502 Daniel Ave.

Garden Grove, CA 92840

hoặc Zelle số phone: **714.266.4171**

(Memo ghi "Ủng hộ CP" -

xin gọi hoặc nhắn tin trước khi zelle)

*

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, những bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đứng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp màu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

Nguyệt san Chánh Pháp là báo biểu, không trả nhuận bút cho bài vở gửi đăng. Quý văn thi hữu nào muốn có nhuận bút xin ghi rõ "có nhuận bút" và địa chỉ liên lạc để tòa soạn quyết định. Bài gửi đăng xin đánh máy sẵn và gửi bằng electronic file qua email:

baivochanhphap@gmail.com

Trân trọng cảm ơn.

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ THƯ TÒA SOẠN, trang 2
- ♦ TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (Điều Âm lược dịch), trang 3
- ♦ THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PL 2568 (GHPGVNTNHHK), trang 6
- ♦ CÚNG DƯƠNG TỐI THƯỢNG (Sa môn Thích Tín Nghĩa), trang 7
- ♦ PHẬT TÁNH LÀ SỨC MẠNH CỦA NHÂN LOẠI (Nguyễn Thế Đăng) trang 8
- ♦ LỤC TỔ HUỆ NẮNG VÀ HÌNH ẢNH THÍ CA (HT Thích Phước An), tr. 9
- ♦ KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN (thơ Tôn Nữ Mỹ Hạnh), trang 11
- ♦ PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC TÒN TẠI (HT Thích Như Điển), trang 13
- ♦ KÍNH ĐIỀU GIÁC LINH ĐỒNG TUYÊN (thơ ĐNT Tín Nghĩa), tr. 14
- ♦ MỪNG SINH NHẬT PHẬT (Thanh Nguyễn), trang 15
- ♦ LỤC BÁT VIÊN LINH (Tuệ Sỹ) tr. 16
- ♦ TRÁI TIM PHẬT (TN Hạnh Đoàn), trang 19
- ♦ BẦY ĐÓA SEN HỒNG, MÙA PHẬT ĐẢN AN VUI... (thơ Nguyễn Ân Bình), trang 21
- ♦ NGÀY PHẬT SINH, KHẼ GỌI TÊN THẦY (Huyền Lam), trang 22
- ♦ NHƯ LẠI, THÂM NỐI TRẦM LUÂN... (thơ Minh Đạo), trang 24
- ♦ SƠ QUÁT VỀ NHÂN DUYÊN TRONG ĐẠO PHẬT... t.t. (Khánh Hoàng), trang 25
- ♦ NGƯỜI TRÍ NGHE PHÁP (Nhóm Áo Lam), trang 30
- ♦ HỌC PHẬT, CẦN THẤY RA SỰ THẬT (TN Hằng Như), trang 31
- ♦ ĐẢN SANH ĐỘ CHÚNG... (thơ Đồng Thiện), trang 33
- ♦ NÔI GÓT THIÊN LÝ ĐỘC HÀNH (Hạnh Viên), trang 34
- ♦ TAI HỌA DO CÁI MIỆNG (thơ TM Ngô Tăng Giao), trang 38
- ♦ MỪNG PHẬT ĐẢN, NGHĨ VỀ THIÊN TÔNG (Nguyễn Giác), tr. 39
- ♦ PHẬT ĐẢN (thơ Chánh Năng), tr. 42
- ♦ TƯỜNG NIỆM AN SƯ THÍCH ĐỒNG TUYÊN (Thích Thông Đạo), trang 43
- ♦ TỪNG GIỌT LỆ QUA SÔNG... (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 44
- ♦ VỌNG NGUYỆT HOAI VIÊN CỦA TRƯỞNG CỬU LINH (Lam Nguyễn), trang 45
- ♦ HẠT BỤI TRẦN (thơ Trần Hoàng Vỹ), trang 46
- ♦ TAM CHƯƠNG LÀ BA THỨ CHƯƠNG NGẠI GÌ? (TL Đào Mạnh Xuân) trang 47
- ♦ TỈNH GIÁC (thơ Diệu Viên), trang 48
- ♦ TRUYỆN CỰC NGẮN (Steven N), trang 49
- ♦ GIẤC MƠ ĐÓA SEN XANH (thơ NT Khánh Minh), trang 51
- ♦ NHỨC ĐẦU (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- ♦ KHÁNH ĐẢN (thơ Tiểu Lục Thân Phong), trang 53
- ♦ NẤU CHAY: BÁNH TRÁNG TRỘN XOÀI CHAY (Hồng Hương), trang 54
- ♦ BƯỚC THEO HẠNH NGUYỆN TỎ KIỀU ĐAM DI (TN Giới Định), tr. 55
- ♦ DẤU CHÂN MÙA PHẬT ĐẢN (Lam Khê), trang 57
- ♦ THE STORY OF THERA NANGALAKULA (Daw Tin), tr. 59
- ♦ VŨ TRỤ KHÔNG TẬN CÙNG (thơ Hoàng Thục Uyên), trang 60
- ♦ CỜ TRỜI tập 1 – chương 9, t.t. (truyện dài Vĩnh Hào), trang 61
- ♦ HAI CON CỌP TINH Ở HOÀNH SƠN (Truyện cổ Phật Giáo), tr. 68



Báo Chánh Pháp số 150, tháng 05 năm 2024, do Tổng Hội Cư Sĩ PGVN (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Tòa soạn xin thành tâm cảm tạ. Kính nguyện quý hội và chư Phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa soạn

LỜI ĐƠN GIẢN, MỞ CON ĐƯỜNG VÔ HẠN

Lời đơn giản là lời mà ai nghe qua, đọc qua cũng hiểu được.

*"Không làm các điều ác
Thực hành các điều thiện
Giữ tâm ý trong sạch
Chư Phật dạy như vậy."* (1)

Nhưng hiểu là một chuyện; thực hành là một chuyện khác. Thực hành sơ sài, qua loa là một chuyện; tận tâm nỗ lực thực hành ngày đêm, suốt cả một đời là một chuyện khác.

Lời đơn giản, nhưng phân tích mổ xẻ ra thì có nhiều điểm cần giải thích. Chẳng hạn, thế nào là ác, thế nào là thiện; và giữ tâm ý trong sạch là giữ như thế nào.

Theo quan điểm Phật giáo, thiện là những hành vi, lời nói, ý nghĩ có lợi (cho mình và) cho người, cho đa số người; ác thì ngược lại, hại người hại vật, hại đa số người (2). Để phân biệt thiện-ác, cần có chánh kiến (hiểu biết đúng đắn). Nếu không có chánh kiến, có khi làm ác, ủng hộ người ác, tận tình thực hành việc ác mà không biết. Thế nên cần nhìn sự việc qua tác động của nhân-quả: lợi ích là thiện, tổn hại là ác. Không làm, nói và nghĩ điều ác vì cái nhân xấu-ác chắc chắn dẫn đến kết quả làm tổn hại mình và người, trong hiện tại và tương lai. Không làm ác chưa đủ, cần phải tích cực làm, nói và nghĩ điều lành, vì nhân lành chắc chắn mang lại lợi ích cho mình và cho người, trong hiện tại và tương lai.

Ý nghĩ thường dẫn đạo cho hành động và lời nói. Người ta không đơn giản làm ác, nói ác nếu trong tâm ý không có niệm ác. Do vậy cần quán sát, giữ gìn, kiểm soát từng ý nghĩ: ý niệm ác thì biết là ác, ý niệm thiện thì biết là thiện. Giữ tâm ý trong sạch là thanh lọc thiện-ác. Ác thì bỏ, thiện thì giữ. Đây là bước căn bản của chánh tư duy, chánh niệm để tiến sâu vào chánh định.

Như vậy, chỉ vài lời đơn giản trong bài kệ trên, đức Phật đã hướng dẫn cả cách sống, phương thức tu tập và hành đạo cho đệ tử, bất luận tại gia hay xuất gia; qua đó, có thể triển khai đầy đủ con đường Thánh tám ngành (3), áp dụng Giới, Định, Tuệ (4) trên vận hành của ba nghiệp (5): chánh kiến, chánh tư duy (Tuệ), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng (Giới), chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định (Định).

Từ đây, thực hiện cuộc sống lý tưởng chánh thiện thường nhật của người con Phật; và cũng từ đây, đặt chân lên lộ trình của Bồ-tát hạnh đối với sinh loại và thế gian, trong đời này và nhiều đời sau.

Lời đơn giản, mở ra con đường vô hạn.

Pháp của Phật là như thế.

Đức Phật đã đến với cuộc đời như thế.

- 1) Kinh Pháp Cú, Câu 183: *"Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, tự tịnh kỳ ý, thị chư Phật giáo."* Bài kệ ngắn này được cho là nội dung cốt lõi của Ba-la-đề-mộc-xoa (tịnh giới), được tụng đọc trong ngày thuyết giới của Tăng đoàn (trong thời gian đầu khi Phật mới chế định về ngày Bồ-tát hàng tháng); về sau, *"Ba-la-đề-mộc-xoa được lưu truyền giữa các bộ phái khác nhau không phải chỉ đơn giản có như thế. Nó là một hệ thống những điều cấm kỵ, qui định những trường hợp vi phạm và không vi phạm, cùng các hình thức xử trị và sám hối cho những tỳ-kheo vi phạm. Nói cách khác, đây là bộ luật của Tăng. Khi bộ luật này được hoàn chỉnh thành hệ thống gồm năm thiên và bảy tỳ, thì việc thuyết giới không còn đơn giản là đọc bài kệ bốn câu như đã nói. Thuyết giới kể từ bây giờ là đọc lại toàn bộ Ba-la-đề-mộc-xoa ấy."* (trích Yết-ma Yếu Chỉ, HT Thích Trí Thủ giảng thuật, Tỳ-kheo Thích Đồng Minh và Thích Nguyên Chứng biên soạn, Hội Đồng Hoàng Pháp xuất bản 2021, Chương 5: Bồ-tát và Thuyết giới, trang 206)
- 2) Tham khảo thêm bài Thiên và Ác trong sách *Phật Học Thường Thức* của Cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám.
- 3) Bát Chánh Đạo hay Bát Thánh Đạo (The Noble Eightfold Path).
- 4) Tam học hay tam vô lậu học, là con đường tu tập do đức Phật khai thị, dẫn đến giải thoát an vui, niết-bàn tịch tịnh.
- 5) Thân, khẩu và ý nghiệp – nghiệp tạo tác từ thân, miệng và ý.

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

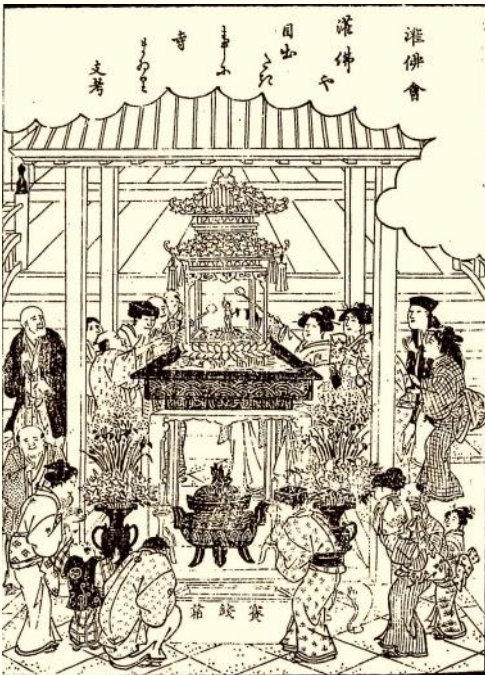
NHẬT BẢN: Lễ hội Hoa Kỳ niệm ngày Đức Phật đản sinh

Vào tháng 4, các ngôi chùa Phật giáo trên khắp Nhật Bản tổ chức lễ 'kanbutsue' để kỷ niệm ngày sinh của Tất Đạt Đa Cồ Đàm, người sáng lập Phật giáo. Lễ hội có những điện thờ nhỏ gọi là 'hanamido' (sảnh hoa) mà những người thờ cúng trang trí bằng hoa, điển hình là hoa mẫu đơn và hoa diên vĩ Nhật Bản. Từ đó, lễ kỷ niệm còn được gọi là 'hanamatsuri', hay lễ hội hoa.

Các sảnh hoa bao gồm một chậu nước chứa tượng Đức Phật mới đản sinh. Du khách "tắm" tượng bằng 'amacha', một loại trà thảo dược có vị ngọt tự nhiên được làm từ nhiều loại hoa cắm tú cầu, đồng thời cầu nguyện cho sức khỏe của con cái và sự an lành chung của bản thân và xã hội.

Vào thời Edo (1603-1868), những người tổ chức lễ cưới có phong tục mang trà 'amacha' được các ngôi chùa ú về nhà để làm mực. Sau đó, mực này được sử dụng để tạo ra bùa chú bằng cách viết một cụm từ đặc biệt trên một tờ giấy đề cập đến 5 vị bồ tát vĩ đại.

(nippon.com - April 1, 2024)



Những người thờ cúng tổ chức lễ kanbutsue bằng cách trang trí hoa mẫu đơn trên 'hanamido' Photo: nippon.com

LÀO: Hơn 300 tượng Phật được khai quật ở tỉnh Bokeo

Chính quyền Bokeo giám sát một cuộc khai quật ở huyện Thonpheung cho biết hơn 300 tượng Phật, 14 đầu tượng Phật và các hiện vật khác đã được khai quật từ ngày 20 đến 25-3-2024, và việc tìm kiếm vẫn đang tiếp tục.

Ngày 20-3, Tiến sĩ Thonglith Luangkhot, Phó Cục trưởng Cục Di sản thuộc Bộ Thông tin, Văn hóa và Du lịch, cho biết cơ quan chức năng đã phát hiện 59 tượng Phật và 2 đầu tượng Phật.

Vào ngày 21-3, họ báo cáo rằng 57 tượng Phật và 5 đầu tượng khác đã được tìm thấy.

Vào ngày 22-3, có 34 tượng Phật và một đầu Phật đã được khai quật, trong khi vào ngày 23-3, có thêm 99 tượng Phật và một đầu khác đã được phát hiện. Sau đó, vào ngày 24-3 là cuộc khai quật 71 tượng Phật và 5 đầu tượng.

Phát hiện mới nhất vào ngày 25 -3 gồm 4 tượng Phật, trong đó có một tượng Phật nằm dài 1.88m và rộng 54cm.

Hầu hết các bức tượng nhỏ này đều được làm bằng đồng và tất cả đã được đặt tại chùa Thongthip Phatthanaram ở làng Yaitonpheung, huyện Tonpheung, là nơi chúng được bảo vệ chặt chẽ để bảo quản an toàn.

(Big News Network - April 1 -7, 2024)



Tượng Phật nằm, dài 1.88m và rộng 54cm, khai quật được tại Bokeo, Lào Photo: Vientiane Times/ANN

NHẬT BẢN: Chủ cửa hàng ở Kumamoto tặng bàn thờ Phật miễn phí cho nạn nhân trận động đất Noto

Một cửa hàng 'butsudan' (bàn thờ Phật) nhỏ ở thành phố Kumamoto đã cung cấp miễn phí những bàn thờ nhỏ cho các nạn nhân của trận động đất ở bán đảo Noto.

Cửa hàng này được thành lập bởi một nhà cung cấp đồ sơn mài Wajima-nuri, một nghề thủ công truyền thống có nguồn gốc từ thành phố Wajima, tỉnh Ishikawa - một khu vực bị ảnh hưởng nặng nề bởi trận động đất nói trên.

Koki Nagata, 61 tuổi, con trai của người sáng lập cửa hàng và là chủ sở hữu thế hệ thứ hai, đã chia sẻ cảm xúc chân thành của mình, "Cửa hàng

có được sự tồn tại của Wajima. Tôi muốn ủng hộ cho trái tim của các nạn nhân không chỉ ở Ishikawa mà còn ở các khu vực khác của Nhật Bản.”

Vào tháng 3, Nagata đã bắt đầu hành trình khứ hồi khoảng 2,000 km chở bàn thờ trên xe hơi của mình. “Tôi mang ơn người dân Wajima thay mặt cha tôi,” ông nói.

Cao 34 cm và rộng 19 cm và thông thường có giá gần ¥ 50,000 (US\$329), những chiếc ‘butsudan’ bằng gỗ gọn nhẹ này cho phép mọi người cúng dường và cầu nguyện cho tổ tiên và các thành viên gia đình đã khuất - ngay cả sau khi họ di tản ra khỏi nhà của mình.

(The Japan Times- April 10, 2024)



*Ông Koki Nagata (bên phải) tặng bàn thờ Phật cho một người di tản do động đất ở bán đảo Noto, tỉnh Ishikawa
Photo: Jiji*

ĐÀI LOAN: Hội Phật giáo Từ Tế cứu trợ sau trận động đất ở miền Đông Đài Loan

Hội chức Phật giáo Từ Tế, tổ chức từ thiện và nhân đạo toàn cầu có trụ sở tại Đài Loan, báo cáo rằng hoạt động cứu trợ thiên tai của hội đối với trận động đất lớn xảy ra ở bờ biển phía đông Đài Loan vào ngày 3-4-2024 đã được kích hoạt trong vòng vài phút sau thảm họa. Các tình nguyện viên Từ Tế đã phối hợp hoạt động của họ với những người ứng phó ở tuyến đầu và triển khai việc cứu trợ khắp các khu vực bị ảnh hưởng.

Hội Từ Tế đã hợp tác với nhiều nỗ lực cứu trợ thiên tai khác nhau để cứu trợ cho người dân ở những vùng bị ảnh hưởng. Các tình nguyện viên nhanh chóng chuẩn bị sẵn hàng cứu trợ, bao gồm chăn mền sinh thái, giường tạm và vách ngăn cho nơi trú ẩn, lều, nước uống, nước tăng lực, bữa ăn nóng và hỗ trợ tài chính khẩn cấp.

Hội Từ Tế đã nhanh chóng thành lập Trung tâm Ứng phó Thảm họa Động đất bên ngoài sảnh chính của Ngôi nhà tinh thần Jing Si của hội. Họ lưu ý rằng Pháp sư Cheng Yen, người sáng lập Từ Tế, đã phụ trách sứ mệnh cứu trợ, nhằm đánh giá tình hình và hướng dẫn các tình nguyện viên nỗ lực cứu trợ thiên tai.

Đồng thời, Từ Tế Hoa Kỳ đã công bố một đợt gây quỹ, bao gồm quỹ tương ứng trị giá US\$500,000.

Trong những ngày kể từ trận động đất, các tình nguyện viên Từ Tế vẫn tiếp tục công việc của họ, chuẩn bị và giao bữa ăn nóng, giường, vách ngăn và chăn cho những người sống sót, cũng như bảo đảm rằng các nhân viên cứu hộ cũng nhận được thức ăn nóng khi làm việc.

(Buddhistdoor Global – April 10, 2024)



Tình nguyện viên Từ Tế dựng vách ngăn riêng và giường tạm tại một nơi trú ẩn khẩn cấp



Trung tâm Ứng phó Thảm họa Động đất của Hội Từ Tế bên ngoài sảnh chính của trụ sở toàn cầu của hội—Photos: global.tzuchi.org

CAM BỐT: Tượng Đại Phật được tân trang sau những lời chỉ trích

Một tượng Phật cao 29 mét đã được ra mắt sau khi tân trang sau những lời chỉ trích rằng khuôn mặt của tượng không cân đối.

Tọa lạc tại chùa Wat Veal, làng Phsar Leu, Sangkat Lolok Sor, thành phố Pursat, tỉnh Pursat, tượng này đã trở thành mục tiêu chỉ trích vào tháng 6-2023.

Đáp lại, vị trụ trì chùa là sư Veal Chum Saroeun nói rằng ‘việc xây dựng tượng Đức Phật đã được thực hiện bởi một nghệ nhân có ít kiến thức và có kỹ thuật hạn chế’.

Sau khi tham khảo ý kiến, tượng Phật đã được xây dựng lại và tạo hình lại từ ngày 1-8-2023 và hoàn thành vào ngày 20-3-2024 với chi phí khoảng 19,000 USD.

(tipitaka.net – April 8, 2024)

Tượng Đại Phật tại chùa Wat Veal, tỉnh Pursat vào năm 2023





*Tượng Đại Phật được tân trang, xây lại và tạo hình lại - hoàn thành vào ngày 20-3-2024
Photos: Khmer Times*

PAKISTAN: Trẻ em mồ côi và các gia đình tận hưởng chuyến tham quan di tích Phật giáo Takht Bhai

Ngày 13-4-2024, Cơ quan Văn hóa và Du lịch Khyber Pakhtunkhwa (KPCTA) đã sắp xếp một chuyến tàu hỏa ngoạn mục đến di tích lịch sử Phật giáo Takht Bhai cho trẻ mồ côi của Zamang Kor và các gia đình để cho các em cơ hội tận hưởng và giải trí. Các gia đình và các trẻ em nghèo khổ này thích thú với chuyến tham quan bằng tàu hỏa có hướng dẫn viên đến di tích lịch sử Phật giáo TakhtBhai và khám phá ý nghĩa khảo cổ của địa điểm đáng chú ý này, vốn đã được UNESCO công nhận là di sản thế giới.

Trong suốt chuyến du ngoạn, những người tham gia đã khám phá những tàn tích của nền văn minh Phật giáo thế kỷ thứ 1 sau Công nguyên.

Các du khách cũng được giới thiệu về ý nghĩa lịch sử của TakhtBhai, bên cạnh việc đến thăm các tu viện cổ bên trong Khu phức hợp Khảo cổ Phật giáo.

Trong hành trình, du khách đã được thông tin về truyền thống, văn hóa của thời đại Đức Phật và tầm quan trọng tôn giáo của những di tích này đối với các tín đồ Phật giáo và các chuyên gia khảo cổ học, là những người thường xuyên đến thăm những địa điểm này để cầu nguyện và thiền định.

(Pakistan Observer - April 14, 2024)



Các gia đình và các trẻ em nghèo trong chuyến tham quan bằng tàu hỏa đến di tích lịch sử Phật giáo TakhtBhai-Photo: The Express Tribune

HÀN QUỐC: Lễ hội đèn lồng Phật giáo ngày càng trẻ hơn

Việc tiếp cận giới trẻ sẽ là trọng tâm của Lễ hội Đèn lồng Phật giáo năm nay tại Seoul, bắt đầu vào thứ Tư (ngày 8-5) trước Lễ Phật Đản vào ngày 15-5.

Phật phái Jogye Hàn Quốc, đơn vị tổ chức lễ hội thường niên này, đang đặt cược lớn vào màn trình diễn nhạc dance điện tử của Thượng tọa New JeansNim, tên thật là Yoon Seong-ho, một diễn viên hài đã thu hút được nhiều người theo dõi sau khi chuyển tải những câu thơ Phật giáo sang nhạc EDM (nhạc sàn điện tử) tại sự kiện năm ngoái.

Màn trình diễn EDM của Yoon vào ngày 12-5 sẽ kết thúc các sự kiện cuối tuần nhằm ngày 11 và 12-5, trước thêm lễ Phật Đản vào ngày 15-5. Tất cả các sự kiện đều diễn ra gần Jogyesa, ngôi chùa chính của tông phái Jogye ở trung tâm Seoul.

Thu hút khán giả trẻ rõ ràng là ưu tiên hàng đầu đối với tông phái này, vốn có nguồn gốc từ khoảng 1,200 năm trước.

Trong các sự kiện cuối tuần vào ngày 11 và 12-5, các khu vực dành riêng cho Thế hệ Z - những người hiện đang ở độ tuổi thanh thiếu niên đến giữa độ tuổi 20 - và cho thiền định sẽ được thiết lập. Các buổi trình diễn nhạc sống và khiêu vũ, bao gồm 'gugak', hay âm nhạc truyền thống Hàn Quốc, sẽ được trình diễn. Xe bán đồ ăn và chợ trời cũng sẽ mở cửa.

(The Korea Herald - April 14, 2024)

Thượng tọa New JeansNim (Yoon Seong-ho), nghệ sĩ nhạc EDM (nhạc sàn điện tử)

Photos: mk.co.kr





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION
HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH - EXECUTIVE COUNCIL

CENTRAL OFFICE

4717 W. 1st St., Santa Ana, CA 92703 * Phone: (714) 571-0473



THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN LẦN THỨ 2648
PL. 2568 DL. 2024

Nam Mô Trung Thiên Giáo Chủ Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật Tác Đại Chứng Minh

Kính bạch Chư tôn Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng, Ni
 Kính thưa quý Thiện nam, Tín nữ Phật tử thân mến,

Mùa Phật Đản năm nay đã về trong lòng tứ chúng đệ tử Phật. Hình ảnh sơ sinh dưới gốc
 cây vô ưu trong dung nhan thù diệu, sắc tướng phi phạm là bậc Thầy của Trời người tôn quý.

Ngót 2648 năm Đức Thế Tôn thị hiện vào đời, để tự thân tác chứng thật đức trang nghiêm,
 làm nơi quy hướng cho tất cả con người nương tựa tu tập mà đạt thành quả thánh ngay trong
 hiện đời lạc trú. Một nền giáo lý được thuyết giảng đến cho con người, của con người và vì con
 người. Chính vì Phật Pháp phục vụ nhân sinh mà nơi đây chúng ta nghe đức Tôn thuyết
 giảng cho vua Kosala về cách xử sự với hàng phụ nữ, qua 4 đặc điểm của phái yếu:

*"Một em bé gái, Tâu Đại Vương, có thể còn quý hơn đứa con trai, lúc trưởng thành, em có
 thể là người trí tuệ và phẩm hạnh vẹn toàn. Biết kính nể, tôn trọng mẹ chồng, một người vợ
 hiền. Đứa con mà sau này em sẽ mang vào lòng, có thể làm nên đại sự và trị vì một vương
 quốc vĩ đại. Đúng vậy, đứa con của người vợ cao thượng, sẽ trở thành người hướng đạo chân
 chánh, cho cả một quốc gia."*

Đức Phật đã minh thị và tôn trọng trong thế giới loài người là san bằng giai cấp và xóa bỏ
 nô lệ. Đức Phật dạy: *"Trong Thánh Pháp luật của Như Lai không có giai cấp và nô lệ. Con người
 ai cũng có khả năng tu tập và chứng đắc. Vì con người ai cũng có dòng máu cùng đỏ và nước
 mắt cùng mặn như nhau. Thì làm sao có giai cấp và nô lệ trong thế giới con người mà ngược lại
 phải tôn trọng, quý kính và bình đẳng."*

Tiêu biểu tinh thần phục vụ nhân sinh ấy qua những hình ảnh là đưa thế giới phụ nữ ra ánh
 sáng, thứ hai là xóa bỏ nô lệ, thứ ba là sang bằng giai cấp, và thứ tư là giáo dục con người tu
 chứng ngay nơi đời hiện tại, như một Angulimala, như nàng Ambapali, hay vua chúa, quần
 chúng dân dã.

Toàn bộ thánh Pháp luật của Phật được nhằm đến mục đích bình đẳng cho con người, tạo
 điều kiện thuận lợi, hướng thượng để con người thăng hoa sự sống thánh thiện mà không ai bắt
 ép ai, không ai đánh mất của ai về sự tự do và hạnh phúc, về sự tự tu và tự chứng vốn có
 trong mỗi con người hôm nay và mai sau.

Cộng đồng Phật Giáo Việt Nam hôm nay, đang hoằng pháp nơi Hải Ngoại, đang sống trong
 một quốc gia văn minh, tiến bộ trên thế giới. Luật pháp hiện hành là một sự biểu tỏ bảo vệ đời
 sống con người một cách có trật tự và hữu hiệu qua hai phạm trù vật chất và tinh thần - Tôn
 Giáo. Từ sự thuận lợi ấy, kính mong chư Tôn Đức Tăng Già, hãy tập chú vào sự tu tập: khuyến
 tấn quý Phật tử tu tập; tổ chức những đạo tràng tu tập hằng quý qua bốn mùa Xuân, Hạ, Thu,
 Đông; mở lớp Việt ngữ để dạy các con em, thế hệ thứ hai, thứ ba nói tiếng Việt. Đây là gìn giữ
 nền văn hoá mẹ đẻ, văn hoá ông bà Tổ Tiên từ ngàn xưa.

Kỷ niệm ngày đức Phật Đản Sinh, là soi rọi lại lòng mình, sống có Chánh niệm, tỉnh giác để
 cùng đồng hành với các dân tộc Phật giáo trên thế giới tiến tới chân trời tự do, văn minh, tiến
 bộ của thế kỷ 21 này. Được như vậy, quả thật là niềm tự hào của cộng đồng Phật Giáo Việt
 Nam nơi Hải Ngoại; và có như vậy chúng ta mới không cô phụ công đức của Chư vị lịch Đại Tổ
 Sư trên dòng lịch sử Phật Giáo Việt Nam 2000 năm qua.

Kỷ niệm mùa Phật Đản năm nay, Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK thành kính gởi lời cầu
 chúc tốt đẹp nhất đến Chư Tôn Đức Tăng, Ni, và toàn thể quý Phật tử, giữ vững niềm tin yêu
 bất hoại, và luôn phát nguyện dẫn thân để kiện toàn mọi Phật sự của Giáo Hội, để đem lại sự
 lợi lạc, an vui cho con người trên thế giới.

Thành tâm kính chúc Chư Tôn Đức Trưởng Lão Hòa Thượng, Chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng
 Ni luôn được khỏe mạnh, bình an trên con đường hoằng dương Phật Pháp và gìn giữ ngôi Tam
 Bảo được bền vững.

Trân trọng kính chúc quý Thiện nam Tín nữ, GDPT vô lượng thiện lành, vô lượng cát tường.

Nam Mô Thường Tinh Tấn Bồ Tát

Ngày 15 tháng 04 năm 2024

Hội Đồng Điều Hành

Chủ Tịch,

Sa Môn Thích Tín Nghĩa

CÚNG DƯƠNG TỐI THƯỢNG

Đạo Từ nhân Đại Lễ Phật Đản Phật lịch 2568 – DL 2024

Sa môn Thích Tín Nghĩa

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Trước tiên, chúng tôi được cung kính dâng lễ chư Tôn Đức Tăng Già và chào mừng đến toàn thể đồng bào Phật tử, Đồng hương các giới với lời thăm hỏi và thân chúc đến bảo quyến luôn được vạn điều an lạc, vạn sự cát tường như nguyện.

Kính thưa quý liệt vị,
Hôm nay, tất cả chúng ta quy tụ về đây để chiêm bái và dâng lễ Đấng Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni thị hiện nơi đời để hóa độ chúng sanh. Ngài là đấng cha lành, là bậc Thánh nhân, là bậc vĩ nhân hy hữu, là bậc Thầy cao cả của nhân loại và chúng sinh. Đạo lý của Ngài đã được trải rộng và ảnh hưởng khắp năm châu, và ngày nay, khi nói đến Đức Phật tức là nói đến Phật giáo, là nói đến Từ Bi và Trí Tuệ.

Nói đến Phật giáo, là nói đến con đường giáo dục cho chúng sanh: sống thế nào để thoát khổ được vui; muốn được như thế thì tự thân phải nỗ lực khai mở tâm trí để thấu rõ thế nào là khổ, đâu là nguyên nhân của khổ, thế nào là an lạc niết-bàn và đâu là con đường dẫn đến giải thoát an vui.

Trước khi Đại lão Hòa thượng Thích Trí Quang hầu Phật, Ngài có dạy rằng: *"Trong lãnh vực hơi đời một chút, chúng ta phải nói đến ý thức Dân tộc, Phải luôn luôn, trong mọi hoạt động của Phật giáo. Đây là một nghĩa vụ tuyệt đối, chứ không phải là thời trang – một nghĩa vụ trước khi tự hào, phải nói đến sự cần trọng... Trong niềm cần trọng ấy, kính xin cầu nguyện hồng ân Đức Phật, sùng sững, vững chắc luôn luôn hướng dẫn đấng trước cho chúng con..."*

Kính lạy đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Từ Phụ!

Hôm nay, một phần thân của Ngài, được như chính Ngài đến với chúng con, ở với chúng con, khuyến khích và nâng đỡ chúng con thể hiện ở nơi đây để hai chúng đệ tử có cơ hội chiêm bái và tưởng niệm.

Người con Phật đối với tự thân, phải lấy Trí Tuệ làm mục tiêu; đối với tha nhân, xã hội, phải trải lòng Từ Bi nhằm mang lại hạnh phúc cho tất cả. Muốn có Trí Tuệ, người con Phật dù xuất gia hay tại gia phải lấy Giới Luật làm Thầy, bởi vì Giới Luật là nền tảng để phát huy Định Tuệ; có Định, có Tuệ mới có thể thoát ly khổ não, siêu việt ba cõi. Muốn phát triển lòng Từ Bi, người con Phật không những không làm tổn hại chúng sinh mà còn phải tích cực thực hành hạnh bố thí, cúng dường, ban vui cứu khổ, khiến cho người người đều được an vui, phúc lạc.



Tuệ Giác của Phật giáo là lấy trí tuệ giải trừ mê chấp điên đảo, xa lìa tham sân si. Thiếu đi Trí Tuệ thì không có chánh kiến, không có chánh kiến thì suốt đời chạy theo vô minh, dục vọng, quên mất lòng Từ Bi. Chúng ta đều biết rằng thế giới hiện nay mà chúng ta đang sống thật vô cùng phức tạp bởi nhiều thế lực vô minh gây hận thù cho nhau; chúng ta là con của Phật mà sống thiếu lòng Từ Bi chỉ nghĩ đến quyền lợi cho mình, cho tổ chức của mình cũng đủ để gây ra thù hận... Vì vậy, phải luôn tâm niệm rằng Trí Tuệ và Từ Bi là đôi chân vững chắc đưa hành giả tiến về mục tiêu giải thoát giác ngộ tối hậu. Đệ tử Phật cần phải phát huy cùng lúc hai phương diện này trong đời sống thường nhật.

Chúng ta thường tụng hằng ngày:

"Con dốc lòng vì đạo hy sinh..." nhưng hy sinh như thế nào để phù hợp với chánh pháp nhưng không bao giờ làm tổn hại đến sinh mạng của đồng loại và chúng sanh. Làm được như vậy là sống đúng phẩm cách cao thượng của đệ tử Phật, dù xuất gia hay tại gia. Phẩm cách ấy có thể làm mẫu hình lý tưởng của hòa bình cho dân tộc và nhân loại như Hiến chương của Giáo Hội Phật Giáo Thống Nhất đã từng nêu ra cách nay hơn nửa thế kỷ (1964 – 2024).

Tưởng niệm ân đức của Từ phụ, chúng ta nguyện tiếp tục sống và tu tập theo con đường mà Ngài đã từ bi mở lối; con đường siêu tuyệt mà chư vị Thánh Tăng, Truyền Giáo Truyền Giới, Lịch đại Tổ Sư, truyền thừa dẫn đạo, từ đời này sang đời kia, suốt hơn 25 thế kỷ, lan rộng cả phương đông và phương tây, lan rộng đến mảnh đất Hoa Kỳ mà chúng ta đang ngụ cư.

Thế cho nên, mỗi người con Phật dù đang sống nơi quốc gia nào, trú xứ nào, phải tự thắp lên đức-Tuệ tự-tâm, thể hiện lòng-Từ tự-tâm, hướng về tất cả chúng sinh, sao cho thế giới hòa bình, chấm dứt chiến tranh; nhân loại thực hành chánh thiện, yêu thương và nhìn nhau như anh em; trái đất xinh tươi sống trong tình huynh đệ an hòa. Đó là cách cúng dường tối thượng hướng về ngày Đản Sanh của Đức Từ Phụ.

Kính tri ân quý liệt vị với niềm hoan hỷ sâu sắc trong ngày đại lễ hôm nay.

Nam mô Vô Ưu Thọ Hạ Thị Hiện Đản Sanh Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Sa môn Thích Tín Nghĩa

PHẬT TÁNH LÀ SỨC MẠNH CỦA NHÂN LOẠI

Nguyễn Thế Đăng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Nhân loại luôn luôn hướng về sự hoàn thiện của chính mình trong tất cả mọi mặt, vật chất và tinh thần. Đó là chiều hướng tiến hóa của nhân loại. Tiềm năng để tiến hóa và đích đến cuối cùng của sự tiến hóa được đạo Phật gọi là Phật tánh.

Ở đây chúng ta sẽ nêu ra một số điểm để nhìn thấy viễn cảnh của sự tiến hóa của loài người trong liên hệ với Phật tánh như thế nào.

1/ Sự bình đẳng

Phật tánh vốn có nơi mỗi chúng sanh là sự bình đẳng tuyệt đối, bình đẳng giữa người với người và giữa con người với Phật, tức là bậc đã phát triển, phát huy hoàn toàn Phật tánh ấy.

Kinh Đại Bát Niết Bàn nói: "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh." Phật tánh là thực tại có sẵn nơi mỗi chúng sanh, chỉ do những phiền não do chúng sanh tự tạo lập mà bị che chướng. Ngay cả những phiền não này cũng là tạm thời, có sanh ra thì có diệt mất, cho nên người ta có thể xóa bỏ chúng như xóa bụi trong tấm gương.

Con đường theo *Kinh Pháp Hoa* là Khai (Mở ra), Thị (Chỉ cho thấy), Ngộ (Kinh nghiệm thấy), Nhập (Đi sâu vào thực tại) nói lên Phật tánh là thực tại vốn có, chẳng phải Thượng Đế nào tạo ra rồi trao cho những chúng sanh nào mà ngài ứng ý. Đây là sự bình đẳng tuyệt đối mà mọi người vốn có.

2/ Cái thấy tất cả là một

Phật tánh bao gồm và hợp nhất trí huệ và từ bi. Trí huệ hiểu câu "Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh" là tất cả chúng sanh đồng một Phật tánh, dù trên mặt hình tướng có sự khác biệt do những hành động, những việc làm (nghiệp, karma) tốt xấu khác nhau. Như tất cả các làn sóng cao thấp, màu sắc, mạnh yếu khác nhau, nhưng trong bản tánh tất cả chúng đồng là đại dương.

Với cái thấy ấy dù còn lâu xa mới hoàn hảo, đời sống không còn bị chia cắt, tách lìa và đưa đến xung đột, chiến tranh. Thân khẩu ý mỗi người mỗi khác nhưng xuất hiện trên cùng một nền tảng là Phật tánh. Phật tánh là nền tảng nối kết được con người với con người, con người với thiên nhiên và thế giới.

3/ Từ bi

Lòng yêu thương đưa con người lại gần nhau và có thể kết hợp với nhau như trong cuộc sống vợ



chồng. Nhưng lòng yêu thương khởi phát từ và hoạt động trong một thân khẩu ý hữu hạn thì bị giới hạn.

Lòng yêu thương đặt nền trên nền tảng Phật tánh phổ quát thì mở rộng ra đến vô hạn và do đó có thêm những đức tính khác như hỷ, xả. Thế nên yêu thương (từ), thương xót (bi), và vui vẻ (hỷ), không cố chấp, tha thứ (xả) là bốn tâm vô lượng, nói theo đạo Phật.

Xã hội và rộng ra, thế giới, sống trong bốn tâm vô lượng này thì đây là một thế giới hòa bình, hạnh phúc, điều mà nhân loại vốn luôn luôn mong mỏi nhưng luôn luôn gặp điều ngược lại là ghét bỏ, thù hận, chiến tranh.

4/ Hướng đến tiến bộ của con người

Sự tiến bộ của loài người luôn luôn hướng đến cái đúng hơn, thật hơn (Chân), cái tốt lành hơn (Thiện) và cái cao đẹp hơn (Mỹ). Phật tánh là ba cái đó và còn những đức tính khác nữa. Theo *Kinh Đại Bát Niết Bàn* thì Phật tánh là Thường (luôn luôn có mặt trong mọi không gian thời gian), Lạc (hạnh phúc, an vui), Ngã (bản tánh không bị biến đổi do điều kiện), và Tịnh (trong sạch, không bị nhiễm dơ bởi phiền não, khổ đau). Nói cách khác, Phật tánh là mục đích tối hậu của con người để con người và cuộc sống trở nên hoàn hảo, không khuyết điểm, không hư hỏng, uổng phí. Phật tánh là vinh quang tối hậu của mỗi con người.

Nhưng Phật tánh không chỉ là mục đích tối hậu của con người, mà Phật tánh còn có mặt ở điểm khởi hành, là động lực cho con người tiến bộ trên con đường. Phật tánh chính là con đường đưa con người đến sự toàn chân, toàn thiện, toàn mỹ của chính con người. Con đường ấy không phải ở ngoài con người, do ai đem đến mà nó đã có sẵn theo dạng tiềm năng nơi mỗi người, và cuộc đời mỗi người là sự bước đi trên con đường hoàn thiện vốn ở nơi mình ấy. Càng đi trên con đường Phật tánh, người ta càng ngày càng mãn nguyện hơn, hạnh phúc hơn, vì nó đưa chúng ta đến gần với nhân loại hơn, với sự vật và thiên nhiên thế giới bên ngoài hơn. Vì Phật tánh là của mỗi người, đồng thời là của tất cả.

Lục Tổ Huệ Năng và hình ảnh thi ca

HT THÍCH PHƯỚC AN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Trong *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, tập một, khi bàn về sự liên hệ giữa thiền và thi ca, giáo sư Nguyễn Lang viết: *"Thi ca không có hình ảnh thì không còn là thi ca nữa, cũng như đi vào lý luận siêu hình thì Thiền không còn có thể là Thiền nữa."*

Nhưng thế nào là hình ảnh, giáo sư Nguyễn Lang giải thích:

"Khi Vô Ngôn Thông được hỏi về Thiền và thiền sư, ông đã im lặng lấy tay chỉ vào một gốc cây Thoa lư. Thiền và thiền sư trong lãnh vực đàm luận có thể là những khái niệm trừu tượng, gốc cây Thoa lư là hình ảnh cụ thể của thực tại, nếu nhìn gốc cây Thoa lư trong trong chính thực tại của nó tức là đã xâm nhập thể giới Thiền và trở thành thiền sư. Các thiền sư không bao giờ muốn đưa học trò của mình vào thế giới suy luận trừu tượng".[1]

Tất nhiên trong các Tông phái của Phật giáo, thì Thiền là tông phái gây cảm hứng mạnh mẽ nhất trong mọi lĩnh vực sáng tác nghệ thuật. Đặc biệt là trong lĩnh vực thi ca. Nhưng theo tôi, chính đức Phật mới là người đầu tiên khai mở dòng cảm hứng bất tận ấy cho những nghệ sĩ sáng tạo.

Đọc lịch sử đức Phật ta vẫn còn nhớ, sau 49 ngày tham thiền nhập định dưới gốc cây Bồ đề bên dòng sông Ni liên thiên, khi sao vừa mọc thì thái tử Tất Đạt Đa hốt nhiên đại ngộ (Anuttara Samyak Sambodhi) mà người Trung Quốc đã dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghĩa là chứng nhập chân lý tối cao.

Ta có thể đặt câu hỏi, tại sao đức Phật không hốt nhiên đại ngộ vào buổi trưa hay buổi chiều? Mà biển cổ ấy lại xảy ra lúc sao mai mới mọc? Phải chăng đó là giây phút đẹp nhất? Giây phút mà vũ trụ thức tỉnh sau một đêm dài bị bóng tối vây phủ. Như vậy giây phút mà đức Phật giác ngộ đó, nếu ta nhìn theo cách nhìn của thi nhân thì đó là giây phút mà đức Phật đã nắm bắt được cái đẹp thiên thu của vũ trụ chính trong lòng bàn tay của Ngài.

Nhưng thơ là gì? Và tại sao con người phải làm thơ? Thi hào Hàn Mặc Tử của Việt Nam, người đã dâng hiến trọn vẹn cuộc đời ngắn ngủi của mình cho thi ca và nhất là đã từng trải qua những đau khổ nhất cũng như hoạn lạc nhất trong trái tim rỉ máu của mình, đã cho biết vì sao ông làm thơ:

"Tôi làm thơ nghĩa là tôi yếu đuối quá! Tôi bị cảm sốt, tôi bị phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, đều hết sức giữ bí mật. Và cũng có nghĩa là tôi mất trí, tôi phát điên. Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú, có ai ngăn cản được lòng tôi?"

Trong Trường Bộ Kinh có ghi lại, sau khi rời gốc cây Bồ Đề, trên đường trở về thành Ba La Nại

gặp đạo sĩ Upka, đức Phật đã reo lên:

*"Ta là bậc tối thẳng, ta là bậc toàn tri
Xả trừ hết ô nhiễm và trần cấu,
Liả bỏ tất cả, lửa tham dục đã tắt
Ta không học với ai, thì còn biết gọi ai là thầy?"*

*Những gì ta biết ta không học với một ai,
Không ai bằng ta trên thế gian này,
Đầu sanh ở cõi phàm hoặc cung trời
Không một ai bằng ta hết
Ta đã thực sự chiếm được quả giải thoát,
Toàn thế gian ta là bậc vô thượng đạo sư,
Độc nhất trong đời, hoàn toàn giác ngộ,
Tự nguyện trong yên vui vô thượng."*

Nếu trong thi ca trong tinh thần Hàn Mặc Tử, thì những lời trên của đức Phật cũng có thể tạm gọi là ngôn ngữ của thi ca, vì nó đã được trào vọt ra từ trái tim tràn đầy hoan lạc của một người vừa tìm lại được tự do nơi chính quê nhà của mình sau bao thuở lang thang phiêu bạt tận nơi góc bể chân trời.

Và rồi sau đó trong gần 50 năm lang thang khắp lục địa Ấn Độ rộng lớn, từ những cung điện nguy nga tráng lệ của vua chúa đến những căn nhà nghèo khổ tăm tối nhất thuộc giai cấp tiện dân, từ những bậc thánh ẩn mình trong rừng sâu đến những tay đồ tể giết người, hay từ một tư tưởng gia thông thái đến những người nông dân chất phác thất học, với lòng từ bi vô hạn Ngài đã vì sự thống khổ của muôn loài mà tuyên thuyết bao nhiêu thi kệ. Những thi kệ ấy, có khi thì chất phác giản dị từ nội dung tư tưởng đến ngôn ngữ như trong các kinh thuộc thời nguyên thi, khi thì bay bổng tuyệt vời như trong các kinh thuộc Đại thừa. Chẳng hạn như Hoa Nghiêm Kinh, ta đọc mà có cảm tưởng như đó là trường thi vĩ đại nhất mà dân tộc Ấn Độ đã cống hiến cho thi ca nhân loại, và phải chăng chỉ có một dân tộc được sinh ra dưới chân núi Hi Mã Lạp sơn cao nhất thế giới thì mới tạo ra một thứ ngôn ngữ kỳ lạ như vậy?

Năm 520, Bồ Đề Đạt Ma mang thông điệp Phật Giáo Thiền tông đến Trung Quốc. Đã biết bao nhiêu thiên niên kỷ trôi qua rồi, vậy mà cái truyền thuyết về việc đức Phật cầm đóa hoa đưa lên trước pháp hội và nụ cười mênh mông của Tôn Giả Ca Diếp trên đỉnh núi Linh Thứu cùng với đôi mắt của Bồ Đề Đạt Ma chín năm trầm hùng nhìn vào vách đá Chùa Thiếu Lâm, đôi mắt sâu thẳm như nhìn vào kiếp người đen tối vẫn còn tiếp tục nuôi dưỡng tinh thần sáng tạo nghệ thuật không những chỉ tạo Trung Quốc mà còn cả toàn thể thuộc khu vực Viễn Đông nữa.



Nhưng vì Bồ Đề Đạt Ma dù sao cũng là người Ấn Độ nên theo giáo sư D.T Suzuki, chỉ có công khai mở một trào lưu. Phải đợi đến khi Huệ Năng, một người sanh ra từ đất Trung Hoa, và với thiên tài Huệ Năng thì Thiền mới chính thức trở thành một trào lưu tâm linh vĩ đại cho đến ngày nay.

Nhưng mảnh đất đã sinh ra Bồ Đề Đạt Ma có gì khác biệt với mảnh đất đã sinh ra Huệ Năng? "*Còn người Trung Hoa mãi mãi là những đứa trẻ bụi đời, vóc dáng nặng nề không bao giờ dám bay bổng lên mây, sinh hoạt của họ thường ngày là cây cuốc, là gom lá khô, là xách nước, là buôn bán, là hiểu thảo. Làm việc công ích, là qui định những lễ nghi rắc rối nhất đời, đại khái có nghĩa là có ý thức về lịch sử quan sát thời vụ, là ghi lại những dấu vết ấy làm chứng tích của thời gian. Người Trung Hoa có vẻ tự hào giới ghi chép nhất trong đời, trái hẳn với người Ấn Độ đánh mất ý niệm thời gian.*" [2]

Vì tinh thần thực tiễn như vậy nên người Trung Hoa say sưa với những gì trên mặt đất này "*Núi vút trời cao, nước đi ra biển. Cây trở hoa xuân, hoa đơm tàn đỏ. Trăng sáng thì nhà thơ say sưa trở khúc thái bình.*"

Lục tổ Huệ Năng là một người con của một đất nước như thế, mà lại sống cùng thời đại với Lư Chiếu Tân (637 - 690), Mạnh Hạo Nhiên (689 - 740) và Vương Duy (710 - 776) vv... Tức là những tên tuổi lớn của thi ca Trung Quốc thời sơ Đường. Đặc biệt là khi lục tổ Huệ Năng đang du thuyết đạo thiền thì Lý Bạch, thi hào được xem như là vĩ đại nhất Trung Quốc đã là cậu thiếu niên 12 tuổi, và năm Huệ Năng viên tịch thì thi hào Đỗ Phủ vừa chào đời được một năm. Đỗ Phủ sanh 712 và mất 770... "*Huệ Năng viên tịch 713 thọ 76 tuổi, nhằm thời thịnh Đường thiên hạ vui cảnh thái hòa và văn hóa Trung Quốc vút đến tuyệt đỉnh vinh quang trong lịch sử.*" [3]

Bởi vậy, dù không phải là một thi nhân, nhưng khi đem những vấn đề huyết mạch nhất của tư tưởng Phật Giáo để giải thích cho người Trung Hoa thì Huệ Năng đã sử dụng ngôn ngữ đầy hình ảnh thi ca, ví dụ đoạn này trong Pháp Bảo Đàn kinh:

"*Huệ Năng này bước ra ngồi xếp bằng trên tảng đá, Huệ Minh làm lễ nói rằng: 'Mong hành giả nói pháp cho tôi nghe!'*"

Huệ Năng nói: "*Nếu ông vì pháp mà đến thì nên dứt tưởng niệm, lành dữ thảy đừng nghĩ tới.*" Huệ Minh vâng lời.

Vài giây sau Huệ Năng lại nói: "*Đừng nghĩ thiện, đừng nghĩ ác, ngay lúc này đây đưa cho tôi xem cái 'bản lai diện mục' của ông trước khi mẹ ông sanh ra.*"

Giáo sư D.T Suzuki cho rằng, đoạn kinh trên là sự sáng tạo vĩ đại nhất của thiền tại Trung Hoa "*Đó là chân trời mới, mà Huệ Năng mở ra cho thiền cổ truyền Ấn Độ. Ở cách nói ấy, ta không thấy gì là Phật Giáo hết, thế có nghĩa là Huệ Năng tự vạch ra cho mình một con đường riêng lẻ, và diễn đạt một chân lý thiền theo kinh nghiệm riêng độc đáo, và đầy tinh thần sáng tạo. Trước Huệ Năng để biểu thị kinh nghiệm ấy, người ta vay mượn đó đây, mượn chữ cũng như mượn phương pháp nói rằng: "ông là Phật" hoặc là "Phật ở trong ông" thật quá sáo quá chìm, vì quá trừu tượng, quá khái niệm. Những câu nói ấy đành là có chứa đựng một chân lý thâm diệu nào đó, nhưng thiếu cụ thể, không đủ sinh khí lay hồn ta chìm giữa trừu tượng và tử chương vậy. Huệ Năng chất phác ở tâm, mộc mạc ở trí, không nhiệm*

phải cái học của đạo và đời, Huệ Năng có thể nắm lấy chân lý nồng hời trong tay, và đó là chỗ tươi mát khác thường của tâm trí trong khi tiếp xử với đời." [4]

"*Chất phác ở trong tâm, mộc mạc ở trí.*"

Có lẽ đây chính là điểm gặp gỡ quan trọng nhất giữa Thiền (nhất là Thiền của Huệ Năng) và Thi ca. Đặc biệt là sau hai câu thơ lừng danh của Bàng Uẩn, một trong những cư sĩ trúc việt nhất của Phật Giáo Thiền tông Trung Quốc:

Thần thông tịnh diệu dụng

Vận thủy cập ban sai.

(*Này thần thông! Này diệu dụng!*)

Ta gánh nước! Ta đốn củi!)

Khởi đầu là Trung Quốc, rồi sau đó tràn qua Nhật Bản, Triều Tiên, rồi tất cả các quốc gia thuộc khu vực miền viễn Đông, tại các thiền viện, chùa chiền, trong các công án, pháp ngữ hay kệ thị tịch của các thiền sư, ta thấy tràn đầy tinh thần thi ca.

Tại Việt Nam, ngoài các thiền sư, thi sĩ đời Lý, Trần ta còn thấy dấu đời hậu Lê có bậc anh hùng Nguyễn Trãi, một con người hoàn toàn cô độc trước thời đại mình đang sống, đã luôn luôn mong ước dù chỉ một lần thôi, được đến tận nguồn của suối Tào Khê, nơi mà Lục tổ Huệ Năng đã khai mạch cho dòng suối tâm linh vĩ đại ấy:

Bán sinh khuu hắc tiện u thê

Thiền pháp phân minh thính diệu đề

Vạn lý nam lai sơn thủy viễn

Nhất sinh năng kỷ quá Tào Khê.

(*Nửa đời ẩn dật sẵn hang sâu*

Vang động gian chùa tiếng nhận kêu

Muôn dặm từ nam non nước thăm

Một đời mấy bận tới Tào Khê.)

Vì nước của dòng suối ấy, Nguyễn Trãi tin tưởng rằng không chỉ rửa sạch những đau khổ của chính mình thôi mà còn cả mọi sinh linh thống khổ khác nữa:

Môn tiền nhất phái Tào Khê thủy

Tây tận nhân gian kiếp kiếp trần

(*Trước cửa Tào Khê dòng nước chảy*

Rửa bụi bặm bao nhiêu kiếp của nhân gian)

Trong một bài thơ chúng ta biết rằng, Nguyễn Du đã tri tụng kinh Kim Cang hơn cả ngàn lần, vậy mà thi hào của chúng ta vẫn không hiểu hết ý nghĩa sâu xa của kinh. Cuối cùng phải nhờ bài kệ đắc pháp Lục tổ Huệ Năng mới chợt nhận ra rằng, con đường đi vào thực tại không qua ngôn ngữ mà chính là con đường của vô ngôn, nghĩa là con đường của im lặng:

Nhân liễu thứ tâm nhân tự độ

Linh sơn chỉ tại nhữ tâm đầu

Minh kính diệc phi đài

Bồ Đề bốn vô thọ.

Ngã độ Kim Cang thiên biển linh

Kỳ trung áo nghĩa đa bất minh

Cập đảo phân kinh thanh đài hạ

Tài tri vô tự thị chân kinh.

(*Ta giải thoát khi nào trong lòng đã sáng tỏ.*

Linh sơn ở ngay trong chính ta,

Gương sáng vốn không đài,

Cây Bồ Đề cũng không có gốc,

Ta đã từng đọc kinh Kim Cang hơn ngàn lần,

Ý nghĩa sâu xa vẫn chưa hiểu hết,

Chỉ đến khi đứng trước đài phân kinh,

Mới hay rằng: "vô tự" mới chính là chân kinh.)

Nhưng tại sao một tổ sư của Phật Giáo mà lại đầy động cả phong trào thi ca rầm rộ như vậy?

Tôi nhớ hồi nhỏ tôi đọc được pháp Bảo Đàn Kinh tại một ngôi chùa ở vùng núi non hẻo lánh thuộc miền Trung, thôn quê vốn đã vắng vẻ tĩnh mịch, mà cách đây 40 năm lại càng vắng vẻ và tĩnh mịch hơn. Hồi đó tôi mới học lớp 4 hoặc 5 ở trường làng, nên dĩ nhiên đọc Pháp Bảo Đàn Kinh cũng như đọc truyện cổ tích vậy thôi.

Nhưng chính như đọc truyện cổ tích mà tôi mới thấy hình ảnh của Lục tổ Huệ Năng gần gũi với tuổi thơ của tôi vô cùng. Tôi cứ tưởng tượng cái xứ Lĩnh Nam mà Lục tổ nói nghèo khổ quê mùa đó chắc cũng giống như quê của tôi, cũng những người nông phu ra đồng cày ruộng, cũng những người tiều phu lên rừng đốn củi. Ngôi chùa Đông Thiền núi Hoàng Mai sinh hoạt cũng giống như những ngôi chùa trong rừng núi quê tôi, nghĩa là cũng xay lúa, cũng giã gạo. Nhiều khi tôi cũng tưởng tượng hình ảnh Lục tổ Huệ Năng mặc chiếc áo tràng màu nâu đất, mang đôi guốc gỗ lấm lũi bước đi, có lúc là giữa núi rừng chập chùng, có khi là trên những con đường thôn dã giữa những người nông dân chân lấm tay bùn.

Khi lớn lên lưu lạc các chùa ở thành phố, sống giữa thế giới văn minh tiến bộ, tất nhiên tôi cũng không còn đọc Kinh Pháp Bảo Đàn như đọc một câu chuyện cổ tích nữa, nhưng lúc nào hình ảnh Lục tổ Huệ Năng, ngôi chùa xưa dưới bầu trời cao rộng, nơi một quê tĩnh mịch vẫn cứ sống êm đềm trong ký ức tuổi thơ xa xôi của tôi.

Và tôi cũng nghĩ rằng, hề bất cứ cái gì đưa tâm hồn con người đi lên, đưa con người tiến về cái đẹp, thì cái đó là hình ảnh của thi ca vậy.

Dường như thế giới càng văn minh tiến bộ bao nhiêu, thì tâm thức của con người hoang mang và lạc lõng bấy nhiêu. Sự hoang mang đó có lẽ cũng giống như sự hoang mang của Thần Tú (Một con người rất uyên bác) khi Ngũ tổ bảo phải làm một kệ khác để trình cái sở chứng của mình:

“Tâm trung hoảng hốt, thần tứ bất an, du như mộng trung hành tọa bất lạc” (trong lòng hoảng hốt, thần tứ chẳng an, dường như giấc mộng, đứng ngồi chẳng vui)[5]. Nghĩa là bất an và đau khổ vì cái sở học uyên bác của mình.

Có lẽ nhân loại đang đứng trước ngưỡng cửa thế kỷ 21 này, nên khởi sự học lại từ đầu cái mà Lục tổ Huệ Năng đã bị mắng là: “Nhĩ giá lạp lão bất tri” (Con người man rợ này chẳng biết chi hết) thì mới mong tìm được một nền văn minh đích thực cho chính mình chẳng?

[1] *Việt Nam Phật Giáo sử luận*, tập I Nguyễn Lang, trang 204 NXB Văn Học, Hà Nội 1994.

[2] *Thiền Luận*, D.T Suzuki, Trúc Thiên dịch, trang 144, NXB An Tiêm Sài Gòn 1973.

[3] *Thiền Luận*, Sđd. trang 356

[4] *Thiền Luận*, S đd. trang 331

[5] Pháp Bảo Đàn Kinh, phẩm Tự Tự.

KÍNH MỪNG PHẬT ĐẢN

*Đóa hoa ưu đàm nở
Mùa Phật Đản lại về
Ánh hào quang rạng rỡ
Hương sen bước cận kề.*

*Nghe lời răn của Phật
Gieo hạt mầm từ bi
Mở khai niêm chánh đạo
Phật pháp thật diệu kỳ.*

*Con đường đến hạnh phúc
Hoa hồng đầy chông gai
Trăm năm đời huyền mộng
Trăm luân một kiếp người.*

*Khơi dậy niêm an lạc
Lan tỏa tình yêu thương
Thắp sáng bao ánh tuệ
Xua tan tối miên trường.*

*Qua dòng sông tỉnh thức
Đâu cánh bướm huyền không
Cội nguồn ta tắm gội
Lòng gan đục khơi trong.*



GIỌT SƯƠNG TỊNH ĐỘ

*Như lòng thả một cành dâu
Con thuyền bát nhã biết đâu bến bờ
Tâm lành đẹp tựa áng thơ
Bề lau nhân ảnh hững hờ trôi qua.*

*Dòng đời một áng mây xa
Đâu là rừng trúc đâu là hiên mây
Nắng tàn rồi lại mưa bay
Ngàn hoa chợt nở phôi bầy nhân duyên.*

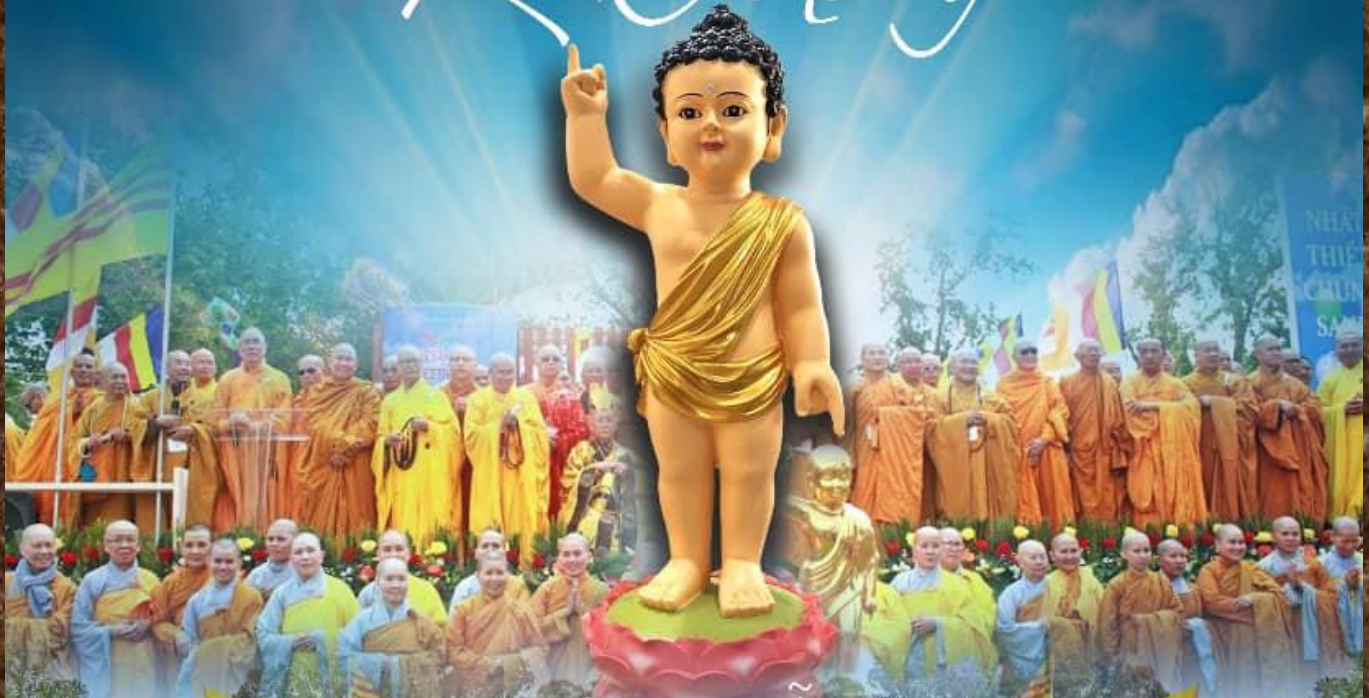
*Hóa thân vào cõi diệu huyền
Đi qua dâu bể lời nguyện trăm năm
Dưới trăng nghe tiếng hạc cầm
Giọt sương tịnh độ âm thâm ngũ say.*

*Cội nguồn đồng vọng chân mây
Non cao biển rộng vui đầy hợp tan
Trang kinh đổi bóng thời gian
Biết đâu ngõ trúc áo lam tìm về.*

thơ TÔN NỮ MỸ HẠNH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
CỘNG ĐỒNG PHẬT GIÁO CALIFORNIA

Kính Mừng



ĐẠI LỄ

PHẬT ĐẢN

THỨ BẢY VÀ CHỦ NHẬT | NGÀY 4 VÀ 5 THÁNG NĂM 2024

GARDEN GROVE PARK

9301 WESTMINSTER BLVD., GARDEN GROVE, CA 92844



THÍCH NHẤT HẠNH
THÍCH NHẤT TRÍ
THÍCH KHUÊ
CHƯƠNG TRÌNH



THÍCH THÀNH MINH
THÍCH THÀNH MINH
THÍCH THÀNH MINH

Vui thay Phật ra đời
Vui thay Pháp được giảng
Vui thay Tăng hòa hợp
Hòa hợp tu vui thay.

Trân trọng kính mời



THÍCH NGUYÊN SIÊU
THÍCH NGUYÊN SIÊU
THÍCH NGUYÊN SIÊU



THÍCH LỆ MINH
THÍCH LỆ MINH
THÍCH LỆ MINH

LIÊN LẠC BAN TỔ CHỨC: THƯỢNG TỌA THÍCH THÀNH MINH, TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC: 714.675.8226

[TRỞ VỀ MỤC LỤC](#)

PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG ĐỂ CÙNG TỒN TẠI

HT. Thích Như Điển

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

(Ghi chú của Ban Biên Tập Viên Giác: Hội Đồng Tăng Già Phật Giáo Thế Giới (The World Buddhist Sangha Council, viết tắt là WBSC) được thành lập vào tháng 5 năm 1966 tại Thủ đô Colombo, Tích Lan, với tiêu chí gồm 4 điểm sau: (1) Khuyến khích siết chặt tình hữu nghị giữa Tăng già (Promoting better relationship amongst the Sangha); (2) Đẩy mạnh các hoạt động hoằng dương Chánh Pháp (Promoting Dhammadutha activities); (3) Tăng thêm tình hữu nghị giữa hàng Tăng sĩ xuất gia và Phật tử tại gia (Promoting a cordial relationship between the laity and Sangha); (4) Tán thành, ủng hộ mọi hoạt động về tự do và hòa bình cho thế giới qua đóng góp của Tăng già (Upholding of freedom and peace in the World through the Sangha). Hiện nay HDTGPGTG quy tụ 54 quốc gia thành viên trên toàn thế giới có trụ sở đặt tại Đài Loan. Bắt đầu từ năm 2018 Hòa Thượng Thích Như Điển được Đại Hội cung thỉnh vào Pháp vị Phó Chủ Tịch Hội Tăng Già Phật Giáo Thế Giới.)

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính thưa Quý Vị,

Lần này Hội Đồng Tăng Già Thế Giới (World Buddhist Sangha Council) thảo luận về đề tài Environment Restoration for Harmonious Co-Existence (Phục Hồi Môi Trường Để Cùng Tồn Tại). Dựa vào đề tài này, chúng tôi xin gửi đến quý vị quan điểm của mình như sau.

Đạo Phật là đạo lấy từ bi và trí tuệ làm phương châm cho cuộc sống hằng ngày, từ quá khứ cho đến ngày nay không có gì thay đổi. Nếu có thay đổi, thì đó là do lòng người cũng như không gian và hoàn cảnh khác nhau, nên mới có những việc xảy ra bất như ý trên quả địa cầu này.

Thế giới của chư Thiên ở các cõi Trời chắc là môi trường vẫn còn tốt, nên chưa thấy sách vở hay kinh điển nào đề cập đến là nên cần phải phục hồi lại môi trường ở những cõi ấy. Những cõi của các vị A La Hán, các vị Bồ Tát ở mười phương vô biên thế giới chắc cũng không cần phải phục hồi về môi trường để sinh sống, vì những vị này đã giải thoát sanh tử và không bị môi trường xung quanh mình chi phối. Riêng cõi người và những cõi bên dưới như: địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh chắc chắn cần phải bảo vệ nhiều hơn, mới mong môi trường xung quanh sạch sẽ được.

Đức Phật của chúng ta thường dạy rằng: Ở cõi người là cõi dễ tu thành Phật, thành Bồ Tát, thành A La Hán nhất. Nhưng đồng thời ở cõi này nếu

chúng ta không biết tu tập, không biết làm lành lánh dữ thì cũng dễ bị đọa lạc vào những cõi bên dưới, với nhiều đau khổ hơn con người của chúng ta hiện đang sinh sống trên quả địa cầu này. Đọc kinh sách Phật Giáo, chúng ta thấy rằng ở vào thời quá khứ xa xưa, cõi này vốn thanh tịnh, và con người không phải làm lung vất vả như ngày hôm nay để có cái ăn, cái mặc, bởi vì tất cả đều do sự ước muốn của con người mà đồ ăn uống sẽ tự hiện ra để cho chúng ta sử dụng. Nhưng con người vốn do lòng tham không giới hạn, nên những ham muốn đó, khiến chúng ta bị sa lầy trong sanh tử, quên đường về lại Thiên cung, vì thần thông không còn nữa. Tất cả đều do chúng ta tạo ra và tham, sân, si chính là những độc tố giết hại tâm ta cũng như môi trường sống chung quanh của chúng ta. Thêm vào đó, sự ngã mạn, nghi kỵ, lòng cố chấp, vị kỷ, v.v... đã làm cho sự nhận thức của chúng ta bị hoen ố, nên càng ngày càng lún sâu vào con đường tội lỗi.

Nhìn lại từ thế kỷ thứ 18 đến thế kỷ thứ 21 này chúng ta thấy những gì đã và đang xảy ra chung quanh mình? Đầu tiên là dân số gia tăng chóng mặt. Sự sinh sản không giới hạn ở nhiều châu lục, khiến cho nạn đói càng ngày càng tăng, trẻ thơ không có đủ sữa để uống, áo quần không đủ mặc để đi đến trường. Sự thất học khiến cho con người cùng quẫn, sinh ra những tệ nạn khác của xã hội như: cướp bóc, giết người, buôn bán ma túy, v.v... Điều đó dẫn đến hệ lụy là tất cả sinh hoạt mưu sinh của con người đều cốt làm sao lợi nhuận được tăng cao, mà chưa bao giờ quan tâm đến sức khỏe và sự sống chết của người khác. Trong lãnh vực hoạt động sản xuất cũng như thế. Nghĩa là con người không tập trung vào việc bảo vệ cây cối, rừng núi thiên nhiên, bằng cách chăm sóc và trồng cây xanh để giữ gìn môi trường thiên nhiên tốt đẹp. Ngược lại, con người chỉ nhắm vào mục đích gia tăng lợi nhuận mà khai thác vô tội vạ việc chặt phá cây cối để canh tác, lấy gỗ khiến cho môi trường ngày càng tồi tệ, mà hậu quả là lũ lụt, hạn hán



càng lúc càng hung hãn để dẫn đến tình trạng nhiều dòng sông cạn nước, những cánh đồng không còn cây cỏ xanh tươi, động vật chết chóc, tuyệt chủng.

Trong lãnh vực công kỹ nghệ, những nhà máy sản xuất mọc lên khắp nơi, dùng nước thải không xử lý cho chảy ra ao, hồ, sông, biển khiến cho môi trường nước bị nhiễm độc làm cho không biết bao nhiêu động vật đang sinh sống nơi ấy bị chết ngạt, thậm chí có nơi con người còn vớt lên để nấu ăn, tiêu thụ. Hệ quả theo sau là con người bị bệnh tật, chết chóc..., thuốc thang không đầy đủ để có thể cứu giải những khổ nạn này. Còn nữa, tình trạng các bao rác bằng ni lông thả đầy vào những dòng sông, vào biển cả, khiến cho những sinh vật đang sinh sống tại đó ăn nhầm hay bị vướng mắc khiến cho chúng không thể sống và sinh trưởng nữa. Sự sinh tồn nơi biển cả cũng có nguy cơ càng ngày càng giảm thiểu nhiều hơn qua việc đánh bắt tinh vi của con người. Vậy mà cũng không đáp ứng đủ với nhu cầu tiêu thụ của con người.

Từ lòng đất, trữ lượng khí đốt, dầu thô cũng bị con người đào xới, sử dụng không giới hạn. Rồi một ngày nào đó, lòng đất sẽ trống rỗng, khiến cho phải bắt đầu lại từ đầu.

Tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, địa vị, v.v... là những thứ khiến chúng ta dễ bị say đắm và dễ bị rơi vào cạm bẫy để chúng tự làm chủ, còn chúng ta thì bị nô lệ. Một ngày nào đó chúng ta không tự biết mình là ai và chúng ta có mặt ở thế giới này để làm gì. Nếu sống mà không có mục đích thì việc sống ấy có giá trị gì chẳng? Vậy chúng ta phải bắt đầu từ đâu đây? Chúng ta phải trở về với những lời dạy nguyên thủy của Đức Phật và chư vị Thánh Tăng, bởi lẽ không ai trong chúng ta tự biết vì sao chúng ta bị mắc phải vào những sai lầm như thế. Chỉ bằng cách là giáo dục con người từ thuở ấu thơ và dần lên trưởng thành bằng chất liệu từ bi và trí tuệ của Phật Giáo thì chắc chắn một điều, thế giới này sẽ đổi thay và môi trường sống chung quanh chúng ta cũng sẽ thay đổi. Nếu không giữ giới, thực hành hạnh lợi tha thì đừng trông mong gì môi trường chung quanh chúng ta được tốt hơn. Bài viết này chỉ mong đóng góp một phần nhỏ vào chủ trương của WBSC qua ý tưởng của chúng tôi, với ước mong rằng tất cả chúng ta, trời và người, cùng bao nhiêu sinh vật khác đang chung sống trên thế giới này đều được an triêm lợi lạc, để tất cả chúng sanh được sống hòa bình với nhau trong một môi trường sạch sẽ thì Tịnh Độ chính là bây giờ và ở đây vậy.

Cầu mong những nỗ lực chung của tất cả chúng ta sẽ dẫn đến một thế giới an bình, nơi tất cả chúng sanh cùng sống trong hài hòa và vẻ đẹp của Trái đất được bảo tồn cho nhiều thế hệ tương lai."

Kính nguyện tất cả luôn được an vui.

Most Venerable Thich Nhu Dien

(Trích nguồn: Báo Viên Giác, Đức quốc)



Kính thưa quý Chư Tôn Đức và Độc giả,
Nhơn mùa Hoa Ưu Đàm lại về, cũng có sự trùng hợp với ngày Đại tướng của cố Tổng vụ Trưởng Tổng vụ Giáo dục, Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Tín Nghĩa tôi cảm niệm sự hy hiến của HT Đồng Tuyên (Thái Siêu) đã tận tình tận lực với Giáo Hội trong lãnh vực của Ngài. Nhớ công ơn đặc biệt ấy, chúng tôi kính xin lục lại bài thơ cũ đã sáng tác trước khi cung tống kim quan đến nơi trà tỳ.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát
Sa môn Tín Nghĩa

敬 弔 覺 靈 洞 宣

七 十 八 年 學 佛 言

一 心 恭 手 位 至 尊

今 朝 願 滿 歸 佛 地

妙 用 洞 宣 絕 正 真

同 事 法 侶 信 義 - 孟 夏 壬 寅 -
Apr. 08th, 2022

Kính diếu Giác Linh Đồng Tuyên

Nguyên âm:

Thật thập bát niên học Phật ngôn,
Nhất tâm cung thủ vị Chí tôn,
Kim triêu nguyện mãn quy Phật địa,
Diệu dụng Đồng Tuyên tuyệt chánh chơn.

Dịch:

Bảy tám năm dài học Phật ngôn,
Nhất tâm cung thủ đáng Chí Tôn,
Giờ đây mãn nguyện về Phật địa,
Diệu dụng Đồng Tuyên đã vuông tròn.

Đồng sự pháp lữ

ĐNT TÍN NGHĨA

Mạnh hạ Nhâm dần - Apr. 08. 2022

Mừng Sinh Nhật Phật

THANH NGUYỄN

Thế là ngày sinh nhật Phật lại đến với chúng ta. Mọi người hân hoan nao nức mừng ngày đản sanh của đấng cha lành. Rằm tháng Tư hoa nở chim ca, muôn loài tươi mới, khắp nơi dâng hương hoa cúng dường. Trong tâm tưởng hàng Phật tử chúng ta còn “thấy” chư thiên rải hoa mạn thù sa, mạn đà la cúng dường đức Thế Tôn.

Kinh sách thường bảo mười ngàn thế giới chấn động ba lần ấy là khi đức Phật thị hiện ra đời, đức Phật thành đạo và lúc đức Phật nhập niết bàn. Sự chấn động ấy đúng thực nghĩa hay là biểu trưng cũng đều đầy đủ ý nghĩa vô tiền khoáng hậu của sự kiện.

Đức Phật thị hiện ra đời để khai phá con đường sáng, con đường giải thoát. Ngài thị hiện ở thế gian để nói cho con người biết sự thật chơn tướng của con người và vạn sự ở thế gian. Con người từ lâu mê mờ không rõ sự thật, chìm đắm trong ngũ dục lục trần, lạc lối trong khu rừng vô minh tăm tối mờ mịt không biết đường ra. Con người khổ mà không thấy khổ, không biết vì sao mình khổ, có đôi khi biết nhưng tặc lưỡi cho qua. Con người lấy khổ làm vui. Con người quanh quẩn lên xuống trong tam đồ lục đạo... Bởi vậy mà Phật thị hiện ra đời để cứu khổ ban vui. Đừng hiểu cứu khổ ban vui kiểu thánh thần có phép tắc có thể ban phước giáng họa. Phật cứu khổ bằng cách nói cho ta biết tại sao ta khổ, nguyên nhân cái khổ, phương cách thoát khổ, con đường đi đến hết khổ, giải thoát, niết bàn... Ban vui ấy chính là khi biết khổ, loại bỏ nguyên nhân gây khổ thì sẽ vui, dứt sanh tử luân hồi sẽ vui trong tịch tịnh niết bàn. Cứu khổ ban vui tùy theo trình độ, căn cơ của mỗi con người, xu hướng và tính cách của mỗi nhóm người... Bởi vậy mà Phật “Quyền thật phương tiện thuyết”. Căn bản Phật pháp vẫn là tứ diệu đế, bát chánh đạo, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, lục ba la mật... nhưng vì chúng sanh căn cơ sai biệt, tính cách đa dạng, xu hướng không giống nhau nên mới có nhiều phương pháp độ sanh, cho dù có tám vạn bốn ngàn pháp môn hay không thì Phật pháp vẫn phải phù hợp, khéo cơ, khéo lý thì mới độ được người.

Đức Phật đản sanh thị hiện ở vườn Lâm Tỳ Ni, quang minh rực rỡ sáng hơn cả ánh sáng trời trăng, lục chủng chấn động khắp mười ngàn thế giới. Thiên nhân chấn động tâm. Ma vương cũng bị chấn động, một sự kiện hy hữu ở thế gian này. Ngài thị hiện vào hoàng cung rồi xuất gia học đạo, rồi lại từ bỏ tu khổ hạnh để thực hành trung đạo, cuối cùng hiện chứng thành chánh đẳng chánh giác. Đây là cả một quá trình vượt thoát vô cùng vĩ đại. Ngài đã thành Phật. Cuộc đời đức Phật như một đóa hoa sen, hoa sen từ trong bùn nhớ hôi tanh vươn lên khỏi mặt nước để nở hoa và tỏa hương.

Đức Phật từ một con người bình thường như bao con người khác, rồi ngài thực hành trung đạo mà thành bậc chánh đẳng chánh giác. Con người nếu tu theo giáo pháp của ngài thì cũng thành tựu

như ngài. Đức Phật tuyên bố: “Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành”. Đây là một câu nói vô tiền khoáng hậu. Một câu nói chấn động tâm nhân thiên, từ trước đến giờ chưa từng có ai nói như thế cả! Ấn Độ lúc ấy có chín mươi sáu tôn giáo, thế giới loài người từ cổ sơ đến giờ có hàng trăm tôn giáo khác nhau nhưng chưa từng có một vị giáo chủ hay một thủ lĩnh nào nói với mọi người là ai cũng có thể đạt địa vị như mình, chứng đắc như mình. Với các tôn giáo ở thế gian này thì tất cả tín đồ vĩnh viễn là tôi đòi phải nghe lời và thần phục tuyệt đối, các tín đồ chịu sự phân xét hay ban thưởng của giáo chủ, phải trung thành và phục tùng vô điều kiện... Thế gian này chưa có một vị giáo chủ nào cho phép tín đồ của mình bằng mình. Đừng nói là ở lĩnh vực tôn giáo, ngay cả đời thường thế tục cũng không hề có việc này. Chưa từng có một ông vua, thủ lĩnh, nguyên thủ nào cho phép kẻ dưới bằng địa vị của mình. Câu nói: “Ta là Phật đã thành, các ông là Phật sẽ thành” vĩ đại thật khó có thể nghĩ bàn hay dùng ngôn ngữ để tán tụng. Xưa nay chúng ta thường nói đến đấu tranh cho tự do, dân chủ, bình đẳng... nhưng suốt chiều dài lịch sử nhân loại chúng ta chưa hề đạt được điều đó. Chỉ riêng có Phật đạo là có thể. Đạo Phật đã chứng minh như thế. Câu nói của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni là một bằng chứng. Lịch sử tu và chứng của các thánh giả Phật giáo là những minh chứng. Ngay cả danh tự mà chúng ta vẫn thường tôn xưng cũng nói lên tính bình đẳng, dân chủ tuyệt đối. Ngài là Bổn Sư, là ông thầy dạy đạo căn bản. Điều này mọi người có thể nhận thấy không hề có ở trong các tôn giáo khác. Với các tôn giáo khác thì chỉ có đấng tối cao, giáo chủ và tín đồ mà thôi!

Rằm tháng Tư năm nay hay rằm tháng Tư của 2648 năm trước và rồi rằm tháng Tư của những năm sau này nhân loại vẫn hân hoan đón chào ngày sinh nhật của đức Phật. Khi nào con người con khổ và chỉ có mỗi con đường giải thoát này. Khi nào mà con người còn chìm đắm trong ngũ dục lục trần, tâm còn đầy tam độc thì giáo pháp của đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni vẫn còn hiệu nghiệm để giải trừ khổ, giải thoát, đi đến tịch tịnh niết bàn.

Mừng ngày Phật đản sanh, hương hoa cúng dường, ngôn văn tán tụng, cờ xí trang nghiêm, lễ lạc thành kính... ấy vẫn chỉ là hình tướng để tỏ bày. Thật sự nhớ ơn Phật, tạ ơn Phật, tôn kính Phật ấy chính là y giáo phụng hành, thực hành sống đạo, thực tập lời Phật dạy, áp dụng giáo pháp vào trong cuộc sống hàng ngày. Đạo Phật là đạo đến để thấy, để hành chứ không phải để nói suông, huyền thuyên chữ nghĩa.

Mừng ngày Phật đản sanh, ba ngàn thế giới hoan hỷ cung nghinh, nhân thiên thành tâm lễ kính, người bốn phương hướng về Lâm Tỳ Ni ngưỡng vọng, người xa gần về các đạo tràng để đánh lễ chiêm bái tôn tượng của đức Bổn Sư.

Ngày nay đạo Phật đã truyền bá khắp năm châu, người con Phật bây giờ có đủ mọi màu da, sắc dân và những truyền thống văn hóa khác nhau. Tuy nhiên tất cả đồng lòng hướng về Vườn Lâm Tỳ Ni để cùng tưởng niệm hoa Ưu Đàm nở, một sự kiện hy hữu ở thế giới Sa Bà.

Thanh Nguyễn
Ất Lăng thành, 0424

Lục bát Viên Linh

TUỆ SỸ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

(Tưởng niệm Viên Linh, cây bút tài hoa của nền Văn Học Việt Nam. Nhà văn-nhà thơ Viên Linh sinh ngày 20/1/1938, mất ngày 28/3/2024; nguyên Tổng Thư Ký tòa soạn báo Khởi Hành VNCH (1971-75), sáng lập và điều hành tập san Thời Tập VNCH (1973), Chủ tịch Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại (1991-95), Chủ nhiệm kiêm Chủ bút tạp chí Khởi Hành tái tục tại hải ngoại (1996), v.v... Thi phẩm Thủy Mộ Quan (1982) của ông được đánh giá như là thơ chiều hồn, hay một bản trường ca khóc cho một thời điều linh của người dân nước Việt sau ngày 30/4/1975. Thầy Tuệ Sỹ đã đồng cảm sâu sắc với cõi thơ và cõi lòng của Viên Linh qua bài "Lục Bát Viên Linh" sau đây. Kính tiếc nhà thơ Viên Linh và xin chia sẻ cùng bạn đọc. VH)



Nhà thơ Viên Linh (ảnh: Uyên Nguyên)

1.

Từ thuở bình minh ấy, khi Biển Đông vừa tàn cuộc khói sương, những đợt sóng vỗ bờ, xô nặng mai lên bãi cát, ghi dấu phể hưng của một thời lãng mạn bi hùng; có đoàn người lần theo duyên hải, định hướng chân trời, đầu là phương sinh nhai cho tròn cõi nhân sinh. Không biết tự bao giờ, là thiên mệnh, hay là huyền sử, tôi đọc thơ và yêu thơ từ những chuyện lãng du. Người đi, từng bước để lại phương trời quá khứ, ghi vết tích trên từng dấu chân, để rồi sóng biển xóa nhòa. Ký ức thành mộng tưởng.

Khi mà ký ức còn bị vùi lấp trong những lớp bụi mù phố thị, eo xèo tiếng vọng từ hí trường giả dối, lải nhải trên những giá trị phù hoa; ngôn ngữ nguyên sơ, tiếng khóc từ khi lọt lòng Mẹ, chỉ là âm vang của ma quỷ tranh nhau trong bóng tối. Ta hay người, bỗng chốc lạc loài trong lòng đất Mẹ. Chợt đồng vọng tiếng ru đầu đó, giai điệu u trầm ập ù đàn con từ những ngày dựng nước. Đàn con ra đi theo những lớp phong ba của lịch sử quay cuồng, anh em như những người khách lạ, nhìn nhau mà không biết ai đến từ phương nào. Hình đã đổi khác, mà tâm tư cũng thành cách biệt. Chợt nhận ra một nửa hồn mình khi nghe tiếng khóc của người.

Tôi đi tìm tiếng khóc còn hồn nhiên, để nghe truyện kể bắt đầu từ những hạt mưa trên đỉnh Trường Sơn, đổ xuống bình nguyên mà vào Đông Hải. Tiếng khóc chào đời hồn nhiên, bởi tình yêu của Mẹ trong điệu ru sáu tám. Một mai, tiếng khóc trong cõi nhân sinh nhuốm máu quân thù để viết thiên lịch sử quan phương, để xóa nhòa huyền sử, thị trong nguyên ngôn, trong tiếng khóc ban đầu, vẫn là khúc hòa âm của huyền sử được viết bằng thơ. Nghe huyền sử, được kể bằng thơ, để yêu mình và yêu người, để còn nghe đồng vọng tình yêu của Mẹ, từ lòng Đất Mẹ. Mai sau dù có bao giờ... Mai sau, khi ta đi đến cuối, hay gần đến cuối, những đoạn đường khổ lụy lưu đầy trong cõi nhân sinh này, đã đơn độc giữa toàn anh em mà như khách lạ này, lúc ấy biết đâu ta cũng tình cờ muốn nhắm đọc những câu thơ như vậy:

*Sinh ở đâu mà giọt bốn phương
Trăm con cười nổi tiếng trăm giòng
Ngày mai nếu trở về quê cũ
Hy vọng ta còn tiếng khóc chung.*

(Thủy Mộ Quan 78)

Lời thơ như nửa hận, nửa yêu. Yêu và hận, từ một chân tình điệu vợ:

*Tình ta một mối tình cam
Nói ra im lặng, âm thầm tiếng vang.*

(Thủy Mộ Quan, Ngoại Vực)

Buồn vui, yêu hận, loanh quanh trong một kiếp người, của một đời lãng tử, lênh đênh qua mây ngọn hải triều, để nghe trong ta, một thời xa xưa, Lưu Nguyễn lạc lối đào nguyên mà vẫn mơ màng phố thị, hành trang chỉ là một gói hoài niệm trong bóng điện đường, những chuyện xe đồ khuya tạnh:

*Đêm sâu giữa lũng bò vàng
Điện lu phố nghiệp xe đèn bến không.*

(Lục bát, Kinh Cầu Nguyễn)

Đâu đây, nghe như truyền thuyết của một cuộc lữ hành bất định và bất tận. Từ đó ta nghe da diết một văn thơ, điệu ru huyền sử, huyền thoại về những người con theo Mẹ lên rừng và theo Cha xuống biển:

*Nước tôi huyền sử chẳng hoang đường
Lưu Nguyễn rời non mỗi rặng đông
Về kiếm người thân người mất dấu
Nhà xưa tìm đến thấy dấu xanh*

(Thủy Mộ Quan, 82)

2.

Thế giới thơ-cõi thơ, và thế giới thực của người làm thơ, không là một, và cũng không là hai. Buồn vui với chính mình, với tình đời và tình người, người làm thơ trong khoảnh khắc tan biến vào một thế giới hoang liêu. Đêm dài với ngọn đèn lu; ánh điện đường với bến xe trống vắng. Có thể là như thế. Chỉ trong khoảnh khắc chìm đắm, và tan biến. Tan biến trong thơ để tinh thể tồn tại của ta phơi bày như lãng tử bị ném vào một cuộc lãng du không định hướng. Rồi tan biến trong đám người trong các ngõ

hém, trên hè phố, để vật lộn với nhân sinh, khắc khoải với ngày mai tồn tại hay không tồn tại với những lợi hay hại, đắc hay thất, vinh hay nhục, với những viên đạn lạc loài, với những mảnh vỡ bom, mìn, bên vệ đường, trên đê ruộng.

Anh, trong thế giới hiện thực ấy, hằng ngày vẫn phải giao tiếp mọi người, những con người mà "gót danh lợi bùn pha sắc xám." Bận tâm với số lượng tăng giảm của những tờ nhật trình, với những lời khen chê, những chuyện thị phi phù phiếm, với các giải thưởng. Thế giới thực mà không thực. Thi sĩ, tự trong tính thể, cũng chỉ là một hữu thể tại thế, một mảnh đời được ném ra đó để phải tự mình sáng tạo nên giá trị của sự sống. Ta từ đâu đến? Mọi người đi tìm câu trả lời trong các tôn giáo, triết học. Tín đồ tôn giáo tìm thấy câu trả lời cho định mệnh tồn tại của mình từ tượng Thánh trang nghiêm trên bệ thờ, với những vòng hào quang rực rỡ và tinh sạch, thánh thiện. Sinh viên triết học tìm câu trả lời từ các giáo sư đạo mạo trên bục giảng nghiêm túc. Thi sĩ đi tìm câu trả lời từ những rác rưởi của đời sống thường nhật – mà các nhà mô phạm vẫn hóa gọi là đời sống hiện thực. Những giá trị nhân sinh được thẩm định là cao thượng, thánh thiện, vinh quang, để dành cho các nhà văn hóa quan phương trong các dinh thự cao sang. Giá trị nhân sinh tồn tại nơi thi sĩ chỉ là những mảnh vụn bị bỏ quên, những đoạn đường khấp khểnh, những con người nửa điên nửa tỉnh. Ưu tư, khắc khoải, hoang vu, sâu muộn, ưu phiền, những từ ngữ chất đầy bóng tối nào nung trong các vần thơ, được xem như là biểu hiệu thái độ ươn hèn, khiếm nhục trong trường cạnh tranh sinh tồn; là những từ ngữ có nội hàm đen tối trong các pho từ điển triết học. Chất liệu phế thải trong đồng rác là những từ đáng lợm giọng cho nhà phú hộ; nhưng là dưỡng chất tồn tại của những người cùng khổ. Chúng hàm giá trị dinh dưỡng không hề nhượng bộ các thứ cao lương mỹ vị khi được tiêu hóa bởi dạ dày của hạng cùng đinh. Thi sĩ tiêu hóa trong thơ mọi thứ hạ liệt thấp kém, những thứ xấu xa vô nghĩa trong đời thường thành những giá trị vĩnh cửu; thành những thực phẩm dinh dưỡng tất yếu cho tính thể tồn tại của nhân sinh. Vậy thì, nhà thơ ấy từ đâu đến?

*Nhớ tôi, tiền kiếp rung rung
Dài tay địa phủ ôm lưng kẻ nào*
(Hóa Thân, Tôi)

Từ một tiền kiếp xa xôi nào đó, nơi mà định mệnh nhân sinh được tắm ướt bằng nước mắt. Những giọt lệ bi thương, hay đấy là những giọt sương long lanh trên ngọn cỏ, đẹp vô chùng thoảng chốc trong ánh ban mai?

Hay từ cõi địa ngục u tối cùng với những thân phận bị đày đọa; ở đó ta có những người thân quen, những bằng hữu chân tình, yêu nhau mà cũng hận nhau, bởi "vì chàng thân thiếp lẻ loi, vì chàng lệ thiếp nhỏ đôi một mình?"

*Phân thân hóa kiếp này thôi
Hồn xa cổ thổ chân đời nẻo em
Ba trăm cửa ngục người quen
Lên đây phố rộng đời chen bước hờ.*
(Hóa Thân, Địa Phủ)

Tôi đến từ một thế giới khác anh. Từ một thế giới thần tiên bị lưu đày, bước đi vô cảm trong thế giới xa lạ này; rồi nghe hơi thở từ thơ – từ thơ anh hay từ Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Du, từ tiếng khóc oán hận của cung nữ hay từ giọt lệ tình của người chinh phụ, chợt thấy viên đá cuội lẫn lóc bên vệ

đường cũng chất nặng tình đời, yêu và hận.

Hóa trang làm nhà triết học, tôi dẫm bước lên theo từng gác sách mấy tầng thư viện, thập thò trong các giảng đường mệnh mỏng. Rồi mắng áo nhà mô phạm, tôi lang thang trên các vỉa hè, với một nhà thơ, thật như điên mà cũng dường như tỉnh táo lạ lùng. Chợt bắt gặp anh, ở đầu đó – cứ nói là trong quán lú từ một ngõ hẻm lầy lội; anh trong phong vận thanh lịch hào hoa của thanh niên Hà nội. Tôi chợt tưởng, đâu là tính thể của thơ? Một nửa thế kỷ sau, tôi gặp lại anh, không trực diện, mà trong những câu hỏi:

*Ai biết trời cao có mấy chân
Mây bao nhiêu cánh ngục bao hầm
Biển bao nhiêu sóng triều bao nước
Đông Hải bao lâu lại cát lằm?*
(Thủy Mộ Quan, 81)

Người mà đã trải qua bao nhiêu thăng trầm, vinh nhục, qua bao nhiêu sóng gió trường đời, có thể không còn hỏi thơ là gì, đời là gì nữa. Dù vậy, trong trí óc tôi vẫn mập mờ ám ảnh về một hình ảnh, về một cuộc đời hay cõi thơ xa xăm; hình ảnh Nguyễn Gia Thiều mà anh dẫn về như lạc lõng giữa hiên ga tàu hỏa Saigon.

Anh nói:

*Nguyễn Gia Thiều đem qua mang áo tơ và mũ
nỉ đen về ngôi chơi ở hiên ga Saigon, tôi có thấy.
Bây giờ chuyển tàu nhám và khô sắp sửa khởi
hành, khói nước và tiếng động, lời chào, một con
đơi ngoài cột điện, một đồng hào rớt trong chiếc cốc
thủy tinh xanh. Người nói thì thầm như hơi gió
trong toa miệng các lỗ thủng, một tiếng âm của vô
xe rập ngoài đường.*

(Hóa Thân, Nói thêm về Nguyễn Gia Thiều)

Đó là thơ hay là câu chuyện kể thường thấy trên các trang nhật báo? Thật khó phân định cái gì thực, cái gì hư, trong thơ và ngoài thơ. Vẫn câu hỏi, thơ là gì, nhưng được nói sáng, một cách tự nhiên hay vô tình, thành câu hỏi, tại sao lại Nguyễn Gia Thiều?

3.

Con người trong lớp áo vương tôn ấy ngồi trên nhung lụa mà khóc cho thân phận bọt bèo, cho sự đời hư ảo. Thơ của ông vẫn là cái phong vận hào hoa, nổi hiu hắt trong bóng tối của lầu son gác tía. Rồi một mai lịch sử thiên di, ai đã dẫn ông lang thang giữa chợ đời bát nháo? Thơ dù đi giữa phố chợ ồn ào, lẫn lóc trong những ngõ tối lầy lội, nhớ nhúa, vẫn không mất đi cái cốt cách thần tiên, bởi như "Bờ cõi dựng xuân xanh em còn đó, chốn đạo nguyên anh khoác áo khinh cừu" (Bùi Giáng). Vẫn còn đó, một cõi thơ, và hồn thơ, nâng niu tâm tình của một dân tộc, qua bao nhiêu đổi sao dời, qua những trận lũ tàn khốc của lịch sử.

Nguyễn Gia Thiều "mang áo tơ và mũ nỉ đen về chơi ở hiên ga Saigon," hay "ngồi xe một mình khi về Lăng Cha Cả," thì cũng y như những vần thơ lục bát thanh tao chen lẫn giữa những đoạn văn thuật sự. Có thể chẳng, do bởi tình cờ của lịch sử, hay do tính chất huyền thoại hoang đường của văn minh tiền bộ, mà Nguyễn Gia Thiều lại hội ngộ Rimbaud? Nguyễn Gia Thiều, nhân cách trong lớp thượng lưu, bỗng nổi hứng xúi giục cô gái bị ruồng rẫy nổi loạn, "bực mình muốn đạp tiêu phong mà ra." Rimbaud, cậu học sinh con nhà dân dã, nổi thịnh nộ, đứng dậy chống lại trật tự văn minh, "je suis armé contre la justice." Một cuộc tương phùng điên đảo, thế

nhưng, trong cách nghĩ nào đó, trong một cảm thức thi ca và thời đại như thế nào đó, đây có thể mượn tượng như là hình ảnh, hay ẩn tượng một thời thi ca, của miền Nam.

Thơ lục bát của Viên Linh, bên ngoài khoác y trang nhỏ nhắn của Cụ Ôn Như; dịu dàng như, “Biển nằm đó mộng thù dương” (Hóa Thân, Ký Thác); nhưng bên trong lại cư mang tâm tình nổi loạn của Rimbaud. Anh không nổi loạn để chống lại trật tự đã sắp đặt sẵn ở đó, mà nổi loạn chống lại cái định mệnh đăm đăm trong chính mình.

Chống lại chính ta, chống lại những xúc cảm bỗng bột trong ta, nhà thơ vẫn không thể vượt qua khỏi cái bóng định mệnh của mình. Ở nơi thơ, là một góc nhìn của thế giới, và thời đại; từ đó, để ta nhìn xuyên qua, và nhìn sâu vào, tính thể của tồn tại. Thời đại như bóng câu, đến rồi đi; cái còn đọng lại như là tồn tại của bóng mờ quá khứ.

*Ngồi trông cổ tích bay vào
Muông đi thú lại rừng treo mỗi sâu...
Ngồi trông tóc trắng từng giờ
Chân nhang bụi mọc ta thờ một ta.*

(Hóa Thân, Bàn Thân)

Không phải là bóng mờ đơn độc từ nhân cách của nhà thơ. Tính thể tồn tại được ném vào trong dòng chảy thời gian, như Kiều bị ném vào “thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần”; nhà thơ bị ném vào cuộc nhân sinh, âm thầm ghi dấu phong ba của thời đại.

Thời đại chúng tôi, một phương trời khói lửa, một dân tộc quằn quại nhưng vẫn không mất đi khí phách anh hùng từ thời dựng nước. Khí phách ấy tìm đâu đây trong những lời thơ xót xa thân phận?

*Phận nào xác ấy cô liêu
Chim đêm rũ tóc ngồi kêu đường về
(Hóa Thân, Buôn Hồ)
Từ đây khổ kiếp u hoài
Một tôi ngắn phận cho dài thế gian
(Hóa Thân, Tôi II)*

Ai có thể biết ngọn cỏ dại tàn úa bên vệ đường vẫn mang trong nó cả một trời Thu?

Một lớp thanh niên cùng trang lứa lên đường theo tiếng gọi núi sông. Nhà thơ cũng bồn chồn, nửa đêm khoác áo ra đi. Vẫn âm vang câu hỏi nghìn đời, sống và chết, ai còn, ai mất? Bởi những kẻ ra đi không bao giờ trở lại. Bức tranh vận cấu của thế hệ ấy, của thời đại ấy, cõi nhân sinh ấy, là gì?

*Ngô con bụi đỏ trăm ngày mẹ mang
Xương khổ gót chị kinh hoàng
Kềng khuya đồn lẻ đêm vàng mấy canh.*
(Hóa Thân, Cõi Nhân Sinh I)

Vậy, phải chăng sinh ra để làm thơ, là một định mệnh? Thời đại và nhân sinh là những trận cuồng phong trên mặt biển, mà từ đáy sâu hun hút, nghìn đời vẫn âm thầm chuyển tải nguyên ngôn của tính thể tồn tại. Ai có thể đào sục đi đáy biển, để cho mặt biển im sóng, hay để cho sóng càng dữ dội vô bờ? Gạt bỏ đi những lớp phấn hoa của thời đại, dớt đi những sóng gió, bi thương và hùng tráng của một thời, nhà thơ bước đi không ngừng nghỉ, cho dù bị hắt hủi bởi cát bụi từ ngựa xe dồn dập trên đường, đi tìm bóng dáng chân thực của ta và thế giới của quanh ta. Nguyễn Du, trước sau vẫn là bóng mờ bên dòng lịch sử, với câu hỏi trải dài từ thừa hoang sơ: “Trăm năm trong cõi người ta.”

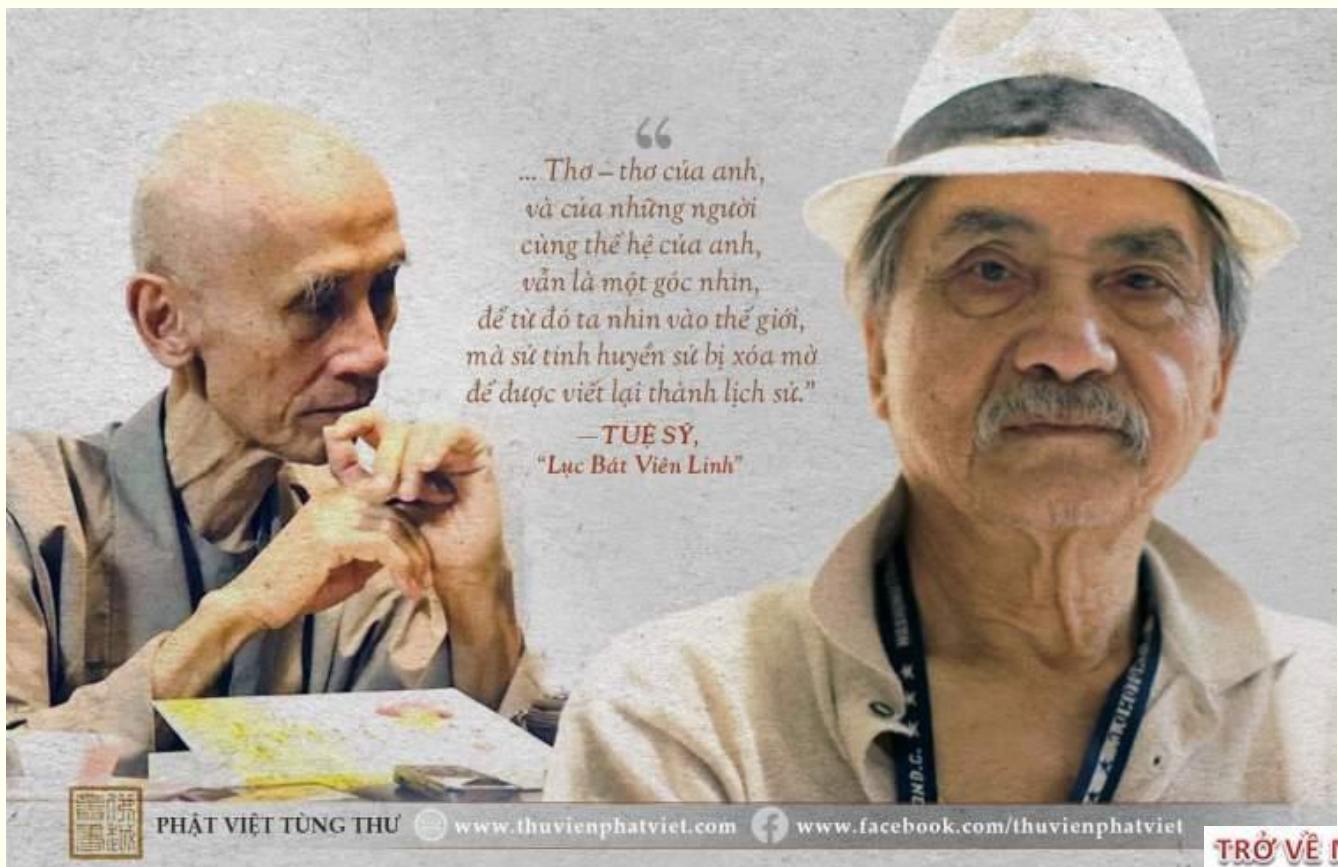
Cõi người ta, như một thung lũng trong bóng tối đêm sâu, cho đàn bò ngơ ngác.

Cõi người ta, thành phố điện mờ, mà người bị đẩy vào đó như bởi định mệnh mù quáng, luôn luôn chuẩn bị để lên đường, cho cuộc lữ hành vô định, loanh quanh trên những bến xe hoang vắng.

Đâu là thi ca của một phương trời trong một thời đại lịch sử?

*Đêm sâu giữa lũng bò vàng
Điện lu phố nghiệp xem dần bến không.*
(Hóa Thân, Kinh Cầu Nguyễn)

Thơ – thơ của anh, và của những người cùng thế hệ của anh, vẫn là một góc nhìn, để từ đó ta nhìn vào thế giới, mà sử tình huyền sử bị xóa mờ để được viết lại thành lịch sử.



Trái tim Phật

NS. THÍCH NỮ HẠNH ĐOAN

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Có lần ngồi đàm đạo cùng bạn bè, trao đổi về hạnh phúc nhân sinh, chúng tôi không hẹn mà đồng buột miệng tán thán: Đức Phật "hay" quá!... Rồi cùng bật cười vì câu nói ấy quả dư thừa, nhưng để thốt ra và hiểu được vậy chúng tôi phải trải qua gần hết một đời.

Thái tử Tất-đạt-đa vừa sinh ra đã khác người, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, có nghĩa là xét về tướng mạo, Ngài thuộc "số dzách" ở trần gian. Là con cầu tự, trưởng nam của chánh cung, phong cách đặc biệt, tính tình nhân hậu, thánh thiện; tài ba, thông tuệ, văn võ song toàn, nghĩa là đức tài gồm đủ - lại thuộc "số dzách" nhất trần gian nữa! - Tất nhiên, không lạ khi Ngài được cúng chiều tối đa, vương phụ quý hơn trần bảo. Mọi ngũ dục thượng đẳng được dành để cúng phụng Ngài. Tịnh Phạn vương trối và nhốt Ngài bằng ngũ dục. Nhưng trong thuận cảnh nuông chiều đó, Ngài không bị bất cứ cảm dỗ nào nhấn chìm, làm cho sinh hư, mà luôn tỉnh giác mạnh mẽ. Còn nuôi chí xuất trần đúng mãnh, nửa đêm lên trốn khỏi hoàng cung, vượt trùng trùng vòng dây trối êm dịu để ra đi, quyết tu cho thành đạo để cứu khổ cho mình và nhân sinh.

Hành động đầu tiên này của Ngài chứng minh rằng hạnh phúc thế gian hoàn toàn không có thật. Nếu có, Ngài đã ở lại hoàng cung tận hưởng.

Rồi Ngài chứng đạo, về lại hoàng cung. Khi chú bé La-hầu-la đến gần Ngài, làm theo sự "mách nước" của người thân, thốt lời xin Ngài trao... gia tài. Nhưng Ngài không thể trao gia tài thế gian mong manh vô thường, dễ hoại diệt... nên Ngài đã trao cho con... cái bát. Kết quả là Xá-lợi-phất xuống tóc cho La-hầu-la, biến chú bé thành tu sĩ, khiến hiền phụ Da-du thất vọng đau nhói trong lòng, nhưng bà nhói... phứt đầu thôi, về sau cũng tỉnh giác, xin xuất gia tu tập rồi chứng Thánh.

Nan-đà là em trai cùng cha khác mẹ, con của di mẫu và vương phụ Ngài.

Trang sử ghi thêm một nét hóm hình nữa là Đức Phật xuất hiện trong ngày hôn lễ của vương đệ Nan-đà, đến phút già tử lại trao cho ông em... cái bát. Nan-đà vì quá yêu kính anh, không dám trao bát lại, đành ôm bát đi theo Phật, điều này ngầm đe dọa cô dâu, một giai nhân khuynh thành, cô dâu đã lo sợ khóc gọi Nan-đà dừng đi theo Phật... Rồi

Phật đã làm gì sau đó? - Cao đầu cho em, dạy em tu trong khi Nan-đà dù xuất gia mà lòng còn nóng sốt - cứ bồn chồn thương nhớ hiền thê, luôn tìm cách để có thể trốn về thăm tần nương. Phật biết hết, Ngài làm đủ chiêu thức để giúp chàng thoát cảm đó. Ngài dẫn chàng lên trời, bảo rằng nếu tu giỏi thì sẽ được lên đó, hưởng vô vàn hạnh phúc thù thắng với thiên nữ vây quanh và dẫn chàng xuống địa ngục, hăm he: Nếu tu dở thì bị bỏ nấu trong chảo dầu... nhờ vậy mà Nan-đà sợ, lo tu một mạch đến chứng Thánh, rụi tất mọi đam mê, gột sạch trần cấu.

Đọc đến đây tôi ghen tị biết bao nhiều! Tôi nghĩ thầm nếu mình được dẫn... lên trời, hay xuống địa ngục tham thánh, được Thế Tôn "kèm cặp" kỹ như vậy thì biết đâu... cũng sẽ... chứng đạo? Nhìn những gì Phật cư xử với người thân, có thể hiểu rằng hạnh phúc ngũ dục không phải là cứu cánh, nên Ngài đã đưa họ vào con đường đạt đến hạnh phúc cao nhất.

Chúng ta thường cho rằng giàu nhất, đẹp nhất, có danh vọng tuyệt đỉnh là hạnh phúc nhưng đọc báo vẫn thấy đấng tỷ phú tự tử, hoa hậu quyền sinh, siêu sao màn bạc hủy mình...

Xem các tin dữ trên báo, người ta thắc mắc vì sao một bác sĩ yêu đơn phương một đồng nghiệp, không được đáp ứng lại chém đối tượng mình theo đuổi? Một kỹ sư lái xe hơi cán người vội rồ ga bỏ trốn, không chịu đem nạn nhân đi bệnh viện...? Người ta nghĩ là trí thức thì phải mẫu mực, phải cư xử tuyệt hơn bình dân? Nhưng thực ra còn là phạm phu thì tham sân si luôn tiềm ẩn trong mỗi người bất kể chức vị đẳng cấp, "trí thức, trí tuệ"... hễ điều phục tâm dờ, thiếu tỉnh giác, thì mọi cư xử đều vấp phải lỗi hệt như nhau.

Một đôi bạn nam sinh viên thân nhau từ bé, chung lớp, chung trường, hạt muối tán đường gì cũng cần đôi chia sẻ... Do có chung sở thích, lý tưởng nên họ đồng phải lòng cô C. Anh A được đáp ứng liền xác định quyền sở hữu của mình - Khi nhìn thấy bạn B vui cười với cô C, anh phật ý trách mắng, rồi đẩy bạn té đập đầu xuống đất rùi ro trúng nhằm chỗ hiểm tử vong. Anh A đi tù, lòng tái tê hối hận. Cô C xin vào thăm. Anh từ chối không gặp. Anh nói rằng giá như thời gian có thể quay ngược, anh sẽ không để xích mích xảy ra vì tranh giành tình, anh cần bạn mình sống, anh cần có tình



bạn tri kỷ đó hơn là vì một phút yêu nồng nổi nhất thời mà ngộ sát. Anh trừng phạt mình bằng cách vĩnh viễn không gặp lại cô C.

Trong chúng ta luôn có hai phần tốt và xấu, Phật lẫn ma. Hành theo giáo pháp Phật là để Phật tâm, Phật hạnh sống dậy, đẩy lui thành phần xấu.

Xem phim Tây Du Ký, ta thấy Bát Giới tham ăn mê ngủ, có đủ tính xấu, vậy mà Tam Tạng ưa nghe theo - giống như ta luôn sẵn sàng nghe theo tiếng nói của anh chàng Bát Giới trong lòng mình, vì những thói tật đam mê ngủ dục ta đều thích chiều theo. Tề Thiên tượng trưng cho lý trí nên đôi khi khô khan, lạnh lùng, tàn nhẫn, vì vậy trí phải có từ bi đi kèm theo. Anh chàng Sa Tăng đại diện cho si, ai nói cũng nghe, chỉ là một nhân vật mờ trong phim, nhưng thật sự trong mỗi người chúng ta, si lại lấn át và áp đảo toàn bộ, và tất cả lỗi lầm ta vi phạm thầy đều do si.

Khi chúng ta muốn tham, muốn sân, muốn nổi xấu, moi móc lỗi người - nếu ta tình thức liền, nhận ra đây là xấu, thì mọi lầm mê được cắt ngay. Không có chuyện gì đáng tiếc xảy ra, tâm ta tự nhiên trong trẻo, tốt lành vì ta đang làm và vâng theo trái tim Phật.

Nhưng khi nổi giận, ta thấy mình quá có lý, đối phương sai 100%! Khi nói xấu người, ta nghĩ, họ bậy, tệ quá, mình không như vậy... thế là anh chàng si điều khiển, lôi ta lao theo với tốc độ chóng mặt, khiến ta nhuộm bẩn lòng bằng tư tưởng chuyện nghĩ xấu về người, nhuộm bẩn miệng bằng những câu nói thị phi, tiêu mất thời gian vào việc lo khuôn hết bã rác bên ngoài vào... chứa trong tâm. Trí ta tối om om, do si làm chủ toàn bộ. Chỉ khi tỉnh ta mới hồi hận mình hư quá, buông lung thân khẩu ý mà không hay. Chỉ khi Phật tâm ngự trị ta mới bao dung tha thứ, phát hiện ra lỗi mình. Nhưng ta luôn thiếu kiểm soát và giác tỉnh nên cứ bị si điều khiển đưa vào đường tà, để rồi tiếp tục trôi nổi, trầm luân; đau khổ... mang tập khí xấu kè kè theo từ kiếp này sang kiếp khác.

Nếu chúng ta có thể buông nhanh tình nhanh thì chuyện tu sửa sẽ bớt khó khăn hơn, vì "Bit con đề vừa rò rỉ, dập một đốm lửa đang mạnh nha đề hơn là để chúng bạo phát rồi mới chữa..."

Đức Đạt lai Lạt ma nói: "Người ta luôn mơ ước tương lai tốt đẹp nhưng lại chuẩn bị cho nó quá tồi tệ!" Đa số chúng ta thường lầm lạc thú với hạnh phúc. Hạnh phúc sản sinh từ sự tỉnh giác an ổn nội tâm, còn lạc thú sản sinh từ sự chiều theo thị dục bản năng. Lao theo lạc thú trước mắt thấy vui nhưng hậu quả khổ dài dài. Hành xử theo hạnh phúc trước mắt thấy khổ vì ta phải nói "không" với tất cả những đòi hỏi của Bát Giới, nhưng sau đó là bình an tâm linh.

Đức Phật đã độ Nan-đà ngay trong ngày hôn lễ, vì muốn chàng hưởng hạnh phúc trường tồn thay vì phù du. Nói vậy không phải là hôn nhân đáng chê đáng cần, chúng ta có quyền lựa chọn tự do, muốn hưởng hạnh phúc phù du hay vững bền tùy ý.

Chi, bạn tôi - là hoa khôi, đẹp người đẹp nết, dịu dàng, đức hạnh - Nhưng vu quy rồi thì khổ ngút trời. Tức quá tôi bảo: "Tại sao lại ưng...? Không chịu đi tu cho khỏe?" Chi bảo: "Anh ấy theo đuổi quá, mình từ chối thì anh tự tử vô bệnh viện nằm, vì vậy mà mình ưng. Cứ tưởng là lấy một người dám chết vì mình như vậy sẽ hạnh phúc suốt đời. Nào ngờ, chỉ hai năm là anh sinh tật vợ bé vợ lớn, săn kiếm, cặp kè toàn tuổi teen..."

Theo tôi, anh chồng không xấu, nhưng anh luôn nghe theo trái tim ma trong lòng. Anh chết vì nhan sắc thì gặp cái đẹp khác vượt trội hơn anh sẽ nhào theo, không có gì lạ. Do vậy mà suốt một đời anh luôn bỏ hình bắt bóng, săn đuổi toàn những thiếu nữ đẹp tuổi teen, ráng nỗ lực làm giàu để có tiền cung phụng..., nhưng khi tiền trong túi với thì hạnh phúc của anh cũng hóa thành bọt nước. Tuổi anh ngày càng già, vận may không theo mãi với nhan sắc phụ bạc. Anh lâm vào khổn khổ. Chính si làm chủ tình hình khiến anh không thể phân biệt phải quấy. Anh từng hứa không để bạn tôi rơi giọt lệ nào. Anh có giữ đúng lời hứa: không để rơi một giọt mà là hằng triệu giọt...

Chúng ta trách anh chồng thay lòng, tham lam ư? Cứ nhìn các đấng quân vương thì rõ, tam cung lục viện vẫn chưa là đủ. Niệm tham ngự trong lòng thường dân chỉ đem đến hệ lụy cho tiểu gia đình, nhưng nếu rơi vào tay quân vương, các tướng lĩnh - thì sẽ nổ ra ác chiến. - Tham có nhiều hình thức, tham tài, tham sắc vẫn là tham. Cường quốc thấy tiểu quốc có mỏ dầu mà phòng vệ yếu là khởi ý xâm lăng. Niệm tham (tinh) mà rơi vào An Lộc Sơn, vua Hồ... thì phát sinh quốc chiến, cho nên nhân nhỏ mà họa to là vậy.

Vào thời có thể phóng phi thuyền lên sao Hỏa, thông tin toàn cầu có thể cập nhật nhanh trong vài phút, ta ngồi đây có thể biết chuyện khắp thế giới, nhưng ta vẫn không biết được lòng mình, cách một niệm bắt đầu khởi lên như thế nào, ý xấu mạnh nha thành hình, sai sử ta ra sao, ta hoàn toàn mù tịt, vì vậy ta cứ bị chúng làm chủ, dụ dỗ, khiến đời lỗi lầm, đau thương.

Giáo pháp Phật nhắc ta làm chủ mình, điều tâm, lập hạnh bồi đức để hưởng hạnh phúc vĩnh hằng. Đức Phật không bao giờ dùng quyền uy đe dọa hay ép buộc ai phải theo mình. Ngài còn khuyên ta - Khi lắng nghe Ngài thuyết pháp nên dùng trí phán đoán chứ không nên vội vàng cả tin vì Ngài là Như Lai - Toàn bộ giáo lý của Đức Phật được Ngài tóm tắt thành câu ngắn gọn:

*"Tránh làm điều ác,
Siêng làm điều thiện,
Thanh lọc tâm ý,
Đây là lời chư Phật dạy".*

Tất nhiên những bí ẩn trong vũ trụ Thế Tôn biết hết, nhưng Ngài không nói ra. Phật bảo rằng những điều Ngài giảng dạy giống như lá trong tay và điều Ngài không nói ra thì nhiều như lá trong rừng. Bởi vì Ngài chỉ dạy điều cần thiết liên quan đến sự giải thoát cho chúng ta mà thôi.

Phật đã lưu lại lời dặn dò bất hủ:

"Này A-nạn, không cần tỏ lòng tôn kính, tán dương, đánh lễ, khen ngợi Như Lai. Nếu có người nào, bất kể là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, thiện nam, tín nữ... Nếu chịu sống đúng Chánh pháp, cư xử hợp đạo, nói, làm, suy nghĩ luôn chân chánh - Thì đó chính là người đã bày tỏ lòng biết ân, tôn trọng, và tán dương Như Lai một cách tốt đẹp, xứng đáng nhất."

Mùa Đản sinh lại về, mong rằng chúng ta sẽ bày tỏ lòng biết ân tôn vinh Ngài tốt đẹp, như Ngài hằng mong: "Mỗi người con Phật sẽ là một đại diện tốt, hiện thân của giáo pháp chân chánh, chiếu sáng thế gian bằng đức hạnh và năng lực điều tâm giới, góp phần làm đẹp nhân gian bằng sự thiện lành của thân, khẩu, ý và niềm bình an của nội tâm."

BẢY ĐÓA SEN HỒNG

*Con về dưới bóng sa la
Vườn xưa cảnh cũ la đà lặng câm
Ưu Đàm nở đóa nghìn năm
Biết đâu nguồn cội về thăm chốn này*

*Sen hồng bảy đóa mảnh mai
Nâng bàn chân Phật những ngày trần gian
Lời hoa tỏa ánh đạo vàng
Hương trầm gạt rửa bụi trần bến mê.*

*Con về dưới cội bồ đề
Trang kinh nhật tụng bốn bề hư không
Yêu thương từ ấy mở lòng
Con đường chánh đạo mệnh mông tình người.*

*Sen hồng muôn thuở vẫn tươi
Lòng con sen nở sáng ngời chân tâm
Nhớ ngày Đức Phật dẫn sanh
Sân thiên giữ mãi lời răn của Người.*

MÙA PHẬT ĐẢN AN VUI

*Thêm một mùa Phật Đản
Nở hoa trong lòng người
Sân thiên tuy tĩnh lặng
Sắc xuân vẫn rạng ngời.
Phật ngự trên đài sen
Hương ta về chánh pháp
Nhìn nụ cười an nhiên
Lòng bỗng dung ấm áp.
Chung dòng về biên cả
Đời muôn ngàn nhánh sông
Xuôi mái chèo Bát Nhã
Cánh buồm đi muôn phương.
Tình yêu tràn sự sống
Tiếng cười rộn trẻ thơ
Phước duyên - Dòng suối mát
Phải đâu cuộc tình cờ.*

*Đồng hành cùng chia sẻ
Nuôi dưỡng trái tim
Ngày sau ngàn hoa nở
Sắc màu của trăm năm.
Thêm một mùa Phật Đản
Là thêm mùa an vui
Nguyện muôn loài bình đẳng
Chở che bao phận người.*



NGỤ NGÔN CỦA LÁ

*“Thả một bè lau” *
Qua dòng sông trắng
Cánh nhọn vút cao
Bình minh hửng nắng.
Thả một trang kinh
Bên bờ sinh tử
Suốt cuộc hành trình
Vô ưu cuộc lũ.*

*Thả một bài thơ
Thi kinh Pháp Cú
Nào phải tình cờ
Con đường giác ngộ.
Thả một cánh sen
Nâng bàn chân Phật
Lời răn diệu huyền
Sáng soi chánh pháp.*

*Ngụ ngôn của lá
Bay tìm cội nguồn
Bên dòng nhật nguyệt
Bát nhã sắc không.
Ngụ ngôn của lá
Trở thành đóa hoa
Dấu chân hành giả
Sáng ngời tim ta.*

(*) Thả một bè lau: tên sách của
Thiền sư Thích Nhất Hạnh.

thơ **NGUYỄN AN BÌNH**

Ngày Phật sinh, khê gọi tên Thầy

HUYỀN LAM

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Còn vài hôm nữa đến ngày sinh của Thầy. Trong sách xưa người ta nói Thầy sinh vào mùa sen nở, tháng Tư trăng tròn, lịch ta. Mùa này miền Bắc Mỹ vẫn còn lạnh giá, cây sen, cây súng chỉ mới nhoi lên vài lá.

Theo năm tháng những lá sen non đầu mùa báo tôi biết sắp đến ngày sinh của Thầy. Đó cũng là lúc tôi dành chút thời giờ giữa đêm khuya chiêm nghiệm về Thầy.

Nhân gian đến với Thầy bằng nhiều cách khác nhau. Có người nhìn Thầy như đấng tối cao có thể che chở thể xác, tâm hồn yếu đuối. Có người cảm được khả năng ban phước lộc trên cõi đời. Có người học hạnh Thầy dẫn thân, nguyện làm việc thiện giúp người bất hạnh. Giới khoa bảng không thiếu người đến với Thầy như một triết gia, nhà cách mạng, nhà khoa học.

Nhiệm mầu thay, dẫn đến với Thầy bằng cách nào đi nữa, mỗi lần nghĩ đến Thầy, nhìn hình Thầy: tất cả đều cảm được sự an tâm, thánh thiện, hạnh phúc nhẹ nhàng, làm tiêu đi muộn phiền lo âu.

Không phải ngẫu nhiên nhiều người trên thế giới, đông lẫn tây ngày nay trình bày hình tượng Thầy trong nhà, trong vườn như một yếu tố đem lại tươi mát, rũ bỏ căng thẳng, thăng bằng cuộc sống.

Lật vài trang sách xưa, ghi lời Thầy dạy cách đây trên hai ngàn năm, tôi hiểu được vì sao giới khoa học gia hiện đại rất lấy làm ngạc nhiên, khâm phục trí tuệ siêu việt của Thầy.

Thuở xa xưa ấy, Thầy đã thấy rõ những tương quan trong vũ trụ, giữa con người với thiên nhiên, giữa cá thể trong tập thể, vạn vật tương tác vô thường, không gì mất đi, tất cả chỉ là sự hoán đổi. Trí tuệ thông thái của Thầy là tấm gương học tập không ngưng nghỉ, từ nhỏ đến trưởng thành, học từ vô số giáo sư lỗi lạc làm nền tảng cho sự tự học sau này, tự nghiên cứu nhiều năm để khám phá, phát hiện cái thâm sâu, bồng tình cuối cùng.

Tuy nhiên điều làm tôi tôn kính chính là tình thương vô tận Thầy dành cho con người và muôn



loài. Thầy rũ bỏ quyền lực, cuộc sống giàu sang vua chúa, vượt qua được tất cả khó khăn, gian khổ, thậm chí có lúc bên bờ sinh tử mong manh, chỉ duy nhất tìm phương pháp giúp con người có cuộc sống hướng thiện, an lành hạnh phúc trong sự tôn trọng môi trường sống muôn loài.

Giữa đêm khuya thanh vắng trong mùa Phật Đản, tôi xúc động, rung cảm bàng bạc trước nhân cách khiêm tốn của bậc đã đạt được sự thấu hiểu xuyên suốt mà chúng ta thường gọi là giác ngộ hay thành đạo. Trong mấy mươi năm hướng dẫn loài người hướng thiện, Thầy chưa bắt ai phải nghe lời, đi theo, thậm chí còn khuyên người nghe thực hành, kiểm chứng để biết đúng sai.

Thầy tôn trọng tất cả, bất kể giàu nghèo, vua chúa, thường dân, nam nữ. Thầy nhìn mọi người cũng như chính mình, khuyên mọi người hãy sống như Thầy thì sẽ vượt qua được khổ đau, bất an.

Chất liệu yêu thương, tình thức sẽ đến như đã đến với Thầy. Cuộc đời Thầy tràn ắp năng lượng tình thương, an nhiên, tự tại không giây phút hư hao. Ngay cả khi rời bỏ cõi trần Thầy nằm thư thái mỉm cười, nhìn nhân gian thương yêu vời vợi.

Chính năng lượng không thể diễn tả bằng lời này đã cảm hoá tất cả người đến hăm hại Thầy, trở thành những học trò thánh thiện. Năng lượng tình thương vô úy, vô bờ ấy mạnh đến nỗi đã trên 2500 năm Thầy tử giả cõi trần, chưa một học trò dám nhân danh Thầy làm tổn hại sinh mạng của bất cứ ai.

Đêm khuya thanh tịnh, tôi nhìn Thầy thật lâu, mỉm cười cùng Thầy, trong tâm an ổn nhẹ nhàng chi lạ. Đốt nét hương trầm, tưởng nhớ đến ngày Thầy đến cùng nhân gian, tôi khê gọi tên Thầy trong niềm xúc cảm vô biên:

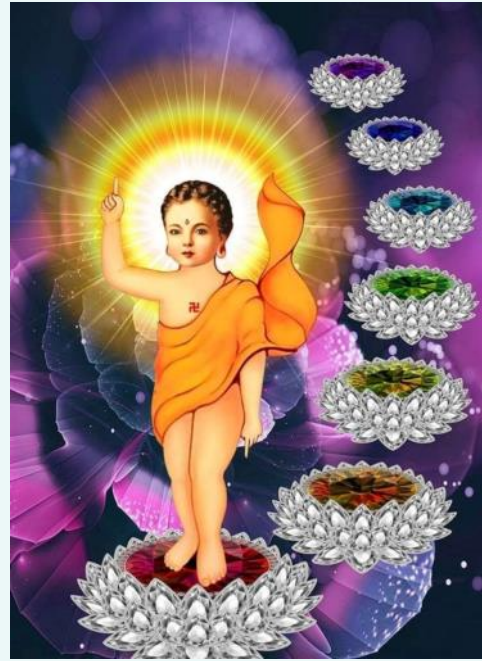
- Đức Phật Thích Ca ơi, con xin cố gắng học hạnh khiêm tốn, làm người tình thức mang chất liệu yêu thương đến với cuộc đời.

Cung kính nương tựa Đức Thầy Thích Ca Mâu Ni, bậc giác ngộ yêu thương.

NHƯ LAI (I)

*Như Lai lẳng lặng chốn dương trần,
Phóng rọi quang từ thoát khô luân.
Hóa giải nhiều đường qua chín cõi, (**)
Soi cùng khắp nẻo ứng ba thân (*)
Quần sanh thấu rõ đều qui hướng,
Vạn loại nương theo chóng chuyển vần.
Khắc kiếp hàm ân Thầy tế độ
Muôn trùng diệu dụng đến nhân gian...*

(*) **Ba thân.** S: trikāya; Hán Việt: Tam thân (三身); 1. Pháp thân (法身; s: dharmakāya): 2. Báo thân (報身; s: sambhogakāya), 3. Ứng thân (應身; s: Pháp thân được xem chính là Phật pháp (s: bud-dha-dharma)
(**) **Chín cõi** (cửu địa – cửu hữu) chỉ là một cách phân chia khác của “ba cõi” hay “sáu nẻo”, đều chỉ cho cái vòng sinh tử luân hồi.



THẨM NỖI TRẦM LUÂN

*Dương trần đã đến... lệ còn rơi
Thẩm nỗi trầm luân mãi chẳng rời
Vạn kiếp lang thang buồn khắp nẻo
Bao ngày khắc khoải khổ cùng nơi*

*Hoài mơ... trí lẫn loanh quanh tiếp
Vẫn giữ... thân tàn nuôi tiếc khơi
Pháp dẫn xuôi nguồn lên bến giác
Già Lam học đạo sáng trong đời.*

TỊCH TĨNH CẢNH ĐÊM

*Trăng tà đông đánh giữa rìng cây
Lướt nhẹ qua thêm bóng giỡn bay
Lững lững canh khuya chùa thật lặng
Lờ mờ tháp cổ khách càng say*

*Già Lam ngộ đạo bày tâm chuyển
Cửa tổ qui thiền để trí lay
Giảng giải kinh thâm Thầy chỉ lối
Theo về cõi Phật nguyện là đây.*

NHƯ LAI (II)

*Sen vàng tháp cổ quỳen trầm hương
Thị hiện Như Lai giữa nẻo thường
Cõi mộng nhân gian Thầy xưa lối
Cơ duyên chánh đạo pháp soi đường*

*Triêm ân chỉ hướng nguyện xin tỏ
Rõ lý qui nguồn xả hết vương
Bát Nhã đèn thiền luôn sáng rạng
Mê lầm hóa giải thoát tai ương.*

*Tai ương hoạn nạn bởi tâm mờ
Buộc mãi u sầu lại rối tơ
Vạn kiếp trầm luân ai hiểu được
Ngàn thu lưỡng lự kẻ còn chờ*

*Tìm Thầy sám lỗi nương về đạo
Rõ lý cầu chân để đến bờ...
Cõi thế làm người đâu phải dễ
Cơ duyên pháp dẫn... biết bao giờ!*

thơ MINH ĐẠO

SƠ QUÁT VỀ NHÂN DUYÊN TRONG ĐẠO PHẬT QUA DUY THỨC HỌC

Khánh Hoàng

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

(tiếp theo và hết)

Luận Đại Thừa Khởi Tín (Tác giả: Tổ Mã Minh, khoảng 500 năm sau Phật Niết Bàn) xác minh sự khởi phát hình thành Chuyển Thức của ba thức cơ bản của Bát Thức Tâm Vương (A Lại Da Thức, Mạt Na Thức, và Ý Thức) qua phân định về Tam Tể (3 tâm thức vi tế) và Lục Thô (6 tâm thức thô phù) như sau:

1. Ban đầu tạm gọi là có bản thể Giác Tánh thanh tịnh, viên mãn, bất động (đây chính là Bản Giác vô thủy, vô chung).

2. Do tác động từ cảnh trần và nghiệp lực, Bản Giác bị chao động mà sinh khởi ra Tể thứ nhất của Tam Tể là Vô Minh Nghiệp Tướng khiến có xuất hiện ra A Lại Da thức (đây là giai đoạn khởi phát và xuất hiện A Lại Da thức).

3. Từ đó tiếp tục sinh ra Tể thứ hai của Tam Tể là Năng Kiến Tướng (còn gọi là Chuyển Tướng, tức là Kiến Phần của A Lại Da thức).

4. Sau đó, lại có thêm Tể thứ ba của Tam Tể là Cảnh Giới Tướng (còn gọi là Hiện Tướng, tức là Tướng Phần của A Lại Da thức). Từ đây đã có thêm sự xuất hiện của Mạt Na thức (Mạt Na thức chấp Kiến Phần của A Lại Da thức làm Tự Ngã). Đây là giai đoạn khởi phát và xuất hiện Mạt Na thức với các chấp mắc về Năng - Sở, Ngã - Pháp, Có - Không.

Như thế *Luận Đại Thừa Khởi Tín* gọi chung ba tướng Vô Minh Nghiệp, Kiến Phần, và Tướng Phần của A Lại Da thức là Tam Tể. Tể thứ nhất minh định sự hình thành A Lại Da thức, Tể thứ hai và Tể thứ ba minh định sự hình thành Mạt Na thức. Tam Tể là ba tác năng, động chuyển rất thâm sâu, vi tế nơi tâm thức nên rất khó có thể được nhận biết nếu không có công phu tu tập Thiền Định.

Mạt Na thức sau, khi xuất hiện sẽ tiếp tục phát triển ra Lục Thô nơi Ý thức. Lục Thô bao gồm: Thô thứ nhất gọi là Trí Tướng (tâm thức có thêm phần biệt tốt-xấu, thương-ghét); Thô thứ hai gọi là Tương Tục Tướng (vọng niệm tiếp nối liền lạc theo nhau

không dứt); Thô thứ ba gọi là Chấp Thủ Tướng (tâm trở nên chấp luyến, thủ đắc sự vật); Thô thứ tư gọi là Kế Danh Tự Tướng (tâm giả đặt ra danh tự gọi tên sự vật); Thô thứ năm gọi là Khởi Nghiệp Tướng (tâm gây tạo nghiệp lành dữ) và Thô thứ sáu gọi là Nghiệp Hệ Khổ Tướng (tâm phải thọ chịu quả khổ từ nơi Nghiệp đã gây tạo). Tất cả Lục Thô đều chính là Tướng và Dụng của Ý Thức, khởi phát và xuất hiện từ Ý thức nên có tánh thô phù, dễ nhận biết từ mình (và cả từ người).

Tựu trung, *Luận Đại Thừa Khởi Tín* qua Tam Tể Lục Thô cũng đã xác minh tiến trình chuyển biến từ bản thể Như Lai Tàng thanh tịnh ra các thức A Lại Da, Mạt Na và Ý thức cấu nhiễm, cơ sở cho các tác nhân gây tạo nghiệp khổ luân hồi. Bản thể của tâm là Giác Tánh thanh tịnh luôn có sẵn, chỉ vì Tâm bị chao động trước cảnh trần

mà khiến có Bất Giác. Bất Giác chính là khởi nguồn cho sự Động Tâm, cũng chính là Vô Minh vi tế nhất, sâu xa nhất so với các Vô Minh thô phù bên ngoài (như các Tâm Sở phiền não Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi, Ác Kiến...). Các tông phái đạo Phật đều có cứu cánh nhằm đến chỗ loại trừ, buông bỏ Vô Minh vi tế về sự động tâm này. Như Tịnh Độ tông với pháp môn "Niệm Phật nhất tâm bất loạn", Mật Tông với pháp môn Tam Mật Tương Ứng, Thiền Tông với pháp môn Chỉ Quán...

Có thể cho rằng lý Nhân Duyên trong đạo Phật là để nhằm tập trung giải thích về nguyên nhân phát sinh phiền não, nhiễm ô, nghiệp chướng... khiến chúng sanh phải chịu đọa đày, trầm luân trong biển khổ luân hồi sanh tử. Như thế, lý Nhân Duyên có quan hệ rất mật thiết với Tập Đế, một trong bốn Đế của Lý Tứ Đế (Khổ, Tập, Diệt, Đạo) căn bản trong tu tập Phật đạo. Điều này được tỏ rõ nơi các hành tướng 4 Đế (các hành tướng này là đối tượng sở duyên quán chiếu của các bậc Tứ Gia Hạnh để đạt thành quả tiến lên địa vị Kiến Đạo): trong khi Khổ Đế có 4 hành tướng là Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã; Diệt Đế có 4 hành tướng là Diệt, Tĩnh, Diệu, Ly;



Đạo Đế có 4 hành tướng là Đạo, Như, Hành, Xuất; thì Tập Đế có 4 hành tướng ôm trọn lý Nhân Duyên là: Nhân, Tập, Sanh, Duyên.

Sáu nhân nơi kinh Lăng Già đã phác họa ra các chặng đường tạo sinh nghiệp quả theo cách thức tiếp nối tự động và liên tục nơi tâm thức chúng sanh. Do vì tất cả các yếu tố cấu thành Nhân Duyên (A Lại Da thức, chủng tử, 8 thức Tâm Vương, 51 Tâm Sở, 12 Xứ, 18 Giới, 5 Uẩn, 6 Căn, 6 Trần, 6 Thức...) đều có mà không thật có nên Nhân Duyên có mà không thật có. Do Nhân Duyên có mà không thật có nên Quả cũng có mà không thật có. Nhân và Quả cùng đối ứng, tương quan với nhau nên chỉ tạm phân biệt ra đây là Nhân, kia là Quả. Sở dĩ gọi là Nhân vì thấy có Quả và ngược lại gọi là Quả là do thấy có Nhân. Gọi là Nhân hay gọi là Quả cũng chỉ là nơi ngôn ngữ thế gian tạm gọi. Nhận ra được Nhân và Quả đều có mà không thật có thì sẽ lìa được các vọng tưởng, các vọng kiến về Có và Không, cũng sẽ lìa được các vọng chấp về các pháp Tiệm sanh (sanh từ từ, theo thứ lớp), hoặc Đốn Sanh (Sanh tức khắc, không theo thứ lớp), hoặc cả Tiệm Đốn cùng sanh như ở câu hỏi của Bồ Tát Đại Huệ đã nêu bên trên. Nhân và Quả đều có mà không thật có nên các trình tự sinh xuất, biến hiện từ Nhân đến Quả cũng chỉ như huyền hóa, không là Lấn Lược Sanh, cũng không là Cùng Lúc Sanh như lời đức Phật khai thị ở cuối đoạn kinh văn trên: "Các thứ tướng sanh đều do các thứ nhân của tự tánh vọng tưởng chấp tướng mà sanh. Vì tự tâm hiện ra thọ dụng mà có tự tướng, cộng tướng, ngoại tánh, phi tánh; thực ra Lấn Lược Sanh và Cùng Lúc Sanh hai thứ đều chẳng thể sanh. Cho nên phải lìa hai thứ kiến chấp đó." Tất cả các nhân, các duyên, các quả nơi pháp hữu vi qua pháp nhân của đạo Phật đều có mà không thật có như đã khai thị nơi 4 câu kệ ở cuối kinh Kim Cang:

*"Nhất thiết hữu vi pháp
Như mộng huyễn, bào ảnh
Như lộ, diệc như điện
Ứng tác như thị quán"
(Tam dịch:
"Tất cả các pháp hữu vi
Như huyễn mộng, bọt bóng
Như sương và như chớp
Nên quán sát như thế").*

Theo **Đại Trí Độ Luận** (tác giả: Bồ Tát Long Thọ [150-250], dịch giả Phạm-Hán: ngài Cưu Ma La Thập [344- 413], dịch giả Hán-Việt [1997]: Hòa thượng Thích Thiện Siêu [1921-2001], tập 2, chương 44), tất cả các pháp hữu vi (bao gồm mọi sự, mọi vật, mọi hiện tượng) đều được sinh khởi, hình thành từ 4 duyên: Nhân Duyên, Thứ Đế Duyên, Sở Duyên Duyên, và Tăng Thượng Duyên. Phần Luận khai thị về Nhân Duyên này tạm trích như sau:

(Trích đoạn 1) "Kinh: Bồ-tát ma-ha-tát muốn

biết nhân duyên, thứ đế duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên của các pháp, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Luận: Hết thảy pháp hữu vi đều từ bốn duyên sanh, đó là: nhân duyên, thứ đế duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên.

1. Nhân duyên: tương ứng nhân, cong sanh nhân, tự chủng nhân, biến nhân, báo nhân. Năm nhân ấy gọi là nhân duyên. Lại nữa, hết thảy pháp hữu vi, cũng gọi là nhân duyên.

2. Thứ đế duyên (duyên thứ lớp): trừ tâm tâm sở pháp quá khứ, hiện tại và tối hậu của A-la-hán, các tâm tâm sở pháp quá khứ, hiện tại khác đều có thể làm thứ đế duyên; ấy gọi là thứ đế duyên.

3. Duyên duyên, và 4. Tăng thượng duyên: là tất cả pháp.

Lại nữa, Bồ-tát muốn biết tướng riêng tướng chung của bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Như trong Bát-nhã ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được, vì có sao? Vì nếu trong

nhân trước đã có quả, việc ấy không đúng; trong nhân trước không có quả, cũng không đúng. Nếu trước có quả, thời không cần nhân; nếu trước không quả mà vẫn có, thời cũng có thể từ không nhân mà sanh...

Lại nữa, thấy quả từ nhân sanh, nên gọi là nhân, nếu trước không quả, làm sao gọi là nhân.

Lại nữa, nếu quả từ nhân sanh, quả tức thuộc nhân, nhân không tự tại, lại thuộc nhân khác. Nếu nhân không tự tại sao nói quả chỉ từ nhân ấy sanh. Do các việc như vậy, nên biết không có nhân duyên.

Lại, tâm tâm sở pháp quá khứ đều đã diệt, không tạo tác được gì, làm sao có thể làm thứ đế duyên. Hiện tại có tâm thời không thứ đế, nếu làm thứ đế cho tâm sắp sanh trong đời vị lai, thời tâm vị lai chưa có, làm sao cùng làm thứ đế, như vậy thời không thứ đế duyên.

Nếu như hết thảy pháp vô tướng, vô duyên, có sao nói duyên duyên?

Nếu hết thảy pháp không thuộc gì, không nương gì, tất cả đều bình đẳng, có sao nói tăng thượng duyên?

Như vậy bốn duyên đều không thể có được, có sao nói: muốn biết bốn duyên nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Ông không biết tướng Bát-nhã ba-la-mật, vì vậy nên nói trong Bát-nhã ba-la-mật, bốn duyên đều không thể có được. Bát-nhã ba-la-mật đối với hết thảy pháp không bỏ, không phá, rất rói thanh tịnh, không các hỷ luận; như Phật nói có bốn duyên, chỉ vì người thiếu trí, chấp trước nơi bốn duyên mà sanh tà luận. Vì để phá chấp trước ấy, nên nói các pháp thật không, không phá hoại gì, như tâm pháp do nhân duyên nội xứ ngoại xứ (sâu căn sâu trần - N.D) hòa hợp sanh, tâm ấy như huyễn như mộng, hư dối không có tánh nhất định.

Tâm sở pháp cũng như vậy, tâm sở pháp cộng sanh với tâm ấy là thọ, tưởng, tư... Tâm sở pháp ấy

với tâm đồng tướng, đồng duyên, nên gọi là tương ứng. Tâm lấy tâm số pháp tương ứng làm nhân, tâm số pháp lấy tâm tương ứng làm nhân, ấy gọi là tương ứng nhân. Tương ứng nhân: ví như người thân hữu tri thức hòa hợp nhau làm thành sự.

Cộng sanh nhân: hết thầy pháp hữu vi, đều có cộng sanh nhân. Vì cộng sanh nên giúp đỡ nhau; ví như anh em đồng sanh, nên giúp đỡ lẫn nhau.

Tự chúng nhân: hạt giống thiện quá khứ là nhân của thiện pháp trong đời hiện tại, vị lai; hạt giống thiện quá khứ, hiện tại là nhân của thiện pháp trong đời vị lai. Bất thiện vô ký cũng như vậy. Như vậy hết thầy pháp, đều có cái nhân hạt giống của chính mình.

Biến nhân: kiết sử do thấy và tu Khổ đế, Tập đế mà được đoạn trừ là nhân của hết thầy pháp cầu nhiệm; ấy là biến nhân.

Báo nhân: do nhân duyên hành nghiệp nên thọ quả báo thiện ác, ấy là báo nhân. Năm nhân ấy gọi là nhân duyên.

Tâm tâm số pháp thứ lớp nối nhau không xen hở, nên gọi là thứ đệ duyên (tức đẳng vô gián duyên).

Tâm tâm số pháp duyên theo sáu trần phát sanh, nên gọi là duyên duyên.

Khi các pháp sanh, không làm chướng ngại nhau; ấy là vô chướng duyên (tức tăng thượng duyên).

Lại nữa, tâm tâm số pháp từ bốn duyên sanh; vô tướng, diệt tận định từ ba duyên sanh, trừ duyên duyên; các tâm bất tương ứng hành khác và sắc, từ hai duyên sanh, trừ thứ đệ duyên và duyên duyên. Các pháp hữu vi tánh yếu kém, nên không có pháp nào từ một duyên sanh.

Tâm, tâm số pháp do quả báo sanh thì từ năm nhân sanh

Vô phú vô ký, vì chẳng phải pháp ô cấu nên trừ biến nhân.

Các phiền não cũng từ năm nhân sanh, trừ báo nhân, vì cố sao? Vì các phiền não là hữu phú; còn báo là vô phú (vô ký) nên trừ báo nhân.

Sắc do quả báo sanh. Tâm bất tương ứng hành từ bốn nhân sanh; vì nó chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ứng nhân; vì nó là pháp vô phú vô ký, nên trừ biến nhân. Sắc nhiệm ô và các tâm bất tương ứng hành cũng từ bốn nhân sanh. Vì nó chẳng phải tâm tâm số pháp nên trừ tương ứng nhân; và vì nó cấu nhiễm nên trừ báo nhân. Các tâm tâm số pháp khác, trừ vô lậu tâm ban đầu, đều từ bốn nhân sanh, trừ báo nhân, biến nhân, vì cố sao? Vì chẳng phải vô ký nên trừ báo nhân, và vì chẳng phải ô cấu nên trừ biến nhân. Các pháp bất tương ứng khác là sắc và tâm bất tương ứng hành, nếu có thì chúng nhân thời từ ba nhân sanh, trừ tương ứng nhân, báo nhân, biến nhân. Nếu không có tự chúng nhân thời từ hai nhân sanh, là cộng sanh nhân và vô chướng nhân. Tâm tâm số pháp vô lậu ban đầu, từ ba nhân sanh, là tương ứng nhân, cộng sanh nhân, vô chướng nhân. Sắc và các tâm bất tương ứng hành trong tâm vô lậu ban đầu ấy, từ hai nhân sanh, là cộng sanh nhân và vô chướng nhân.

Không một pháp nào từ một nhân sanh, hoặc từ sáu nhân sanh; ấy gọi là bốn duyên. Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán bốn duyên như vậy, tâm không vướng mắc; tuy phân biệt pháp ấy, mà biết nó không, đều như huyền hóa; trong huyền hóa tuy có các sai biệt, người trí quán nó, biết

không có thật, chỉ dối gạt con mắt. Vì phân biệt biết pháp người phạm phu đều là người điên đảo hư dối mà không thật, nên có bốn duyên. Như vậy thế nào là thật? Pháp hiển thánh nhân từ pháp phạm phu sanh, nên cũng không thật; như đã nói trong chương 18 không. Bồ-tát ở trong Bát-nhã ba-la-mật, không có một pháp có tánh nhất định khả thủ nên không thể phá. Vì chúng sanh chấp trước vào không pháp do nhân duyên sanh nên gọi là có thể phá; ví như trẻ con thấy trăng trong nước, tâm sanh ưa đắm, muốn lấy mà không thể lấy được, tâm lại ưu não. Người trí dạy rằng: tuy có thể mắt thấy, mà không thể tay lấy, đây chỉ phá cái có thể lấy, không phá cái có thể thấy. Bồ-tát quán biết các pháp từ bốn duyên sanh, mà không chấp thủ tướng nhất định trong bốn duyên. Bốn duyên hòa hợp sanh như trong nước, tuy là hư dối không có gì, nhưng phải từ trăng và nước làm nhân duyên sanh, chứ không từ duyên khác có được. Các pháp cũng như vậy, mỗi mỗi tự do nhân duyên sanh, không có thật nhất định. Vì vậy nên nói: Bồ-tát muốn như thật biết tướng nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật.

Hỏi: Nếu muốn biết rộng nghĩa bốn duyên, nên học A-tỳ-đàm, cố sao trong đây nói muốn biết nghĩa bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật?

Đáp: Nghĩa bốn duyên trong A-tỳ-đàm kẻ sơ học như nắm được chỗ thật của nó, lại tìm vào sâu hơn mà bị rơi trong tà kiến; như trước đã nói trong đoạn nghĩa phá bốn duyên. Lại nữa, sở nhân của các pháp là nhân nơi bốn duyên, bốn duyên lại nhân nơi cái gì? Nếu có nhân thời vô cùng, nếu không nhân thời vô thì, nếu vô thì thời vô nhân; nếu vậy thời hết thầy pháp đều nên phải vô nhân! Nếu có thì, thì thời không có sở nhân. Nếu không sở nhân mà có, thời không đợi nhân duyên. Nếu vậy thời hết thầy pháp cũng không đợi nhân duyên mà có. Lại nữa, các pháp từ nhân duyên sanh có hai thứ: hoặc trong nhân duyên trước đã có, thời không đợi nhân duyên mà sanh, thời chẳng phải nhân duyên; hoặc trong nhân duyên trước không có, thời không có mỗi mỗi nhân duyên. Vì lý luận bốn duyên, nên có các lỗi như vậy, còn như Bát-nhã ba-la-mật là không, bất khả đắc, thời không có các lỗi như vậy; như người thế gian mắt, tai thấy sanh, già, bệnh, chết, ấy thời là có, mà tìm kỹ tướng nó thời không thể có được. Vì vậy nên trong Bát-nhã ba-la-mật, chỉ trừ tà kiến mà không phá bốn duyên. Cho nên nói: muốn biết bốn duyên, nên học Bát-nhã ba-la-mật”.

Qua phần Luận này, có thể rút ra vài nhận định sau:

Luận Đại Trí Độ tập trung khai thị về trí tuệ Bát Nhã. Trí tuệ Bát Nhã cũng được gọi là Đại Trí Bát Nhã ("Ma ha Bát Nhã"). Ý nghĩa của trí tuệ Bát Nhã được xác minh ngắn gọn, đầy đủ trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh (Bài kinh trọng yếu tập trung về trí tuệ Bát Nhã để vượt qua đến bến bờ Giải Thoát ở Bên Kia). Trí tuệ này được xem là trí tuệ của các bậc đã Kiến Đạo (tương đương với quả vị Tu Đà Hoàn của Thanh Văn thừa, hoặc quả vị Bồ tát Sơ Địa của Bồ Tát thừa), nay đang tu tập Bát Chánh Đạo để Kiến Thánh (tương đương với quả vị A La Hán của Thanh Văn thừa, hoặc quả vị Bồ tát Bát Địa của Bồ Tát thừa).

Trong phần khai thị về Nhân Duyên, khác với kinh Lăng Già minh định về 6 Nhân và 2 Duyên; Đại

Trí Độ Luận đi thẳng ngay vào trọng tâm Bát Nhã, nên chỉ nêu rõ là tất cả các pháp hữu vi đều được sinh khởi, hình thành chỉ từ nơi 4 duyên: Nhân Duyên, Thứ Đệ Duyên, Sở Duyên Duyên, và Tăng Thượng Duyên. Bốn Duyên này được xem là tuần tự tương ứng với bốn Nhân nơi kinh Lăng Già là Đương Hữu Nhân, Tương Tục Nhân, Tướng Nhân, và Tác Nhân. Hai Nhân còn lại nơi kinh Lăng Già mà Luận không kể đến là Hiện Thị Nhân và Đối Đãi Nhân. Lý do được cảm nhận là do Hiện Thị Nhân thuộc về phạm vi vọng tưởng, còn Đối Đãi Nhân do có ý nghĩa quá bao quát nên ít phù hợp với tôn chỉ của Luận.

Duyên thứ nhất của *Đại Trí Độ Luận* được gọi tên là Nhân Duyên. Có thể xem duyên này chính là A Lại Da thức, là Nhân thứ nhất (Nhân Duyên) nơi kinh Lăng Già. Luận đã phân định Nhân Duyên ra 5 thứ với tên gọi tuần tự là Tương Ứng Nhân, Cộng Sanh Nhân, Tự Chung Nhân, Biến Nhân, và Bảo Nhân. Năm thứ Nhân nơi một Duyên (Nhân Duyên) của *Đại Trí Độ Luận* được xem là cùng tương ứng với một Nhân (Đương Hữu Nhân) nơi kinh Lăng Già. Đó là do Luận đã đi sâu hơn vào từng hành trạng vi tế của A Lại Da thức. Ý nghĩa của 5 tên gọi này có thể được ghi nhận như sau:

1. Tương Ứng Nhân: A Lại Da thức và các Tâm Sở đồng tướng, đồng duyên với nhau nên gọi là tương ứng. Như Luận đã nêu: "*Tâm lấy tâm số pháp tương ứng làm nhân, tâm số pháp lấy tâm tương ứng làm nhân, ấy gọi là tương ứng nhân. Tương ứng nhân: ví như người thân hữu tri thức hòa hợp nhau làm thành sự*". Như thế, Tương Ứng Nhân chính là A Lại Da thức có tương ứng với tất cả các loại Tâm Sở (còn được gọi là Tâm Sở). Tâm Sở là các pháp từ Tâm Vương khởi, tương ứng với Tâm Vương và hệ thuộc nơi Tâm Vương để cùng Tâm Vương hòa hợp trong tiến trình phát sinh, tạo tác nhân quả, trong sự sanh hoặc diệt, sự có hoặc sự không có, sự thiện hoặc ác, tất cả các hiện tướng có tánh đối đãi hai bên (nhị biên) nơi tâm thức.

2. Cộng Sanh Nhân: Luận nêu "*Tâm số pháp cộng sanh với tâm ấy là thọ, tưởng, tư... hết thảy pháp hữu vi, đều có cộng sanh nhân. Vì cộng sanh nên giúp đỡ nhau; ví như anh em đồng sanh, nên giúp đỡ lẫn nhau*". Có thể cảm nhận là A Lại Da thức luôn có sự cộng sinh cùng tất cả các pháp. A Lại Da thức vừa là thể, vừa là tướng, vừa là dụng của các hòa hiệp nhiệm hay tịnh nơi tâm. Do A Lại Da thức là Cộng Sanh Nhân với tất cả các pháp Hữu Vi nên Luận cũng nêu là "*hết thảy pháp hữu vi, cũng gọi là nhân duyên*".

3. Tự Chung Nhân: Luận nêu: "*Hạt giống thiện quá khứ là nhân của thiện pháp trong đời hiện tại, vị lai; hạt giống thiện quá khứ, hiện tại là nhân của thiện pháp trong đời vị lai. Bất thiện vô ký cũng như vậy. Như vậy hết thảy pháp, đều có cái nhân hạt giống của chính mình*." Như thế, Luận minh định A Lại Da thức luôn sẵn có, sẵn mang nơi nó kho tàng chủng tử tập khí (hạt giống của chính nó) của tất cả các pháp.

4. Biến Nhân: Luận nêu: "*Kiết sử do thấy và tu khổ đế, Tập đế mà được đoạn trừ là nhân của hết thảy pháp cấu nhiễm; ấy là biến nhân*". Như thế, sau khi đã tu tập thành tựu Khổ đế, Tập đế sẽ thấy biết ra được tướng thể của A Lại Da thức mệnh mang, biến hành, biến mãn khắp các pháp giới trong 3 cõi (Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới) mà từ đó có thêm căn bản để đoạn trừ được các kiết sử

phiền não, nhiễm ô.

5. Bảo Nhân: Luận nêu: "*Do nhân duyên hành nghiệp nên thọ quả báo thiện ác, ấy là bảo nhân*". Đến đây, Luận khẳng định A Lại Da thức chính là căn nguồn, nơi xuất phát của tiến trình chiêu cảm, dắt dẫn, và hoàn mãn các nghiệp quả (chiêu nghiệp, dẫn nghiệp, mãn nghiệp) của tất cả chúng sinh.

4) Duyên thứ hai của *Đại Trí Độ Luận* là Thứ Đệ Duyên chính là Tương Tục Nhân nơi kinh Lăng Già. Luận giải thích ngắn gọn về Duyên này như sau: "*Tâm tâm số pháp thứ lớp nối nhau không xen hở, nên gọi là thứ đệ duyên (tức đẳng vô gián duyên)*". Vậy, Thứ Đệ Duyên (Tương Tục Nhân) chính là 7 Chuyển Thức (Tiền Thất Thức) như các phần trên đã lược qua.

5) Duyên thứ ba của *Đại Trí Độ Luận* là Sở Duyên Duyên chính là Tướng Nhân nơi kinh Lăng Già. Luận giải thích ngắn gọn về Duyên này như sau: "*Tâm tâm số pháp duyên theo sáu trần phát sanh, nên gọi là duyên duyên*". Tất cả những cảnh duyên, những sự vật mà ta có thể thấy- nghe- hay - biết (kiến văn giác tri) đều thuộc về Sở Duyên Duyên. Ví dụ như cây lúa chính là Sở Duyên Duyên; các yếu tố khác để hình thành ra cây lúa như đất, nước, phân bón, sức người lao tác, và cả hạt giống lúa cũng đều là Sở Duyên Duyên. (Chỉ có hạt giống chủng tử nghiệp thức trong tâm thức A Lại Da mới được xem là Nhân Duyên, hạt giống lúa chỉ là Sở Duyên Duyên).

6) Duyên thứ tư của *Đại Trí Độ Luận* là Tăng Thượng Duyên chính là Tác Nhân nơi kinh Lăng Già. Luận giải thích ngắn gọn về Duyên này như sau: "*Khi các pháp sanh, không làm chướng ngại nhau; ấy là vô chướng duyên (tức tăng thượng duyên)*".

7) Đặc sắc là *Luận Đại Trí Độ* đã nêu rõ về số lượng các duyên cần có để hình thành nên sự vật, hiện tượng, cả ở công phu tu tập. Như 51 môn tâm sở luôn cần có đủ 4 duyên (Nhân Duyên, Thứ Đệ Duyên, Sở Duyên Duyên, và Tăng Thượng Duyên); các công phu thiền Định nơi Vô Sắc Giới như Vô Tướng Định, Diệt Tận Định lại chỉ cần có 3 duyên (Nhân Duyên, Thứ Đệ Duyên, và Tăng Thượng Duyên) mà không có Sở Duyên Duyên (lý do các Định này không có Sở Duyên Duyên vì chúng đã vượt qua phạm trù hoạt động của Đệ Lục Ý thức nên không còn bị tác động bởi trần cảnh nữa); 24 môn Tâm Bất Tương Ứng Hành và 11 Sắc pháp chỉ cần 2 Duyên (Nhân Duyên, và Tăng Thượng Duyên) (lý do là Tâm Bất Tương Ứng Hành pháp và Sắc pháp không có tùy thuộc vào các Chuyển Thức và các cảnh giới sở duyên).

Xét về nhân duyên trong tu tập Thiền Định Phật đạo quả là vô cùng, vô lượng vì nơi tướng trạng chuyển biến của tâm thức, có thể nói mỗi phút, mỗi giây, mỗi sát na tu tập đều có hàm chứa nơi nó mỗi nhân, mỗi duyên. **Du Già Sư Địa Luận** [Tác giả: Bồ tát Di Lạc giảng thuật, Bồ tát Vô Trước (310-390) ghi, Dịch giả Phạm-Hán: Tam tạng Pháp sư Huyền Trang (602-664), Việt dịch: Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh] phân định sự chuyển biến nơi tâm thức này ra thành 17 Địa. Địa là môi trường sống, sinh hoạt, cảnh giới tu tập tâm thức nên 17 Địa của Luận bao quát tất cả các cảnh giới công phu tu tập của Thiền Định trong Phật đạo. Các cảnh giới này có thể được kể tên sơ lược là Năm Thức Thân Tương Ứng Địa, Ý Địa, Hữu Tâm Hữu Tú Địa, Vô

Tâm Hữu Tứ Địa, Vô Tâm Vô Tứ Địa, Tam Ma Hí Đa Địa, Phi Tam Ma Hí Đa Địa, Hữu Tâm Địa, Vô Tâm Địa, Văn Sở Thành Địa, Tư Sở Thành Địa, Thanh Văn Địa, Độc Giác Địa, Bồ Tát Địa, Hữu Dư Ý Địa, và Vô Dư Ý Địa.

Như nơi Ý Địa, phạm vi cảnh giới tu tập của Ý Thức, Luận chỉ phân định ra 4 Duyên là Nhân Duyên (chính là các chủng tử tập khí nơi A Lại Da thức), Đẳng Vô Giác Duyên (chính là các Chuyển Thức cùng các Tâm Sở lưu xuất bình đẳng không gián đoạn từ A Lại Da thức), Sở Duyên Duyên (chính là 6 cảnh trần: Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp; 6 đối tượng Sở Duyên của Ý Thức), và Tăng Thượng Duyên (chính là tất cả các pháp, ngoại trừ chủng tử).

Nơi ba Địa Tâm Tứ (Hữu Tâm Hữu Tứ Địa, Vô Tâm Hữu Tứ Địa và Vô Tâm Vô Tứ Địa), Luận phân định chi tiết hơn với 10 Nhân, 4 Duyên, 5 Quả.

10 Nhân được phân định dựa vào nơi xuất phát (gọi là "Chỗ Dựa Của Nhân" hay còn gọi là "Chỗ Lập Xứ"). Lý do là 10 thứ Nhân này được xem là nơi xuất phát ra công phu tu tập Tâm (truy tìm đối tượng Thiền Định, như hình ảnh con ong đang bay lượn tìm bông hoa) và Tứ (dò xét, chiêm nghiệm ý nghĩa của đối tượng Thiền Định, như hình ảnh con ong đang say sưa hút mật nơi nhụy bông hoa). Tâm và Tứ là 2 công phu tu tập thiền định cơ bản bước đầu của giai vị Sơ Thiền (Ly Sanh Hỷ Lạc, Hữu Tâm Hữu Tứ Địa) cõi Sắc Giới. Đến giai vị Nhị Thiền (Định Sanh Hỷ Lạc, Vô Tâm Vô Tứ Địa), 2 công phu này không còn cần thiết tu tập nữa. Tổng quát về 10 Nhân nơi ba Địa Tâm Tứ được ghi nhận tóm lược như sau:

Nhân Tùy Thuyết (còn gọi là "Nhân Ngữ Ý Xứ"): là Nhân có chỗ nương là lời nói, ngôn thuyết, ngôn ngữ, văn tự mà Tâm Tứ.

Nhân Quán Đãi (còn gọi là "Nhân Lãnh Thọ Ý Xứ"): là Nhân có chỗ nương là lãnh thọ mà có ra quán sát và đối đãi so sánh (quán đãi là quán sát và đối đãi) mà Tâm Tứ.

Nhân Dẫn Dẫn (còn gọi là "Nhân Tập Khí Ý Xứ", hoặc là "Nhân Khiên Dẫn" hoặc là "Nhân Diệt Lâu Xa"): là Nhân có chỗ nương là tập khí (khiên dẫn là buộc kéo đi) dắt dẫn mà Tâm Tứ.

Nhân Sanh Khởi (còn gọi là "Nhân Hữu Nhuận Chủng Tử Ý Xứ" hoặc gọi là "Nhân Năng Sanh"): là Nhân có chỗ nương là chủng tử (thường hay sanh tạo ra vạn pháp) mà Tâm Tứ.

Nhân Nhiếp Thọ (còn gọi là "Nhân Vô Giác Diệt Ý Xứ"): là Nhân có chỗ nương là "Diệt Không Giác Đoạn", chỗ nương dựa của sự thấy chân thật về sử dụng (tác dụng của con người), tác dụng, căn, cảnh giới của Diệt Vô Giác, mà Tâm Tứ.

Nhân Dẫn Phát (còn gọi là "Nhân Căn Ý Xứ"): Nương vào chỗ dựa của "Nhân Tùy Thuận" mà Tâm Tứ. Như pháp Thiền thuộc cõi Dục, có thể dẫn sanh các pháp Thiền thù thắng thuộc cõi Dục, thuộc cõi



Sắc, thuộc cõi Vô sắc và cả pháp thiên không hệ thuộc ba cõi, do là tùy thuận nơi các cõi.

Nhân Định Dị (còn gọi là "Nhân Sai Biệt Công Năng Ý Xứ" hoặc gọi là "Nhân Quyết Định Khác"): Nương vào chỗ dựa của Công Năng Sai Biệt mà Tâm Tứ (tự tánh các pháp thuộc 3 cõi có vô số công năng sai biệt).

Nhân Đồng Sự (còn gọi là "Nhân Hòa Hợp Ý Xứ") là Nhân có chỗ nương là Hòa Hợp mà Tâm Tứ. Đây là do đạt được sự hòa hợp tự sanh, nên các pháp (thuộc 3 cõi và các pháp không thuộc 3 cõi) được sanh.

Nhân Tương Vi (còn gọi là "Nhân Chướng Ngại Ý Xứ", hoặc gọi là "Nhân Trái

Nhau"): là nương vào chỗ dựa của chướng ngại mà Tâm Tứ. Như pháp thuộc 3 cõi cùng pháp không hệ thuộc 3 cõi sắp được sanh, mà có chướng ngại hiện tiền thì không thể sanh.

Nhân Bất Tương Vi (còn gọi là "Nhân Bất Chướng Ngại Ý Xứ", hoặc gọi là "Nhân Không Trái Nhau"): là nương vào chỗ dựa của nhân không chướng ngại mà Tâm Tứ. Như pháp thuộc 3 cõi và pháp không thuộc 3 cõi sắp được sanh, nếu không có chướng ngại hiện tiền, bấy giờ liền sanh.

4 Duyên nơi 3 Địa Tâm Tứ được Luận kể tên là: duyên Nhân, duyên Đẳng Vô Giác, duyên Sở Duyên, và duyên Tăng Thượng.

5 Quả nơi 3 Địa Tâm Tứ cũng được Luận kể tên là: quả Dị Thục, quả Đẳng Lưu, quả Ly Hệ, quả Sĩ Dụng, và quả Tăng Thượng. Luận cũng nêu khái quát về Nhân Duyên tạo ra các Quả: "Nương vào chỗ dựa của nhân duyên Tùy Thuận Tập Khí để thiết lập quả Dị Thục và quả Đẳng Lưu, nương vào chỗ dựa của nhân duyên Thấy Chân Thật để thiết lập quả Ly Hệ, nương vào chỗ dựa của nhân duyên Sĩ Dụng để thiết lập quả Sĩ Dụng, nương vào chỗ dựa của nhân duyên còn lại, để thiết lập quả Tăng Thượng".

Tất cả các Nhân, các Duyên, A Lại Da thức cùng chủng tử, các Chuyển Thức (Mạt Na thức, Ý thức, Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức), các tâm sở, các hành trạng của tâm thức, các cảnh trần... được nêu trên chỉ là pháp phương tiện (Thế Tục Đế) chỉ bày của chư Phật, chư Bồ Tát. Và trong các thứ Nhân Duyên đó, đã nổi bật lên Nhân Duyên về chư hạnh nguyện hy hữu thiết tha với trí tuệ quảng đại của chư Phật, chư Bồ Tát. Như kinh Pháp Hoa nêu rõ "Chư Phật ra đời chỉ do một Đại Sự Nhân Duyên. Đó là Nhân Duyên khai thị chúng sanh ngộ nhập Phật Tri Kiến"; Nhân Duyên khiến giúp tất cả các loài chúng sinh được giải thoát, vượt ra ngoài sự vương mắc, chấp thủ nơi tất cả Nhân, tất cả Duyên vậy.

Khánh Hoàng

Plano _ December 02, 2022



NGƯỜI TRÍ NGHE PHÁP

(*Phật Pháp Thứ Năm* — bài viết hàng tuần của GDPT
do **NHÓM ÁO LAM** thực hiện)

TRANG GIA ĐÌNH PHẬT TỬ

Thưa Anh Chị Em Lam viên thương mến,
Ngày xưa, ở Ấn Độ, việc cúng dường thực phẩm cho chư Tăng đi khất thực hằng ngày là một việc rất bình thường, nhưng đôi khi cũng xảy ra những sự cố mà đức Thế Tôn phải đích thân giải quyết. Ví dụ câu chuyện của nàng Kha Nhã sau đây.

Có vị nữ cư sĩ rất đạo Phật. Bà có cô con gái tên là Kha Nhã được gả qua làng bên cạnh nhưng thỉnh thoảng cũng về nhà thăm mẹ và cùng mẹ sửa soạn thực phẩm dâng cúng chư Tăng đi khất thực hằng ngày. Có một lần nọ, chồng của Kha Nhã bảo người sang nhà vợ gọi vợ về trở lại nhà chồng, nhưng bà mẹ bảo con gái ở lại nhà giúp bà làm nhiều bánh kẹo cúng dường vì hôm sau có nhiều vị tỳ kheo đi khất thực, đứng trước nhà. Hôm sau Kha Nhã mãi lo giúp mẹ làm bánh mứt cúng dường chư Tăng đi khất thực nên đã trễ hơn 3 hôm chưa về lại nhà chồng. Bên nhà chồng thúc giục cô phải về, nếu không anh ta sẽ lấy vợ khác. Bà mẹ tưởng đó là lời dọa của người chồng nhớ vợ nói ra thôi nên bảo con gái cứ ở lại một ngày nữa, làm thêm bánh mứt đem về cho chồng. Tưởng là nói chơi, ai ngờ người chồng làm thật, cưới một bà vợ mới. Khi hay tin đó, Kha Nhã buồn rầu, ở luôn nhà mẹ và trong lòng sinh ra oán ghét chư Tăng. Trong lúc nóng giận đã thốt ra những lời vô lễ, cho rằng vì họ mà cô bị chồng bỏ... Tiếng đồn vang xa, chư Tăng không đến khất thực ở nhà mẹ của Kha Nhã nữa.

Đức Phật nghe thấy chuyện này nên mới cùng một số thầy Tỳ kheo đi đến trước nhà mẹ Kha Nhã khất thực. Mẹ Kha Nhã cung thỉnh đức Phật và chư Tăng vào nhà dâng cúng thực phẩm. Sau khi thọ thực xong, đức Phật cho mời Kha Nhã ra và hỏi: "Này tín nữ, chẳng hay các vị tỳ kheo đến đây khất thực, họ đã lấy những gì được dâng cúng cho họ hay họ đã lấy những gì không được dâng cúng?" Kha Nhã trả lời: "Bạch Thế Tôn, chẳng có ai nhận quá phần của mình cả. Trước đây, chồng con bỏ con, con đau buồn nên có lời thất lễ với Chư Tăng, nay con thành tâm thú tội, kính mong Thế Tôn tha lỗi cho con." Đức Phật vui vẻ chấp nhận lời xin lỗi của Kha Nhã và giảng một bài pháp về hạnh bố thí. Kha Nhã nghe xong liền chứng được quả vị Tu Đà Hoàn.

Trên đường về tịnh xá Kỳ Viên, đức Phật gặp vua Ba tư Nặc xứ Câu Tất La. Nghe chuyện của Kha Nhã, vua hỏi đức Phật có giảng Pháp cho cô nghe không. Đức Phật đáp: "Như Lai đã giảng Pháp cho Kha Nhã nghe và nói cô ta sẽ được giàu sang trong kiếp tới." Vua Ba Tư Nặc nói: "Bạch Thế Tôn, con có cách làm cho Kha Nhã được giàu sang ngay trong hiện đời." Rồi vua cho sứ giả đi mời Kha Nhã đến hoàng cung nhận làm con nuôi. Giữa triều đình nhà vua hỏi: "Này chư khanh, có ai trong các người đủ khả năng làm cho con gái nuôi của ta đây là Kha

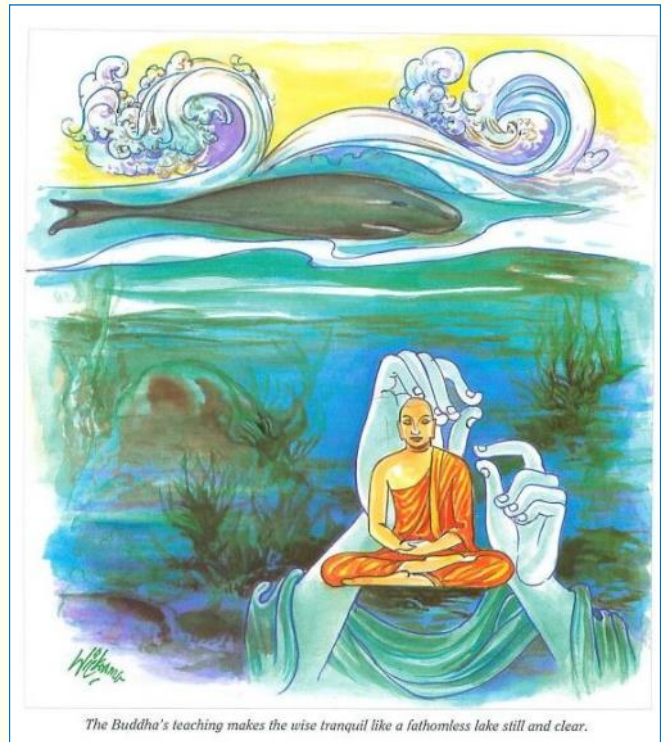
Nhã được giàu sang, sống đầy đủ tiện nghi sung sướng, thì được đưa về nhà." Một vị đại thần liền đứng ra xin nhận. Cô Kha Nhã được cha nuôi ban cho nhiều tiền của, bảo cứ tùy nghi bố thí. Mỗi ngày cô mở hội bố thí ở 4 cửa thành, phát chẩn cho dân nghèo.

Khi nghe dân chúng nói về tấm lòng bố thí rộng rãi của Kha Nhã, đức Phật bảo các vị tỳ kheo rằng: "Trước kia tâm trí của Kha Nhã bị mê mờ và vẩn đục, sau khi nghe được Chánh Pháp đã trở nên trong sáng và an tịnh." Ngài nói lên mấy câu kệ:

*"Như hồ nước sâu yên lặng trong sạch
Những người có trí sau khi nghe Pháp
Tâm họ cũng thanh tịnh và yên lặng."
(Kinh Pháp Cú, Kệ # 82)*

Thương mến kính chúc Anh Chị Em chúng ta hằng ngày được nghe Chánh Pháp tâm cũng sẽ trở nên trong sạch và thanh tịnh như mặt hồ tĩnh lặng.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam



The Buddha's teaching makes the wise tranquil like a fathomless lake still and clear.

HỌC PHẬT, CẦN THẤY RA SỰ THẬT

Thích Nữ Hằng Như

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

I. DẪN NHẬP

Là Phật tử, chúng ta thường được nghe giảng “đạo Phật là đạo của từ bi và trí tuệ”. Hiểu đơn giản hai chữ “đạo Phật” là con đường dẫn đến giác ngộ. Đạo là con đường. Phật là tỉnh thức, là giác ngộ. Bồ Tát Siddhartha Gautama là vị đã tìm thấy con đường thoát khỏi luân hồi sinh tử, được tôn là Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni. Suốt 45 năm dài sau khi thành đạo, Đức Phật đã bốn ba đây đó chỉ bày cho chúng sanh phương thức tu tập thoát khỏi biển luân hồi sinh tử, cho đến lúc Ngài nhập diệt ở tuổi tám mươi, tại khu rừng Sa-la thuộc vùng Kushinagar, nước Ấn Độ.

Học Phật, chúng ta được dạy rằng mục đích của đạo Phật là thấy ra sự thật, mà sự thật này liên hệ đến khổ và thoát khổ. Bình thường, muốn thoát khỏi sự buồn bực, điều quan trọng đầu tiên là phải biết rõ nguyên nhân nào gây ra sự bực bội. Như cuộn chỉ bị rối, phải biết rối chỗ nào, để mình từ từ gỡ ra ở chỗ đó. “**Biết**” là “**nền tảng của giác ngộ**”. Từ từ là tính chịu đựng, lòng kiên nhẫn, không để cơn bực bội nóng nảy làm tối mù tâm trí, khiến cho cuộn chỉ mỗi lúc một rối ren thêm. Như vậy làm việc gì cũng phải có sự hiểu biết tức có trí tuệ, thì mới mong giải quyết được vấn đề. Muốn thoát khỏi đau khổ cũng vậy, phải biết đầu mối, nguyên nhân đau khổ là gì, không thể chỉ ngồi một chỗ than vãn: “**tại sao tôi khổ như thế này, làm sao để tôi hết khổ... v.v...**” là sẽ hết khổ!

Bài pháp đầu tiên là bài kinh “**Tứ Diệu Đế**”, Đức Phật giảng cho năm người bạn đạo đã từng tu khổ hạnh cùng với Ngài trước kia, đứng đầu là đạo sĩ Kiều Trần Như. Chủ yếu bài kinh nêu lên bốn sự thật. Đó là sự thật về khổ, nguyên nhân của khổ, phương thức tu tập để hết khổ. Giác ngộ về Tứ diệu đế tức giác ngộ về khổ, giác ngộ về nguyên nhân gây ra khổ, rồi mới tu tập theo Bát chánh đạo để thoát khổ tức giải thoát. Bát chánh đạo là con đường tu tập theo tám ngành đưa đến giác ngộ và thoát khổ. (*) Ngoài Bát chánh đạo, còn có nhiều pháp trợ đạo khác đưa đến giác ngộ và giải thoát như: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi... Con đường đưa đến thoát khổ có nhiều pháp như thế, nhưng chung quy cốt lõi của các pháp này nằm ở chỗ nào?

II. HỌC PHẬT LÀ THẤY RA SỰ THẬT

Đạo Phật dạy chúng ta rất nhiều pháp liên hệ đến khổ và thoát khổ như vừa nêu ở trên. Nhưng điểm chính yếu cần thiết nhất của những pháp học đó là cái gì? Theo lời dạy của các bậc Thầy giác ngộ, thì **cốt lõi của đạo Phật đơn giản là nhận thức được sự thật về vạn pháp**, mà sự thật đó dù đức Phật Thích Ca có ra đời hay không thì sự



thật đó đã, đang, và sẽ hiện hữu không bao giờ thay đổi, vì nó là chân lý. Chông đời chân lý, thì con người chỉ sống trong phiền não khổ đau. Chấp nhận sự thật để tu tập theo Phật pháp, thì mới có thể thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử. Dưới đây là những điều cốt lõi của đạo Phật mà chúng ta cần biết. Đó là:

- **Tánh sinh diệt:** Hiện tượng nào trên thế gian này cũng sinh và diệt. Không có cái gì bất biến tồn tại mãi. Thử quan sát mọi trần cảnh xung quanh chúng ta sẽ thấy không một hiện tượng nào có đời sống vĩnh cửu. Con người, thú vật, chim muông, cây cỏ đều có đời sống một thời gian nhất định của nó. Xe cộ hôm nay mới mẻ xinh đẹp, sẽ có ngày hư hoại, biến thành đồng sắt vụn. Nhà cửa là nơi che mưa trú nắng của con người cũng có lúc hư hao không thể sửa chữa được, sẽ bị giật sập xây cất khác. Ngay cả thành phố hay một quốc gia cũng thay đổi và biến mất, thay thế vào đó là thành phố khác hay quốc gia khác vì nguyên do này hay lý do khác... Những loài vô tình như đất đá, núi non, sông hồ... cũng bị quy luật “**sinh-trụ-hoại-diệt**” chi phối. Do đời sống của con người chỉ trên dưới trăm năm nên không thấy được sự thay đổi của các hiện tượng có đời sống lâu dài hằng tỷ năm của vũ trụ. Cho nên thực chất của tất cả hiện tượng thế gian dù lớn như núi Tu-Di hay nhỏ như hạt bông cải, đều vô thường sinh diệt như lời Đức Phật dạy. Đó là sự thật!

- **Pháp ấn vô thường:** Nhìn chung, cái gì sinh diệt thì vô thường. Vô thường là không vững bền, không tồn tại, luôn thay đổi. Thí dụ con người không trẻ hoài mà phải già theo thời gian, hoặc không ai khổ hoài và cũng không ai suốt đời hạnh phúc. Thời tiết cũng vậy, nóng lạnh thay đổi thường

xuyên. Để ý cây cối xung quanh, cây nào cũng thay đổi theo từng mùa, ra lá, ra hoa, kết nụ thành trái, rồi rụng lá trở cành. Căn nhà, chiếc xe hay bất cứ vật dụng gì cũng không tốt, không đẹp mãi, mà sẽ hư hao, xấu xí theo thời gian. Những hiện tượng thay đổi này gọi là vô thường. Đây là dấu ấn mà người học Phật cần phải nhận ra. Nếu không nhận ra và không chấp nhận vô thường, thì khổ để sẽ có mặt. Cho nên Vô thường là sự thật, không thể chối cãi là không có vô thường được!

- **Chân lý vô ngã:** Bản chất của hiện tượng thế gian không thực chất tính, mà do nhân, do duyên hợp lại mới sinh ra con người hay vạn vật, chứ không có một vật thể nào tự chúng có được, nên tất cả mọi hiện tượng thế gian đều vô ngã. Con người ta cũng vậy. Thế nhưng con người thường hay đồng hóa những yếu tố kết hợp lại đó chính là mình, tự xưng là ta, của ta hay tự ngã của ta. Rồi bám chặt lấy nó như một cá thể vững bền.

Thực chất cấu trúc của con người cũng như vạn vật không thực thể, không bền vững, nên không có cái ta, cái ngã trong tâm thân ngũ uẩn đó. Có câu hỏi không có cái ta, cái ngã thì ai tu hành, ai chứng đắc? Ai cảm thọ đau khổ, ai hạnh phúc? Đạo Phật giải thích, mỗi yếu tố hay mỗi uẩn trong thân tâm sinh-vật-lý của con người đều có nhiệm vụ khác nhau. Như tác ý, suy nghĩ, muốn hành động điều gì, thì "tâm sở tư" thuộc hành uẩn phụ trách, chứ không phải "tôi tác ý, tôi suy nghĩ". Vui buồn, khó chịu là công việc của "tâm sở thọ", chứ không phải "tôi buồn hay tôi vui". Như vậy suy nghĩ buồn bực vui vẻ là công việc của Tâm. Tâm định, là công việc của "tâm sở định". Chứng ngộ là công việc của Trí tuệ. Mỗi tâm sở, mỗi uẩn làm một công việc, mà mình lại nói đó là "của mình, của tôi". Nếu là "của tôi" thì tại sao tôi muốn trẻ đẹp hoài, mà cái thân này cứ già nua theo năm tháng? Tôi muốn thân thể luôn khỏe mạnh, mà tại sao nó vẫn bệnh hoạn không nghe lời? Như vậy chứng tỏ không có cái ta, cái ngã gì ở đây, mà chỉ có các pháp (ngũ uẩn) vận hành tùy theo nhân theo duyên, nên gọi là Vô Ngã. (*)

Chân lý Vô Ngã là một dấu ấn quan trọng nhằm phá bỏ khái niệm "chấp ngã". Nếu nhìn đời qua lăng kính bởi cái tôi, cái của tôi, tự ngã của tôi, thì sự thấy biết đó thiên lệch, thành kiến, định kiến, không trong sáng, không chân thật, tức không đúng với sự thật trước mắt. Vì thế chấp ngã, chấp pháp là nguyên nhân ngăn cản sự giác ngộ, đồng thời là nơi dung chứa mọi làm chấp, tham lam, ích kỷ, kiêu mạn, nghi ngờ... đưa đến sự phiền não khổ đau, trong kinh gọi hành trạng đó là vô minh.

Tóm lại, giáo lý nhà Phật dạy vạn pháp do duyên khởi duyên sinh, không pháp nào là tự lập, nên nó không thoát khỏi nguyên lý "vô thường, khổ, vô ngã". Và nó cũng không thoát khỏi quy luật "sinh - trụ - hoại - diệt". Các nội dung này chính là cốt lõi trong Phật pháp. Nếu chúng ta không giác ngộ, hay chính xác là không chấp nhận những điều này thì vấn đề giải thoát khổ đau sẽ chỉ là những ảo tưởng, bởi vì việc tu tập của chúng ta chỉ đi lòng vòng như con kiến bò trên miệng chén mà thôi!

III. KHI NÀO NHẬN RA SỰ THẬT?

Nhận xét rằng đạo Phật là đạo chỉ ra sự thật, vậy sự thật đó nằm ở đâu? Đức Phật nhấn mạnh trong bài kinh "Nhất Dạ Hiền Giả": "Quá khứ đã

đoạn tận/Tương lai thì chưa đến/Chỉ có pháp hiện tại/Tuệ quán chính là đây". Như vậy chúng ta có câu trả lời ngay trước mắt. Đó là sự thật không nằm ở quá khứ, không nằm ở tương lai, không nằm ở chỗ nào khác, mà sự thật ngay tại chỗ "thực tại hiện tiền". Giác ngộ là thấy ra sự thật cái gì đang xảy ra tại đây và bây giờ, cái đó gọi là thực tại. Trạng thái tham, sân, thích, ghét... thì khác nhau, nhưng nhận ra sự thật về các trạng thái này thì bình đẳng như nhau.

Thí dụ như bây giờ mình đang nổi sân. Mình thấy "cái đang là của sân" tức mình thấy "sự thật về sân". Thấy rõ cơn sân xuất hiện diễn biến như thế nào, thấy rõ sự lợi hại của cơn sân. Và khi nó chấm dứt thì tâm như thế nào. "Cái thấy" là quan trọng, chứ không phải tâm vui hay tâm buồn hoặc tâm sân hận là quan trọng. Dù cơn sân phát xuất từ bản ngã, nhưng ngay trong thực tại mình chỉ quan sát, chiêm nghiệm, soi sáng cái sân với tâm định tĩnh, không phản ứng chống đối hay chấp nhận, nghĩa là quan sát cơn sân trong tinh thần vô ngã, từ lúc cơn sân khởi sinh cho đến khi cơn giận nguôi ngoai và chấm dứt. Thấy biết rõ ràng sự diễn biến của sân với tâm định tĩnh, giúp ta giác ngộ được tánh sanh diệt, vô thường, vô ngã của cơn sân.

Nếu có bản ngã xen vào tự cho cái sân đó là ta, của ta, tự ngã của ta thì ngay khi đó khổ để, Tập để hiện diện. Cho nên đạo Phật cốt yếu là thấy ra sự thật, chứ không phải rèn luyện, mài giũa để đạt được bất kỳ lý tưởng nào, kể cả Niết-bàn.

IV. "NHẬN RA CỐT LỖI, RỜI PHẢI THỂ NHẬP"

Nhận ra được cốt lõi của Phật pháp, chỉ mới là bước đầu trên con đường hữu học. Nhờ nhận ra được cốt lõi của Phật pháp, hành giả sẽ không bị tà kiến dẫn đi lạc hướng. Hiểu rõ về giáo lý, hành giả còn phải thực hành, bắt đầu từ chánh niệm thấy biết Như thực (Yathà bhùta) biết cái đang là, rồi đến cái Như vậy (Tathà/Tathata). Cả Như thật và Như vậy đều đặt trên nền tảng "ly ngôn thuyết" tức không lời, trong kinh dùng từ "Atakkàvacara" nghĩa là ngoài phạm vi lý luận. Đây chính là cốt lõi rất rõ, tinh túy nhất trong những cốt lõi mà hành giả đã ngộ.

Tại sao "Atakkàvacara" được xem là cốt lõi tinh túy như vậy? Đó là vì qua trạng thái tâm Tathà (ngôn hành, ý hành và thân hành không động) Đức Phật mới đắc quả A-La-Hán vô thượng chánh giác. Nếu không hiểu ý nghĩa sâu sắc để thực hành, thì không làm sao kinh nghiệm được Chân như, tức tâm Tathà. Đặc biệt là những hành giả tu thiền. Thấy được cốt lõi các pháp chưa đủ, đó là chỉ mới ngộ trên mặt lý thuyết, nhưng chưa thực hành để thể nhập những điều hành giả đã ngộ ra.

Thí dụ như ngộ về "sinh diệt, vô thường, vô ngã" mà không thể nhập thì chưa thể giải thoát khỏi khổ đau. Bởi vì khi nhận ra được tánh sinh diệt, vô thường, vô ngã của các pháp là hành giả mới ngộ đạo thôi. Hành giả cần phải tư duy, chiêm nghiệm để thể nhập các pháp, thì khi đó hành giả mới chứng ngộ đạo. Chứng ngộ là hành giả loại trừ được năm hạ phần Kiết sử như Thân kiến, Giới cấm thủ, Hoài nghi, Tham dục, Sân hận... bước vào dòng Thánh. Còn như tu tập pháp Như Thật mà không thể nhập Như vậy, thì cũng chưa thoát khỏi luân hồi sinh tử. Cho nên con đường tu Phật là khi nhận ra rồi phải thực hành thể nhập. Thể nhập để

chứng ngộ chuyển hóa tâm phàm tình trở thành tâm bậc thánh, để đi đến mục tiêu giác ngộ giải thoát. Cho nên tiến trình "**ngộ đạo, thể nhập đạo, chứng ngộ đạo**" cũng chính là cái cốt lõi quan trọng bậc nhất đối với người đang đi trên con đường học Phật tầm cầu giải thoát khỏi Tam giới.

IV. KẾT

Tu tập theo đạo Phật không phải để sở hữu được điều gì, mà thực ra là để buông xả không bám víu với bất kỳ những gì ở trên đời... mà chỉ nhận biết rõ ràng pháp đến rồi đi, đó là điều tự nhiên của vạn pháp. Và sự đến đi đó, là bài học "**sinh diệt, vô thường, vô ngã**" giúp cho chúng ta không bị dày vò phiền não khi nghịch cảnh đến, hoặc quá đắm chìm mê say hưởng khoái lạc, khi duyên thuận lợi đến với mình, mà phải sống trong trung đạo vừa phải. Bởi vì theo lời Phật dạy, được nhắc đi nhắc lại trong kinh là mọi thứ trên đời này đều "**sinh diệt, vô thường, vô ngã**". Ngay cả những sắc pháp đang hiện hữu ở nơi con người như mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và mọi danh pháp bên trong như thọ, tưởng, hành, thức... cũng đều vô thường, vô ngã, không. Muốn thoát khổ, người tu cần giác ngộ những điều này, sau đó tự mình soi sáng lại chính mình, để không vướng mắc với những yếu tố không thực thể từ bên trong hay bên ngoài thân. Luôn tự nhắc nhở ghi nhớ lời vàng ngọc quý báu của Đức Phật dạy, trước giây phút Ngài từ giã trần gian: "...**Này các Tỷ-kheo hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi. Hãy lấy Pháp của ta làm đuốc. Hãy theo Pháp của ta mà tự giải thoát. Đừng tìm sự giải thoát ở một kẻ nào khác, đừng tìm sự giải thoát ở một nơi nào khác, ngoài các người!..**" Hay: "...**Này các Tỷ-kheo, ta nói với các Thầy. Tất cả mọi pháp hữu vi đều vô thường. Hãy nỗ lực (tu hành) để đạt mục tiêu (giải thoát) của mình.**" (**)

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

THÍCH NỮ HẰNG NHƯ

(April 08/2024,
Chân Tâm thiền đường)

Tài liệu:

(*) Kinh Chuyển Pháp Luân / Tứ Diệu Đế & Vô Ngã tướng.
(**) Kinh Đại Bát Niết Bàn.

DẪN SANH ĐỘ CHÚNG

*Bồ đề quang quảng thiên nhai
Năng Nhân Tịch Mặc minh đài vô ngôn
Đê đầu đánh lễ Thê Tôn
Tứ đế, Bát chánh độ hôn mê trầm
Lục niên khổ hạnh sơn lâm
Thất tuần nhập định nhất tâm tỵ thành
Tam thân tứ trí tinh anh
Ngũ nhân đạt tực hạnh hành chiếu chơn
Lục thông thấu tận nguồn cơn
Quyền thật phương tiện uất đơn châu tuần
Thập nhị pháp chuyển tam luân
Hoa khai ngũ diệp Kiều Trần đệ huỳnh
Hy hoan thị hiện dân sinh
Thuận thể gian cố hữu tình tác tư
Độ sanh thuyết pháp chơn như.*

XÚ XÚ HƯƠNG

*Thê Tôn thị hiện Sa Bà
Quảng truyền chánh pháp hằng hà độ sinh
Tam giới tứ chúng hữu tình
Ngũ thừa lục đạo tùy hình tượng thân*

*Dị loại thô tế bất phân
Đại bi huệ lực tương lân thánh phàm
Chân nhơn tỵ thức quĩ tâm
Phật tánh giác ngộ bao hàm nhân thiên*

*Trung đạo thượng thiện thánh hiền
Nhất chơn pháp giới vô biên nguyện thê
Bát nhã đoạn hoặc muội mê
Đê đầu đánh lễ tâm cơ tỏ tường*

*Mãn thiên hoa
xú xú hương
Hy hoan khánh dẫn cùng đường Như Lai
Ưu đàm hoa
độ mãn khai
Sơn cùng thủy tận thiên nhai bồ đề.*



tho ĐỒNG THIÊN

Ất Lăng thành, 0424



Nói gót Thiên Lý Độc Hành

HẠNH VIÊN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Một buổi sáng cuối thu năm 2011, đang ngồi trong quán cà-phê sách ở Đà Lạt tôi nhận được mail tin của thầy gửi qua email, chỉ ngắn gọn mấy dòng:

"...Tôi đi lang thang theo đám mây trôi, phương trời vô định. Bờ sông, hốc núi, đâu cũng là chỗ vui thấy. Một chút duyên còn ràng buộc thì còn có cơ hội ngộ, đời này hoặc đời sau.

Thị ngạn am vô trụ xứ."

Thư được gửi đi từ chiều hôm trước, nghĩa là tối đó ông đã lang thang đâu đó ngoài bến xe, tìm một chuyến xe nào bất cứ, đi đến một nơi nào khả dĩ, không hẹn trước. Chuyến đi của ông thầy tu không chùa, không đệ tử, không cần nơi đến. Ra đi như vậy, ngoài những ấn tình riêng chung, nhưng kỳ cùng nó là một thôi thúc, một bó buộc đã sẵn có tự bao giờ. Và trở về, cũng là một thôi thúc, bó buộc khác.

"Gởi lại tình yêu ngọn cỏ rừng

Ta về phố thị bởi tình chung

Trao đời hương nhụy phơi hồn đá

Thăm thăm mù khơi sương mấy tầng."

Thiên Lý Độc Hành, chuỗi thơ 13 bài, hình thành sau chuyến đi ấy. Nó mở đầu bằng sự trở về, và kết thúc bằng lời gởi gắm một bước chân khác lên đường. Đi cho hết con đường thăm thăm nhân sinh trường mộng. Hai câu kết để ta đóng lại tập thơ mà không đóng lại được những tâm tình khắc khoải, tương điếu trước một vệt nắng chiều hay một ánh sao xa lay lắt cuối trời. Lời nhắn nhủ ân cần không phải là sự êm đềm khép lại cánh cổng vườn nhà sau khi người con đã trở về, nó mở ra lối sau chỉ về một phương trời miền man cô tịch...

"Mưa lạnh

đèo cao

không cỡi người."

Phương trời mờ ảo với ánh sao đêm làm đèn soi lối, lấy ánh trăng trên cỏ làm chiếu mà nằm, để sáng ra tiếp tục cuộc đi mà không biết đêm nay sẽ ở đâu, có "may mắn" tìm được một chỗ ngủ kín gió không. Có khi chỗ đó là cái miếu cô hồn bên đèo vắng, có khi là phía sau cái bệ con sư tử đá khổng lồ trước cổng tam quan một ngôi chùa, nơi có một hốc nhỏ đủ cho một người nằm khuất tầm nhìn khách qua đường. Nghỉ chân và chớp mắt, để ba giờ sáng thức dậy thu vén đi tiếp trước khi nhip sống đô thị trở lại nơi này cho một ngày mới.

"Thân tiếp theo thân ngày tiếp ngày

Mù trong dư ảnh lá rừng bay..."

Cái mùi hoang liêu dậm trường nó huyền hoặc, hấp dẫn như mùi trái cây chín đại ven đường khi dói, như mấy gói lạc rang của một thanh niên tốt bụng đưa cho, để chiều lên đèo, "vì ở đó trong tầm bán kính mười cây số không có nhà ai", anh ta nói. Mấy gói lạc rang, đủ cho một ngày đi qua cái đèo hoang vu này.

Sau này họa hoằn được nghe kể về chuyến đi, tôi thấy thật khó viết được gì chân xác về những bài

thơ này; đó là những con đường nặng chát, bụi bặm, những bầu trời tối sầm trĩu nặng mây đen, những chiều bùng đói, những đêm hun hút ngó về một quê hương nào đã mất. Đó không phải là trang giấy trắng để ta cặm cụi ghi chú vài ý tưởng mộng mơ. Tập thơ này với tôi không phải để đọc, để hiểu hay để viết về; chỉ cần nhìn, cảm, và tưởng tượng. Tôi không lo khi đọc mà không hiểu thơ nói gì, nhưng đáng buồn nếu không tưởng tượng được khung trời nào trong những câu:

"Tú ta trải áo đường mưa bụi

Tưởng thấy tiền thân bên không"

Mưa, nắng, gió, bụi, những bước chân miệt mài đi qua rừng, qua phố, để làm gì, để tìm gì? Tìm gì trong màu hoàng hôn phơi trên hồn đá, cái bóng người xiêu đổ bên bờ lau sậy phất phơ nổi buồn viễn xứ? Xứ sở nào của người, của đá, của những bông lau theo gió bay trắng bốn phương ngàn ...

Nắng, bụi, gió, mưa. Thiên nhai hà xứ vô phương thảo (*). Cuối trời vạn nẻo nơi nào mà không có cỏ thơm. Một đứa bé chạy theo dúi vào tay ông một cái bánh ngọt, chỉ tay về ngôi nhà lợp xúp bên vệ đường: má con biểu đưa cho ông. Cái tình người nó tự nhiên như cỏ non xanh tận chân trời. Cỏ xanh và hoa lau trắng, màu trắng hoang mang cả trời cỏ lữ. Giữa dòng ngựa xe phố thị hay trước thảo nguyên xanh ngút ngàn, ở đâu cũng có lúc bất chợt cảm thấy lạc loài, thấy thảng ngày hư ảo, ta muốn đi tìm một cái gì đó khác, đo đếm xem khoảng cách bao xa giữa hai bờ mộng thực; có người đi trong chiều nắng quái, kẻ khác đi trong những giấc mộng khê khàng. Nhìn đám bụi mờ dưới bước chân đi, ta không biết đó là tha hương hay là cố quận.

"Rời ngã xuống nghe suối tràn ngập máu

Thân là thân cỏ lá gập ghềnh xuôi

Chờ mưa tạnh ta trải trắng làm chiếu

Nghìn năm sau hoa trắng trở trên đời"

Ánh trăng sau cơn mưa hiện ra lấp lánh trên cỏ, như trải ra tấm chiếu hoa gấm ngọc ngà.

Nghìn năm sau... kể chuyện Thiên Lý Độc Hành, có người ngay thẳng và thực tế sẽ hỏi: Đi như vậy, tự đọa đày như vậy để làm gì? Những bước chân vô định kia có để lại chút dấu vết nào nơi đá cuộn ven đường? Có lẽ không, hoặc có để lại một giấc mơ bên hiên nhà tạm trú đêm qua, không biết mưa lũ cao nguyên rồi sẽ cuốn phăng nó về đâu. Mà Thiên Lý Độc Hành là gì? Đâu phải chỉ là một chuyến đi. Cuộc đi không có lúc khởi hành, không có nơi đến thì làm sao có sự kết thúc trở về.

"Khi về anh nhớ cài quai nón

Mưa lạnh đèo cao không cỡi người..."

- Hạnh Viên

Mùa Hạ Canh Tý, P.L. 2564

(*) 天涯何處無芳草 Thơ Tô Đông Pha.

TAI HỌA DO CÁI MIỆNG

Thuở xưa có một chú rùa
Sống trong hồ rộng vui đùa thành thói,
Vợ chồng cò trắng tới chơi
Đôi bên kết bạn, cuộc đời thêm tươi.
Một năm mưa bỗng chẳng rơi
Mặt trời thiêu đốt, nơi nơi úa màu
Nước hồ khô cạn thật mau
Bao loài thủy tộc theo nhau chết dần
Rùa lo tìm kế thoát thân
Trong lòng suy tính phân vân mọi đường
Vợ chồng cò chợt ghé ngang
Rùa bèn tâm sự thở than nã nê:
"Hai ngày ăn chẳng có chi
Dù là con tép nói gì cá tôm
Ngoài ra nếu nước cạn hơn
Lũ chần trêu sẽ bắt luôn thân này,
Năm năm trước cũng tại đây
Tôi từng bị bắt, đọa đầy khổ thay
May mà sống sót tới nay
Là do bà lão ra tay mua về
Phóng sanh tôi tại vùng quê!
Giờ mong ai có cách gì cứu tôi!"
Vợ chồng cò trắng góp lời:
"Hồ này nguy hiểm! Mau rời đi xa!"
Rùa than: "Tôi chậm quá mà
Chỉ bò quanh quất, khó qua nạn này!"
Vợ chồng cò trắng bàn ngay:
"Hồ sen mùi dấm bên đây cũng gần
Lá xanh mướt, hoa trắng ngần
Quanh năm có nước chẳng cần lo chi
Dù cho hạn hán sá gì!
Bây giờ tính kế ra đi dễ rồi:
Chúng mình lấy một cây dài
Giữa cây bác ngậm, chúng tôi hai đầu
Chúng tôi nâng bác lên cao
Rồi bay một mạch đưa vào hồ bên.
Nhưng hãy nhớ, đừng có quên
Phải cần ngậm miệng! Chớ nên thốt lời!"
Rùa nghe sung sướng tề người
Cùng nhau thực hiện trò chơi đã bàn.



*

Hai cò vỗ cánh bay ngang
Kéo rùa ở giữa nhẹ nhàng lên cao.
Rùa nhìn phong cảnh lạ sao
Tò mò định hỏi nhưng nào dám đâu
Há ra là té vỡ đầu
Thôi đành cắn chặt miệng vào khúc cây.
Đong đưa thoải mái rùa bay
Chợt đâu bên dưới có bầy trẻ chơi
Thấy rùa đu thật tức cười
Chúng cùng la lớn: "Rùa ơi là rùa
Trông như thầy bói bị mù
Phải nhờ người dắt kẻ đưa giống khùng!"
Rùa nghe nổi giận đùng đùng
Định hăm lũ trẻ: "Coi chừng tay ta
Ranh con đờng có ba hoa
Chuyện người mắc mớ chi mà hò la!"
Tội thay vừa há miệng ra
Rùa rơi xuống đá, thịt da tan tành!
Phật tình khuyên dạy chúng sanh:
"Họa từ cái miệng phát sinh tức thời
Các con ăn nói lựa lời
Giữ gìn cái miệng cuộc đời được an!"

thơ

TÂM MINH
NGÔ TẶNG GIAO

(Thi hóa Truyện Cổ Phật Giáo)

MỪNG PHẬT ĐẢN, NGHĨ VỀ THIÊN TÔNG

Nguyên Giác

TƯ TƯỞNG PHẬT HỌC

Bài này được viết để mừng Đại Lễ Phật Đản. Và trong dịp này, xin ghi vài suy nghĩ về Thiên Tông, một cửa vào đạo thường được chư Tổ sư Trung Hoa và Việt Nam gọi là Cửa Không Cửa – tức Vô Môn Quan.

Khi nói về Thiên Tông, thoát nghe có vẻ bộ phận. Nhưng chúng ta không nên nghĩ ngợi gì về bộ phận, chỉ nên đơn giản, xem như một phương tiện, một công cụ. Cũng như người phương Đông ăn bằng đũa, người phương Tây lại ăn bằng muỗng. Bởi vì, nên ghi nhận rằng trong tâm của người giải thoát, nghĩa là tâm đã xa lìa lậu hoặc, tức là tâm Niết bàn, vốn thực không hề có gì gọi là trước hay sau, Ấn Độ hay Việt Nam, Thiên Tông hay Tịnh Độ, Nam tông hay Bắc tông. Tâm giải thoát này nói đơn giản là xa lìa tham sân si. Và là nơi thức không có chỗ nương tựa, vì thức là pháp hữu vi, do duyên hình thành, trong khi tuệ giải thoát này là vô vi, không do duyên hình thành. Khi thức còn nghĩ ngợi suy lường, là còn trước sau, phải trái, là còn hữu vi, nương vào duyên mà thành. Nhưng khi thức lìa thời gian, là khi thức tịch diệt, thì tuệ giải thoát hiển lộ, đây là cảnh giới của vô vi, không dựa vào thời gian, không dựa vào suy lường. Tức là, tuệ của vô tâm. Rất nhiều kinh trong Tạng Pali và Tạng A Hàm đã nói như thế.

Nơi đây, chúng ta dẫn ra Kinh SN 22.57 ghi lời Đức Phật dạy, bản dịch của Thầy Minh Châu: "*Sa-môn hay Bà-la-môn nào thắng tri thức là như vậy, thắng tri thức tập khởi là như vậy, thắng tri thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri con đường đưa đến thức đoạn diệt là như vậy, thắng tri vị ngọt của thức là như vậy, thắng tri sự xuất ly của thức là như vậy; do yếm ly, ly tham, đoạn diệt thức, họ giải thoát, không chấp thủ. Họ được khéo giải thoát.*" (1)

Đó là ngôn ngữ của Lục Tổ Huệ Năng. Nếu chúng ta đọc và đối chiếu nhiều bản dịch tiếng Anh của đoạn văn trên, sẽ thấy nghĩa rõ hơn, bởi vì tiếng Việt có nhiều chữ Hán Việt khó hiểu. Nên đọc kỹ đoạn văn trên: **khí thức đoạn diệt, Niết bàn hiển lộ**. Lúc đó là cái biết của Tâm Niết bàn, không phải đoạn diệt thức là không biết gì hết. Câu chuyện này y hệt như chuyện ngài Bồ Đề Đạt Ma khi trả lời ngài Huệ Khả. Thiên sử kể rằng, ngài Huệ Khả (487-593), xuất gia tại chùa Long Môn, núi Hương Sơn,



Lạc Dương với Pháp sư Bảo Tịnh. Rồi sau đó thọ giới cụ túc tại chùa Vĩnh Mục. Sư Huệ Khả đi khắp nơi học các giáo lý của Nam Tông, Bắc Tông, rồi trở lại Hương Sơn, suốt ngày chuyên tâm tọa Thiền. Chúng ta cần ghi chú rằng, như thế, ngài Huệ Khả đã rất uyên bác, đã du học nhiều chùa, nhiều thầy như thế, rồi về một góc núi để suốt ngày ngồi thiền. Thế rồi, một hôm, thần nhân hiện ra, bảo tìm về phương Nam học đạo.

Ngài Bảo Tịnh thấy vậy, khuyên ngài Huệ Khả về phương Nam gặp ngài Bồ Đề Đạt Ma. Đoạn đối thoại giữa hai ngài Bồ Đề Đạt Ma và Huệ Khả như sau.

Huệ Khả nói: Con không an được tâm, xin thầy an tâm cho con.

Bồ Đề Đạt Ma nói: Người đưa tâm cho ta, ta sẽ an cho.

Huệ Khả nói: Con không thấy tâm đâu cả.

Bồ Đề Đạt Ma nói: Ta đã an tâm cho con rồi.

Sư Huệ Khả ngay đó liền đại ngộ.

Đơn giản vì, ngài Huệ Khả đã đọc trăm kinh, ngàn luận, rồi chuyên tâm ngồi Thiền. Khi không thấy tâm đâu hết, chỉ đơn giản là nhìn vào tâm bằng tuệ và nhận ra thức đã biến mất vào lúc đó, và ngài Huệ Khả nhận ra lời Đức Phật dạy trong rất nhiều Kinh (nhắc lại: trong rất nhiều Kinh) rằng khi thức đoạn diệt thì Tâm Niết bàn hiện ra. Và Tổ sư Thiền là y cứ vào các kinh này.

Có một số người ngộ nhận rằng Thiên Việt Nam chú trọng vào tính chỉ (samatha), nghĩa là thiên lệch như thế sẽ không dẫn tới đâu, và rồi sẽ đọa. Rất đáng tiếc là có những học giả ngộ nhận kiểu bi hài như thế, để rồi bác bỏ cả một truyền thống Thiền Tông rất mực tuyệt vời của dân tộc (xin nhắc lại: tâm giải thoát không Đông, Tây, Nam, Bắc; không Ấn, Tàu, Nhật, Việt... chỉ là khi thức đoạn diệt, tuệ giải thoát hiển lộ, nghĩa là xa lìa hữu vi để ngộ nhập pháp vô vi.).

Nơi đây, xin trích dẫn Ngài Trần Thái Tông (1218 – 1277) với bài kệ về định và huệ (tức là, không nghiêng về phía nào) như sau:

Dụng của chân tâm

Tĩnh tĩnh lặng lặng

Không đi không đến

Không thêm không bớt

Nay vì anh biện

Rành rẽ rõ ràng.

Tĩnh tĩnh, lặng lặng. Thấy rõ đó, Thiên Tông

không hề sa vào thuần samatha. Để nhắc lại một tích mà ai cũng nhớ, đó là chuyện Bà Già Đốt Am. Thời thịnh hành Thiền Tông ở Trung Hoa, có một số bà cụ thông hiểu Thiền, đôi khi hơn hẳn quý Tăng Ni bình thường. Truyện kể rằng, một bà cụ phát tâm hộ thất cho một thiền sư. Một thời gian lâu, khoảng 3 năm sau, bà cụ thử nghiệm bằng cách cho đứa con gái tới thử nhà sư. Cô gái mang cơm đến cúng dường như lệ thường, rồi cô gái ôm nhà sư tha thiết. Nhà sư lặng yên, không động, rồi nói: "Khô mộc ý hàn nham, Tam xuân vô noãn khí" (Cây khô dựa vào ngọn núi cao lạnh buốt, ba mùa xuân qua rồi mà không có chút hơi ấm). Nghĩa là, nhà sư tu Thiền tới mức thành cây khô rồi. Bà cụ nghe cô gái về kể lại, liền lên đốt am tranh, đuổi nhà sư, nói rằng uống công hộ thất cho sư. Tại sao? Bởi vì, tu tới mức thành cây khô thì tu làm chi. Nhưng cũng cần cảnh giác, nếu nhà sư lạc bước trần gian thì cũng hỏng. Do vậy, qua tích này, thấy rõ rằng Thiền Tông chú trọng định và huệ đồng dụng. Nghĩa là, không phải thuần tĩnh chỉ.

Có người sau khi ngộ nhận Thiền Tông là thuần Samatha, rồi đề cao theo pháp Vipassana. Nơi đây, xin phép góp ý rằng: nếu thuần Vipassana, thì hiển nhiên cũng là sai lỗi Đức Phật dạy. Chỗ này người viết đã phân tích từ nhiều năm trước, khi chứng minh rằng quý Thầy Miến Điện khi tập trung dạy Vipassana là để khẩn cấp chống thực dân, để vực dậy dân tộc Miến bằng phong trào Thiền tập Vipassana. Nơi đây, không muốn bàn nhiều, =vì đã viết quá nhiều từ nhiều năm trước, chỉ xin dịch một đoạn của vị sư Thanissaro, người theo truyền thống Theravada Thái Lan, cũng là người dịch hầu hết Tam Tạng Pali sang tiếng Anh. Đoạn dưới đây dịch là từ sách "One Tool Among Many: The Place of Vipassana in Buddhist Practice" (Một công cụ trong nhiều công cụ: Vị trí của Vipassana trong pháp tu của Phật giáo) của ngài Thanissaro, ấn bản 1997.

"Nhưng nếu bạn nhìn thẳng vào các Kinh bằng tiếng Pali - những nguồn xưa nhất cho chúng ta hiểu về những lời dạy của Đức Phật - bạn sẽ thấy rằng mặc dù họ sử dụng từ samatha để chỉ sự tĩnh lặng, và vipassana để chỉ sự thấy rõ ràng, nhưng mặt khác thì các Kinh không xác nhận gì về trí tuệ trong các từ ngữ này. Chỉ hiếm khi các Kinh mới sử dụng từ vipassana - một sự tương phản rõ rệt với việc các Kinh thường xuyên sử dụng từ jhana. Khi các Kinh kể lời Đức Phật bảo các đệ tử hãy hành thiền (meditate), các Kinh không bao giờ trích dẫn lời Ngài nói "hãy hành thiền vipassana" ("go do vipassana") mà luôn luôn nói "hãy hành thiền jhana" ("go do jhana"). Và họ không bao giờ đánh đồng chữ vipassana với bất kỳ kỹ thuật chánh niệm nào (any mindfulness techniques). Trong một vài trường hợp khi các Kinh đề cập đến vipassana, các Kinh hầu như luôn luôn ghép nó song song với samatha - không phải là hai phương pháp thay thế nhau, mà là hai phẩm chất của tâm mà một người có thể "đạt được" hoặc "có được", và rằng như thế [cả samatha và vipassana] nên được phát triển cùng nhau. Có một ẩn dụ, như trường hợp Kinh SN 35.204, so sánh samatha và vipassana với một cặp sứ giả nhanh nhẹn đi vào tòa thành của thân xuyên qua Bát Chánh Đạo và trình bản báo cáo chính xác của họ -- Giải thoát, hay Niết bàn - với thức đóng vai là Tư lệnh của tòa thành trì này." (2)

Nghĩa là, vị nào tu thuần Samatha thì sẽ thành củi khô, cành mục, coi chừng các bà già đốt am

(người viết tin rằng trong Việt Nam bây giờ hiện có nhiều bà cụ hiểu đạo). Và nếu vị nào tu thuần Vipassana, thì đó cũng là tu sai khi đối chiếu với Kinh Phật. Nơi đây, xin trích thêm Kinh Pháp Bảo Đàn, để tất cả độc giả thấy rằng Thiền Tông là định và huệ thực tế không lìa nhau.

Trong Kinh Pháp Bảo Đàn Giảng Giải, do ngài Thích Thanh Từ dịch và chú giải, nơi "Phẩm Thứ Tư: Định Tuệ" có đoạn ghi rằng:

"Tổ dạy chúng: "Này Thiện tri thức, pháp môn của ta đây lấy Định Tuệ làm gốc, đại chúng chớ lầm nói Định Tuệ riêng, Định Tuệ một thể không phải là hai. Định là thể của Tuệ, Tuệ là dụng của Định, ngay khi Tuệ, Định ở tại Tuệ, ngay khi Định, Tuệ ở tại Định, nếu biết được nghĩa này tức là cái học Định Tuệ bình đẳng. Những người học đạo chớ nói trước Định rồi sau mới phát Tuệ, trước Tuệ rồi sau mới phát Định, mỗi cái riêng khác. Khởi cái thấy như thế ấy thì pháp có hai tướng.[...] Này Thiện tri thức, Định Tuệ ví như cái gì? Ví như ngọn đèn và ánh sáng. Có ngọn đèn tức có ánh sáng, không đèn tức là tối, đèn là thể của ánh sáng, ánh sáng là dụng của đèn, tên tuy có hai mà thể vốn đồng một, pháp Định Tuệ này cũng lại như thế..." (3)

Cũng có những người ngộ nhận câu nói "tám mươi bốn ngàn pháp môn" của chư Tổ sư Thiền, quy chụp rằng sao mà Kinh không nói nhiều như thế. Đơn giản chư Tổ chỉ muốn nói rằng sắc thọ tưởng hành thức của chúng ta trong ba thời quá hiện vị lai đều xa lìa lậu hoặc, đều thường trực ở trong tuệ giải thoát, và con số 84.000 pháp môn, hay 84.000 cửa hộ trì Chánh pháp chỉ có nghĩa như thế. Nếu không hiểu qua ẩn dụ, rồi sẽ ngộ nhận về chuyện Đức Phật ra đời bên hông mẹ, bước đi 7 bước và đứng đưa tay chỉ trời và đất rồi nói bài kệ. Than ôi, cõi này đầy những ngộ nhận.

Một số người còn dựa vào một vài bản dịch sai lầm để nói rằng "Tứ niệm xứ là pháp duy nhất," điều mà người viết đã trong nhiều cách tế nhị, đã chứng minh đó là cách dịch sai, vì những người dịch sai cũng là bậc thầy của người viết về ngữ pháp và đạo học. Không lẽ bây giờ lại bàn lại chuyện dịch sai này trong mùa Lễ Phật Đản. Câu nói đúng phải là, "Bát chánh đạo là con đường duy nhất." Và con đường duy nhất đó có nhiều pháp khác nhau, nhiều công cụ khác nhau.

Chúng ta thấy ngay rằng trong Kinh MN 52 (Kinh Bát Thành -- Aṭṭhakanagara Sutta) Đức Phật dạy rằng có 11 cửa giải thoát. Trong Kinh Bahiya Sutta, có lẽ là trong nhóm Kinh nổi tiếng nhất cả trong Bắc Tông và Nam Tông, dạy pháp để tâm xa lìa thời gian, dạy cách thấy, nghe, hay, biết... trong một cách không vướng gì vào trước sau hay nghĩ ngợi tư lường.

Trong nhóm 32 Kinh trong Kinh Tập được Đức Phật cho làm Kinh Nhật tụng Sơ Thời cho đại chúng thời ngài còn sinh tiền thì **chỉ qua vấn đáp**, mà 32 vị Bà La Môn chứng quả A La Hán ngay sau vài câu nói với mỗi vị (trong 32 Kinh này không nói về Tứ niệm xứ, chủ yếu là biện tâm). Xin nhắc rằng, có lẽ khoảng phân nửa trường hợp truyền pháp Thiền Tông ở Trung Hoa và Việt Nam là qua vấn đáp, qua đối thoại. Kinh nghiệm của người viết không đáng là gì để bàn, chỉ xin nhắc lời ngài Trần Thái Tông đã dẫn trên, hẳn là cũng qua một cuộc đối thoại để biện tâm: "Nay vì ạnh biện, Rành rẽ rõ ràng." Đặc biệt, nơi đây xin dẫn ra Kinh SN 22.80, Đức Phật khuyến tấn hãy tu Tứ niệm xứ hay là tu Vô tướng

Thiền định. Kinh này trong Tạng A hàm là Kinh SA 272. Trích Kinh SN 22.80, bản dịch của Thầy Minh Châu như sau:

*"Này các Tỳ-kheo, có ba bất thiện tâm này: dục tâm, sân tâm, hại tâm. Và này các Tỳ-kheo, ba bất thiện tâm này được đoạn diệt không có dư tàn, đối với vị nào **tâm đã khéo an trú vào bốn Niệm xứ hay tu tập vô tướng Thiền định**. Này các Tỳ-kheo, hãy khéo tu tập vô tướng Thiền định. Này các Tỳ-kheo, vô tướng Thiền định được tu tập, làm cho tăng thịnh, đưa đến quả lớn, lợi ích lớn."* (4)

Như thế nào là Vô tướng Thiền định? Trong Thiền Tông có nhiều cách giải thích. Hình ảnh chur Tổ Thiền Tông thường sử dụng là "trâu bùn qua sông" – vì trâu là tâm, và bùn sẽ tức khắc tan trong nước, và chỉ có vô tâm, vô niệm mới thoát được dòng sông sinh tử. Nhưng chớ khởi tâm làm cái gì cho thành vô hết, vì như thế là trên đầu lại chấp thêm đầu, vì khi nhìn kỹ vào tâm [như khi ngài Huệ Khả nhìn vào tâm] sẽ thấy tự gốc tâm đã là vô tâm rồi, tự gốc đã là vô vi, là lìa sanh diệt rồi. Thấy chỗ này xong, thì lấy tâm nào mà tu nữa?

Thiền sư cũng nói về một hình ảnh khác, rằng tai sao con trâu chui được qua song cửa sổ cả đầu mình và cẳng chân, sao lại kẹt cái đuôi không qua được? Đơn giản, vì hễ còn thấy có trâu, hễ còn thấy cho dù là một mảnh đuôi trâu, cũng không thể giải thoát. Đó là ý của vô tâm, vô niệm. Những hình ảnh này Đức Phật còn so sánh rằng các pháp hữu vi chỉ là như bọt sóng, như điển chớp, như huyền ảo, như mộng... Đức Phật cũng so sánh như tiếng đàn, có chẻ cây đàn làm trăm mảnh cũng không nắm bắt được tiếng đàn, vì trước tiếng đàn, sau tiếng đàn và ngay tự thân tiếng đàn đã là bất khả đắc rồi. Đọc lời Đức Phật dạy như thế là thấu được Thiền Tông rồi, còn đòi tu gì nữa, sự nghiệp tu chỉ còn là bảo nhậm cái tâm vốn đã rỗng rang xa lìa tham sân si này thôi.

Trong khi ngài Trần Nhân Tông (1258 – 1308) dạy rằng "Đối cảnh vô tâm mặc vấn thiền" (Khi gặp cảnh mà vô tâm, thì không cần hỏi thiền gì nữa), Đức Phật dạy ngắn gọn hơn, rằng đó là "không tác ý tất cả tướng" – tức là, không khởi tâm xanh đỏ trắng vàng gì nữa, hãy để thấy mặc thấy và nghe mặc nghe (như Bahiya Sutta). Trong cách khác, Đức Phật cũng dạy pháp Tổ sư Thiền bằng ngôn phong là khi thấy hay nghe thì đừng dính vào tướng chung cũng như tướng riêng (như Kinh MN 33). Tương tự, như lời Đức Phật dạy hãy thường nhìn các pháp là không, thấy không có gì là tự ngã, thì là giải thoát (Kinh Sn. 5.15 trong Phẩm Quả Bờ Kia của Kinh Tập) – đây cũng là lý do các chùa Bắc Tông phải tụng Bát Nhã Tâm Kinh ngày đêm. Đơn giản như thế, vậy mà nhiều học giả không thấy được các pháp ngắn gọn của Thiền Tông, mà lại cứ hiểu nhầm.

Về lời dạy vô tâm, vô niệm, khi nói chính xác là

"không tác ý tất cả tướng," trong Kinh SN 41.7, bản dịch của Thầy Minh Châu, trích lời vấn đáp giữa ngài Godatta và gia chủ Citta (một cư sĩ thượng thủ) như sau:

*"Ở đây, bạch Thượng tọa, Tỳ-kheo không tác ý tất cả tướng, chứng và trú Vô tướng tâm định. Bạch Thượng tọa, đây gọi là **vô tướng tâm giải***

thoát... Tham dục (raga) làm sự đo lường, sân làm sự đo lường, si làm sự đo lường. Đối với Tỳ-kheo đã đoạn tận các lậu hoặc, chúng bị đoạn tận, bị cắt tận gốc rễ, bị làm như thân cây ta-la, làm cho không thể tái sanh, không thể sanh khởi trong tương lai. Bạch Thượng tọa, đối các vô lượng tâm giải thoát được xem là tối thượng. Nhưng bất động tâm giải thoát này trống không, không có tham; trống không, không có sân; trống không, không có si." (5)

Không tác ý, vô niệm, vô tâm... là một pháp trực chỉ do Đức Phật dạy, không phải là phát minh đời sau của Bồ Đề Đạt Ma hay Lục Tổ Huệ Năng. Chúng ta gặp lời Đức Phật dạy vô niệm trong rất nhiều Kinh, cụ thể là 3 Kinh nằm kế bên nhau: Kinh SN 12.38, Kinh SN 12.39, Kinh SN 12.40... Chưa kể các Kinh

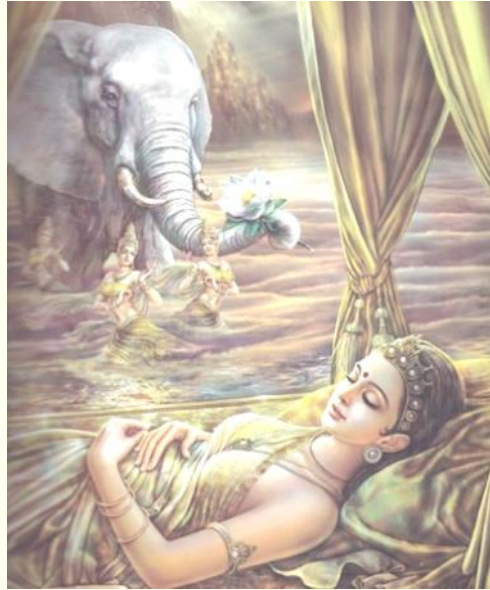
khác. Nơi đây, chúng ta trích lời Đức Phật dạy vô niệm trong Kinh SN 12.38, bản dịch của Thầy Minh Châu:

"Này các Tỳ-kheo, nếu chúng ta không có tư niệm, không có tư lường, không có thăm ý, thời không có sở duyên cho thức an trú. Khi nào sở duyên không có mặt thời thức không an trú. Do thức ấy không an trú và không tăng trưởng, nên trong tương lai tái hữu không sanh khởi. Do sanh khởi tái hữu không có mặt trong tương lai, nên sanh, già chết, sầu, bi, ưu, não được đoạn diệt. Như vậy là sự đoạn diệt của toàn bộ khổ uẩn này." (6)

Nếu chúng ta quan sát tâm, và đọc kinh nhiều để đối chiếu, sẽ thấy rằng Đức Phật nhiều lần nói rằng "pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu..." Nghĩa là, nói y hệt các Thiền sư Trung Hoa, hễ nghĩ ngợi là sai rồi, vì nghĩ ngợi là rơi vào thời gian, là dính vào niệm trước và niệm sau, là ký ức của tư lường.

Có một lần, Kinh AN 6.48 ghi lời Đức Phật giải thích về câu trên là, khi nhìn vào tâm, thấy tâm có tham/sân/si thì biết tâm đang có tham/sân/si, nếu thấy tâm không tham/sân/si thì biết là tâm đang không tham/sân/si... đó là biết tức khắc, không qua suy lường, không dính vào thời gian – mà Đức Phật gọi là "pháp là thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người có trí tự mình giác hiểu..."

Thiết thực hiện tại, không có thời gian... Trong Kinh DN 25, Đức Phật nói với một du sĩ ngoại đạo rằng, người trí thực hành lời Đức Phật dạy thì chỉ cần 7 năm là giải thoát, và sẽ có người chỉ cần 7 tháng là giải thoát, và sẽ có người chỉ cần 7 ngày là



giải thoát, và cũng sẽ có người "sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại" --- tức là, đốn ngộ. Điều đặc biệt, trong Kinh vừa dẫn, Đức Phật nói rõ là không cần du sĩ kia phải xuất gia, và cũng không cần phải rời bỏ nghề truyền thống...

Trong Trường Bộ Kinh DN 25, Kinh Ưu-đàm-bà-la sư tử hồng, bản dịch của Hòa thượng Thích Minh Châu, trích lời Đức Phật nói với du sĩ Nigrodha:

"Này Nigrodha, Ta nói cho Người như sau: "Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chân trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp". Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, **vị ấy sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại phạm hạnh và mục tiêu vô thượng**, mà vì lý tưởng này các Thiện nam tử, từ bỏ gia đình xuất gia tu đạo. Vị ấy cần có **bảy năm**. Này Nigrodha, đâu cần phải bảy năm! Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, vị ấy sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại phạm hạnh và mục tiêu vô thượng mà vì lý tưởng này các Thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, chỉ cần có sáu năm, năm năm, bốn năm, ba năm, hai năm, một năm ... chỉ cần bảy tháng, một tháng, nửa tháng. Này Nigrodha, đâu cần có **nửa tháng**! Người có trí hãy đến đây, trung thực, không lừa đảo, chân trực, Ta sẽ huấn dạy, Ta sẽ thuyết pháp. Nếu vị ấy thực hành đúng như điều đã dạy, **vị ấy sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại, phạm hạnh và mục tiêu vô thượng**, mà vì lý tưởng này các thiện nam tử từ bỏ gia đình, xuất gia tu đạo, vị ấy chỉ cần có bảy ngày...

... Này Nigrodha, Người có thể nghĩ rằng: "Sa môn Gotama nói như vậy là muốn chúng tôi từ bỏ nghề sống của chúng tôi." Này Nigrodha, chớ có hiểu như vậy. Nghề sống của Người là gì, hãy giữ nguyên nghề sống ấy cho Người." (7)

Và Đức Phật nói rằng không chỉ giới tu sĩ, mà ngài đã có tới hàng trăm (nhiều hơn 500 vị) cư sĩ đã chứng quả Bất Lai để hóa sanh và nhập Niết bàn tại nơi đó. Kinh MN 73, bản dịch của Thầy Minh Châu trích:

"—Này Vaccha, không phải chỉ một trăm, hai trăm, ba trăm, bốn trăm, năm trăm mà còn nhiều hơn thế nữa là những Nam cư sĩ, là đệ tử sống tại gia, mặc áo trắng, theo Phạm hạnh, sau khi đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết-bàn tại chỗ ấy, không phải trở lại đời này nữa." (8)

Tuy nhiên, chúng ta có thể nào chọn ra được một hay vài Kinh có thể thích nghi với tất cả các căn cơ chúng sinh hay không? Và có Kinh nào như thế mà cũng mang được yếu tố "thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng" hay không? Và có Kinh nào cũng có thể mang cả yếu tố làm cho hành giả "sẽ tự biết mình và chứng ngộ ngay trong hiện tại, phạm hạnh và mục tiêu vô thượng" hay không?

Hẳn là có nhiều Kinh như thế. Ngay khi nhìn các câu hỏi vừa dẫn, người viết nghĩ ngay tới Bát Nhã Tâm Kinh. Và rồi nghĩ ngay tới 32 Kinh trong 2 phẩm cuối trong Kinh Tập. Tuy nhiên, để cho đơn giản hơn, và mang cả hình ảnh "trâu bùn qua sông" của Thiền Tông, mà để mang trọn gói cả hương vị Bắc Tông và Nam Tông, nơi đây xin mời gọi thường trực thọ trì Kinh AN 7.95, thì ngay hiện tiền sẽ có tuệ giải thoát.

Sau đây xin trích Kinh AN 7.95, bản dịch của Thầy Minh Châu: "Ở đời, này các Tỷ-kheo, có hạng



PHẬT ĐẢN

Ngày Phật Đản một dạ vui mừng
Cúi đầu đánh lễ lòng hân hoan
Cầu cho thế giới an lành
Mọi loài sinh chúng thanh bình hoan ca
Hào quang Đức Phật chói lòa
Sáng soi đuốc tuệ Ta-bà thoát ly.

CHÁNH NĂNG

người sống tùy quán vô thường trên con mắt, tưởng vô thường, cảm thọ vô thường, trong tất cả thời, liên tục, không có gián đoạn, với tâm thẳng giải, với tuệ thể nhập. Vị ấy, với sự đoạn diệt các lậu hoặc, ngay trong hiện tại, tự mình với thẳng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát." (9)

Không gì hạnh phúc hơn là cảm thọ dòng sông vô thường trôi qua thân tâm mình thường trực, chính ngay khi thấy như thế, sẽ không có một pháp nào trụ lại, sẽ không thấy có chút gì tham sân si thực sự là tham sân si... Cảm thọ dòng sông vô thường trôi qua thân tâm, là sẽ thấy không còn gì gọi là "sở kiến," nơi đó sẽ không có ta, không có người, và cũng không có cái gì gọi là Thánh với phàm. Tất cả các công án Thiền Tông đều bị cuốn trôi trong dòng sông vô thường chảy xiết này, khi thấy không ta, không người, không vật, không Thánh, không phàm thì ngay cả công án "Bà già đốt am" cũng tự hủy vì không còn thấy có tướng người, dù là tướng bà già hay tướng cô gái, không còn thấy có tướng nhà sư với tướng nam nữ cư sĩ... Đó là thấy vô tướng. Đó là Vô tướng Tâm định. Đó là hạnh phúc tuyệt vời, khi Đức Phật đản sinh.

GHI CHÚ:

(1) Kinh SN 22.57: https://suttacentral.net/sn22.57/vi/minh_chau

(2) Thanissaro. "One Tool Among Many": <https://www.accesstoinsight.org/lib/authors/thanissaro/onetool.html>

(3) HT Thanh Từ. Kinh Pháp Bảo Đàn: <https://thuvienhoasen.org/a1631/pham-thu-tu-dinh-tue>

(4) HT Minh Châu. Kinh SN 22.80: https://suttacentral.net/sn22.80/vi/minh_chau

(5) Kinh SN 41.7: https://suttacentral.net/sn41.7/vi/minh_chau

(6) Kinh SN 12.38: https://suttacentral.net/sn12.38/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false

(7) Kinh DN 25: https://suttacentral.net/dn25/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false

(8) Kinh MN 73: https://suttacentral.net/mn73/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false

(9) Kinh AN 7.95: https://suttacentral.net/an7.95/vi/minh_chau?reference=none&highlight=false

TƯỜNG NIỆM ÂN SƯ THƯỢNG ĐỒNG HẠ TUYÊN

Thích Thông Đạo

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Nam mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Nhị vị Hòa thượng Chứng minh,
Kính bạch Chư tôn Thượng tọa, Đại đức Tăng

Ni,

Thưa quý Phật tử,
Hôm nay là Chủ nhật
17/3/2024, ngày lễ Đại
tưởng Ân sư chúng con là Cố
Hòa thượng thượng Thị hạ
Đạt, tự Hạnh Hưng, hiệu
Đông Tuyên Hòa thượng Giác
Linh, được tổ chức trang
nghiêm tại Tinh xá Thiền
Lâm, thành phố Winchester,
tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Cung thừa ủy nhiệm của
chư Sư huynh, Sư tỷ đồng
môn, con là Tỳ kheo đệ tử út
của Ân sư, xin được dâng lên
lời tưởng niệm về hành trạng
của bậc Tôn sư, mà chúng
con xin gọi bằng Ôn, đã khai
sinh cho chúng con Pháp
thân Huệ mạng.

Ôn của chúng con đã già
từ nhân thế để về cõi Phật 2
năm trước. Giờ đây, chúng
con tin rằng Ôn đang trở lại
thế gian để tiếp tục hành
trình Bồ Tát đạo, "Thượng
cầu Phật đạo, hạ hóa chúng
sanh".

Bằng chứng thứ nhất của
xác tín này là LOI NGUYỄN
của Ôn sau khi Ôn dịch "Kinh
Phật Dạy Cách Phát Tâm Bồ Đề" ra tiếng Việt, vào
năm 2010, tại Viện Phật học Quốc tế, thành phố
Northhill, California. Nguyên văn LOI NGUYỄN như
sau:

*"Từ bi, Trí tuệ là hai đặc tính cơ bản, đặc biệt
của Phật giáo. Muốn có hai đặc tính này, người Phật
tử cần thực tập Tam vô lậu học: Giới, Định, Tuệ,
được xây dựng trên Bồ đề tâm. Bồ đề tâm là tâm
Bồ tát. Tâm Bồ tát là tâm đã hoàn thiện tư cách
làm người, phẩm hạnh và đạo đức đã đầy đủ,
không những thế mà còn lân xả giúp đời, cứu chúng
sanh. Nói cách khác, tâm Bồ tát là tâm Sáu ba la
mật, tâm Bốn vô lượng, tâm Rộng không, tâm
Không ngại, tâm Không trú.*

*Hạnh nguyện Bồ tát là hạnh nguyện vô cầu, vô
ngã, nên Bồ tát ra, vào những vực thăm tội lỗi,
cung cực khổ đau của hằng sa chúng sanh. Nơi mà
không còn chút gì gọi là hạnh phúc, là hy vọng mà*

*chi đây ắp sự bạo tàn, thù hận; nơi mà lương tri,
đạo nghĩa, tình người đã khô cạn, để khơi dậy lòng
yêu thương và hiểu biết.*

*Thực hành đạo Bồ tát thật
đầy chông gai và thử thách.
Càng cực khổ, càng nguy
hiểm, càng khó khăn bao
nhiều thì tâm Bồ tát càng
yêu thương, càng hy sinh,
càng tinh tấn... thì càng đến
gần Giác ngộ, giải thoát".*

Bằng chứng thứ hai là lời kể
của Hòa thượng thượng Giác
hạ Nguyên. Ôn nói với Hòa
thượng: "Giáo dục là ngành
tôi yêu thích nhất. Tôi luôn
cố gắng nghiên cứu Phật
pháp và học hỏi với tất cả
mọi tầng lớp trong xã hội, để
ứng dụng vào đời sống tâm
linh cho chính mình, cho
Tăng đoàn và cộng đồng
Phật tử tại gia. Dù một mai
tôi có chết đi, cũng nguyện
trở lại cõi này làm thân Tu sĩ
Phật giáo, chuyên ngành giáo
dục mà thôi".

Sau khi Ôn viên tịch, chúng
con tìm thấy trên bàn viết
của Ôn tập di cao VÔ BIÊN
PHÁP LẠC, Tập 2, gồm 9 bài
Kinh dịch từ chữ Hán ra chữ
Việt hoàn chỉnh, do Ôn viết
tay, chữ viết rất đẹp, trong
thời gian dịch bệnh Covid-19

lan tràn khắp Hoa Kỳ.

Thập đệ tử xuất gia của Ôn là chư Tỳ kheo
Thông Lý, Thông Hạnh, Thông Hoàng, Thông Định,
Thông Tạng, Thông Đạo và chư Tỳ kheo ni Thông
Tâm, Thông Niệm, Thông Độ, Thông Hòa. Thầy
Thông Tạng về cõi Phật sớm, còn 9 Huynh, Tỷ, Đệ,
Muội tiếp nối con đường tu tập của Ôn là làm lợi
ích cho chúng sanh. Đồng thời tùy duyên hoàng
Pháp mỗi người một nơi theo lời Chư Tổ dạy: "Tiếp
dẫn hậu lai là báo Phật ân đức".

Hướng đến lễ Đại tưởng của Ôn, chư đệ tử và
Phật tử tổ chức nhiều nơi. Huynh, Tỷ, Đệ, Muội
chúng con còn giúp nhau thực hiện 4 tác phẩm liên
hệ đến di nguyện của Ôn:

- Thứ nhất: 500 LAY BỒ TÁT QUẢN THỂ ÂM, tái
bản và thêm phần giải thích, do Ôn khuyến tấn
chuyển sang Việt ngữ, nhuận sắc văn bản và đặt
đầu đề.



- Thứ hai, chuyển ngữ luận án Tiến sĩ Luật học tại Ấn Độ năm 2002 của Ôn sang tiếng Việt, đầu đề: **SƠ SÁNH GIỚI BỔN Từ KHEO GIỮA CÁC BỘ PHÁI CHÍNH PHẬT GIAO**. Nhà xuất bản Hồng Đức đã hoàn tất in màu offset 1.550 cuốn. Trên 1,000 cuốn đã cúng dường đến chư Học Tăng trẻ tại 3 Viện Phật học Cao cấp, 35 trường Trung cấp Phật học, 5 trường dạy Luật và 56 Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo tại Việt Nam. Hiện nay mới chuyển về Mỹ 50 cuốn, vừa đúng ngày lễ Đại tưởng của Ôn.

- Thứ ba, đang layout bản thảo 1.000 cuốn **VÔ BIÊN PHÁP LAC**, Tập 2.

- Thứ tư, đang thực hiện 500 cuốn kỷ yếu tưởng niệm về Ôn, mà Đại đệ tử của Ôn là TT Thích Thông Lý kính cần gọi là **ĐẤU AN AN SƯ**, dự trừ hoàn tất trong vòng 10 ngày nữa.

Chúng con có phước duyên hạnh ngộ với Ôn trong cuộc đời này, xin nguyện thực hành theo các hạnh đức của Ôn như: Không ngừng nghiên cứu học hỏi, lòng khiêm cung, tôn kính Tam Bảo, hài hòa với đại chúng, làm việc từ thiện, nếp sống đơn giản, không bao giờ bỏ qua bất cứ thời công phu sáng nào: Lạy 70 danh hiệu Phật, Bồ Tát, tụng chú Lăng Nghiêm và Thập chú ở độ tuổi 78! Nhiều lần xướng danh hiệu Phật mà Ôn cảm ứng rơi lệ, giọng run run làm chúng con cũng xúc động theo, tăng thêm lòng tôn kính Tam Bảo.

Ai cũng công nhận rằng Ôn đã đóng góp rất nhiều cho nền giáo dục Phật giáo. Trong lời Niệm ân Luận án Tiến sĩ Luật học, Ôn viết: "**Mục đích cuối cùng của giáo dục Phật giáo là (1) Làm thế nào để dạy cho mọi người thấy được con đường Giác ngộ. (2) Làm thế nào để đắc Thánh quả ngay trong đời này. (3) Làm sao trở lại trong thế giới này để giúp chúng sanh thoát khổ. (4) Làm sao đạt được tâm an lạc**". Ôn là một hành giả "**Tứ Niệm xứ**", chắc chắn, Ôn đã thường xuyên đạt được Thân, Thọ, Tâm, Pháp cùng lặng yên mà biết rõ, ngay tại đây và bây giờ.

Ôn dịch Vãng sanh Tịnh độ Thần chú từ chữ Phạn ra tiếng Việt như sau:

"Kính lạy Đức Phật A Di Đà, liền nói bài chú:

**chất ngọt ngào sanh ra, chất ngọt ngào thành tựu,
chất ngọt ngào làm cho hạnh phúc,
chất ngọt ngào làm cho an lạc, bất cứ ở đâu cũng đều thành tựu".**

Vì vậy, Ôn nói tụng thần chú này trong các lễ cầu an rất hay, chứ không phải chỉ tụng trong lễ cầu siêu mà thôi. Với Y NGHĨA MÔI của bản dịch Vãng sanh Tịnh độ Thần chú, chúng con kính chúc lễ Đại tưởng Ấn sư thành tựu viên mãn.

Nam mô Thế độ Phú pháp Tôn sư thượng Thị hạ Đạt, tự Hạnh Hưng, hiệu Đồng Tuyên Hòa thượng Giác Linh Thủy tử Chúng giám.

Tinh xá Thiền Lâm, Chủ nhật 17/3/2024
Con Tỳ kheo Thích Thông Đạo cần bạch

TỪNG GIỌT LỆ QUA SÔNG

*Qua dòng sông thứ nhứt
Ngồi nhớ chuyện muôn niên
Cuộc đời trôi biển biệt
Thiên cổ bỗng hiện tiền.*

*Chấm hết một dòng sông
Chia tay những cánh đồng
Lòng ta ngàn bia mộ
Cỏ hồng nở tràn bông.*

*Cớ gì còn trăng xế
Cớ gì người đi xa
Cớ gì người nhỏ lệ
Giữa buồn tủi quê nhà.*

*Chèo ghe về thượng nguồn
Qua đời không ai hay
Trái tim vừa dấy chết
Giữa tầng tầng khói mây.*

*Có tiếng chim bồ tát
Về hát giữa ngàn hoa
Cớ chi mà bèo dạt
Buồn tênh cõi ta bà.*

*Về đây em thương nguồn
Trùng trùng tưởng sắc không
Ngồi đây em chiêm ngưỡng
Từng giọt lệ qua qua sông.*

CÁNH CÒ

*Đồng bằng chạnh nhớ sơn lâm
Cánh cò chờ gió trăm năm chưa về
Những đời mẹ, những đời quê
Còn nghe buồn đất lênh đênh sông dài
Bồi lên vô lượng hình hài
Bồi lên vô lượng hình hài bé dâu.*

thơ

LÝ THỪA NGHIỆP



Vọng Nguyệt Hoài Viễn của Trương Cửu Linh

LAM NGUYỄN

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Tôi còn nhớ ngày Rằm tháng Giêng năm Đinh Sửu - lúc tôi đang dạy học tại Trường Trung Học An Nhơn, Bình Định - gặp được cụ Văn Truyền ở làng An Ngãi do một người bạn là anh Ân cũng dạy cùng Trường với tôi. Hôm ấy nhằm ngày giỗ của người Bác của cụ Văn Truyền. Và theo lời cụ Truyền kể giai thoại về người Bác với nhà văn hóa tài danh Đào Tấn! Bác của cụ Truyền hồi còn trẻ đã từng nổi tiếng hay chữ ở Quốc Tử Giám:

Có một ngày Bác cụ Truyền đến thăm cụ Đào Tấn ở Vinh Thạnh, cụ Đào bảo rằng Bác nghe nói con nổi tiếng học giỏi. Vậy nay, con hãy đối thử chữ xuyên 川 là Sông thì người Bác của cụ Truyền đối ngay chữ Mục 目 là Mắt. Và nếu chữ Xuyên 川, lật ngược thì thành chữ Tam 三 nghĩa là Ba (3) và chữ Mục 目 lật ngược thành chữ Tứ 四 nghĩa là Bốn (4). Cụ Đào Tấn là Tổ của ngành Hát Bội Bình Định rất đặc ý về việc đối này! Và sau khi trà dư, tửu hậu cụ Văn Truyền nhắc lại bài thơ Vọng Nguyệt Hoài Viễn 望月懷遠 mà người Bác của cụ ngày xưa thường nhắc đến trong khi dạy con cháu học về Thơ đời nhà Đường 唐 (618 – 907) bên Tàu.

Vọng Nguyệt Hoài Viễn

*Hải thượng sinh minh nguyệt
Thiên nhai cộng thử thì
Tình nhân oán dao dạ
Cánh tịch khởi tương ti (tư)
Diệt chúc liên quang mãn
Phi y giác lộ ti
Bất kham doanh thủ tặng
Hoàn tẩm mộng giai kỳ.
Trương Cửu Linh*



望月懷遠

海上生明月
天涯共此時
情人怨遙夜
竟夕起相思
滅燭憐光滿
披衣覺露滋
不堪盈手贈
還寢夢佳期。
張九齡

Dịch thơ:

Ngắm Trăng Nhớ Người Xa

Vầng trăng mọc ở bể khơi,
Cùng trong một lúc, góc trời soi chung.
Đêm xa ai đó sầu mong,
Thâu canh ai nhớ, mơ mộng nhớ ai?
Tắt đèn yêu bóng nga soi,
Khoác lên chiếc áo, đượm mùi sương pha,
Khôn đem ánh sáng cho mà,
Ngủ đi, trong mộng họa là gặp nhau.
(Nguyễn Hữu Dụng)

Bây giờ chúng ta nên điểm lại một vài Từ-ngữ:

1. Hoài viễn 懷遠 = Chính lúc này nhớ người thân ở xa.
2. Thiên nhai 天涯 = Ý ở đây là Góc-trời, muốn nói lên chính Tác giả và người thân tuy ở xa nhau nhưng cùng Vọng nguyệt 望月 (Ngắm trăng)!
3. Tình nhân 情人 = Trong lòng nhớ đến người tình.
4. Dao dạ 遙夜 cũng có nghĩa Trường dạ 長夜 (đêm dài).
5. Cánh tịch 竟夕 cũng có nghĩa là Chung dạ 終夜 (suốt đêm).
6. Liên cũng đọc là Lân 憐 = Ý là yêu nhớ buồn thương.
7. Phi y 披衣 = Ý tác giả muốn tả cảnh đi ra ngoài (xuất hộ 出戶).
8. Lộ ti (tư) 露滋 = Biểu thị cho đêm dài (đạ thâm 夜深).
9. Riêng chữ Ti (tư) 滋 = Đây ta cảnh tác giả đứng ở ngoài trời lâu nên sương đêm đã thấm ướt vai!
10. Giai kỳ 佳期 = Ước vọng một ngày đệp trời nào đó sẽ "Gặp gỡ lại nhau!".

Nếu người đọc chịu khó nhìn kỹ từng câu trong bài thơ Vọng Nguyệt Hoài Viễn 望月懷遠 thì thấy:

Câu khởi: Hải thượng sinh minh nguyệt 海上生明月 là câu thơ nói lên "ý cảnh rất khoáng đạt, hùng hồn" mà người xưa bảo "thiên cổ giai cú 千古佳句". Đâu khác gì câu thần cú của Tạ Linh Vân: "Trì đường sinh xuân thảo 池塘生春草. Đến câu Thiên nhai cộng thử thì 天涯共此時, đây tả do cảnh mà nhập vào tình, lại chuyển vào Hoài viễn 懷遠. Câu thơ của Trương Cửu Linh đã ảnh hưởng Tô Thức 蘇軾 sau này viết nên câu Đản nguyện nhân trường cửu, Thiên lý cộng thuyền quyên 但願人長久, 千里共嬋娟. Hai câu này là danh cú tả Trăng!

Trong bài thơ Vọng Nguyệt Hoài Viễn của thi sĩ Trương Cửu Linh ta thấy nhân vì trăng soi trước mắt nên không thể ngủ được, hai chữ Cánh tịch 竟夕 là suốt đêm ngồi nhớ người ở xa, thương nhớ đến oán 怨 mà Tương tư 相思. Đêm dài, khí hậu mát mẻ nên tắt đèn để yêu ánh sáng chan hòa của vầng nguyệt rạng! Ra ngoài đứng lâu để nhìn trăng nhớ người yêu viễn xứ đến thắm ướt cả áo. Hai chữ Bất kham 不堪, ta thấy cấu tứ kỳ lạ, mang mang thoát ý của một tâm hồn yêu đương thắm đậm! Và hai câu cuối bài thơ:

Bất kham doanh thủ tặng
Hoàn tẩm mộng giai kỳ.

不堪盈手贈

還寢夢佳期

(Khó mà lấy tay vốc được ánh trăng để tặng nhau,

May có thể ngủ đi mới hồng gặp nhau được).

Thật là "Phiên cổ vi tân 翻古為新 = Xem xưa lại thấy mới", thắm thiết tình cảm!

Lam Nguyên

Seattle, đêm hoài vọng
người thân ở xa!



HẠT BỤI TRẦN

*Hạt bụi trên da thành những vết hờm dị hợm
Trên tóc hóa gàu và trong mắt hóa nỗi đau,
Ta vốn sinh ra từ những hạt bụi không màu
Nhiễm sắc trần gian mà bụi hồng, bụi đỏ...*

*Bụi hoàng gia, bụi lầu son gác tía
Bụi gã ăn mày, bụi kẻ chân tu
Và bụi của đám...khu đen, dân dã
Bụi của xa hoa, khôn khéo, tít mù!*

*Những hạt bụi bên đường, xa quê, khóc đổ
Trên nắm mồ hoang, héo úa cỏ vàng
Trong biệt thự triệu đô có khác?
Hôm soi gương, hạt bụi hóa vàng?*

*Hạt bụi trăm năm trên mộ Tàn Thủy Hoàng
Bên vết nứt những Pha-ra-ông...vạn tuổi
Ta rửa nước sông Nin trôi ra biển
Có khác nước sông Hằng thuở hồng hoang?*

*Hạt bụi người mang từ mặt trăng xuống
Có con cháu gì với trái đất triệu triệu năm?
Những hạt bụi từ trong xương, trong tủy
Lúc bay lên chợt có bóng nguyệt rằm?*

*Những hạt bụi trần gian cõi ta bà, không sắc
Một hôm trở về mặt đất cũng như nhau
Có cái khác ở trong hạt bụi
Kẻ ác, tham tàn. Hạt bụi... tanh hôi!?*

thơ **TRẦN HOÀNG VY**

TAM CHƯƠNG LÀ BA THỨ CHƯƠNG NGẠI GÌ?

(Phần 1)

Tâm Lương Đào Mạnh Xuân

ĐẠO PHẬT TRONG ĐỜI SỐNG

Nhấn được một chút, rồi sóng yên biển lặng.
Cổ lùi một bước, thấy biển rộng trời cao.
Nhấn: biết hóa giải việc gay gắt, lớn lao:
Thành điều không đáng kể, ngộ hầu đều êm

Phần Tóm Tắt bằng thơ dưới đây lấy ý từ đường
Link:
<https://tamhuongphat.com/tam-chuong-phen-nao-chuong-nghiep-chuong-bao-chuong-la-gi.html>

A. Tam chương là gì?

Phiên Nã Chương, Nghiệp Chương và Báo Chương.

Tam chương là ba thứ chương ngại gặp thường.
Phiên nã, Nghiệp, Báo Chương cản đường ta tu.
Ngăn ngại bước tiến tu Thánh đạo nữa ư!
Cùng Thiện căn Gia hạnh từng tu trước rồi.

Trong 4 câu thơ trên có những từ khó hiểu nên xin
mời quý vị đọc phần:

Ghi chú: Tìm hiểu các từ:
(a): Tiến tu Thánh Đạo: được giải thích qua đường
link bên dưới: <http://www.hethongchuatamnguyen.org/images/KinhDiaTang.pdf>

KINH ĐỊA TANG BỒ TÁT BỐN NGUYÊN LỢI ÍCH CẢ
KÈ CÒN NGƯỜI MẮT
Phẩm Thứ Bảy 1/ Khuyên Tu Thánh Đạo.

...
Bạch đức Thế Tôn! Những chúng sinh quen theo
thói ác, bắt đầu từ mày mún rồi lần đến nhiều vô
lượng.

Đến khi những chúng sinh quen theo thói chẳng
lành ấy sắp sửa mạng chung, thời cha mẹ cùng
thân quyến vì người đó mà tu tạo phước lành để
giúp tiền đồ cho người đó.

Hoặc treo phan lọng và thắp đèn dầu, hoặc chuyển
đọc Tôn Kinh, hoặc cúng dường tượng Phật cùng
hình tượng của các vị Thánh, cho đến niệm danh
hiệu của Phật và Bồ tát cùng Bích Chi Phật, làm cho
một danh một hiệu thấu vào lỗ tai của người sắp
mạng chung, hoặc là nơi bốn thức nghe biết.

Cứ theo nghiệp ác của người đó đã gây tạo, suy tính
đến quả báo, thời đáng lẽ người đó phải bị đọa vào
ác đạo, song nhờ thân quyến vì người đó mà tu
nơn duyên Thánh đạo, cho nên các điều tội ác của
người đó thay đều tiêu sạch.

(b): Thiện căn: được giải thích qua Lời khai thị của
Pháp Sư Tịnh Không:
Tướng của thiện căn là gì? Là NGHE XONG tâm sanh
hoan hỷ, có thể tin, có thể tiếp thu, đây là thiện
căn.

Phước đức là y giáo phụng hành, sau khi nghe hiểu
có thể thực hành trong cuộc sống, thực hành trong
công việc, thực hành trong cuộc sống hằng ngày
như xử sự đối nhân tiếp vật. Người này có phước,
đây là phước đức.

(c): Gia Hạnh: được giải thích qua đường link:
<https://www.niemphat.vn/tudien/gia-hanh.html>
Đức hạnh được tăng cường thêm để cầu tiến bộ
trên con đường đạo. Cấp bậc tu đạo trước khi lên
hàng Thánh. Ở cấp này, người tu hành thêm một số
hạnh cần thiết để xứng đáng dự hàng Thánh.

Xin mời đọc tiếp:

(1) Phiên nã chương:

Bản tính con người gồm ba PHIÊN NÃO gì?
Tam độc khó bỏ: THAM, SÂN, SI hiện hành.
PHIÊN NÃO: nguyên nhân tích nghiệp xấu rất
nhanh.
Tạo bao đau khổ dẫn chúng sanh luân hồi.

Tìm cách Đối Trị Tam Chương qua đường link:
<https://phatphapungdung.com/tam-chuong-va-cach-doi-tri-137646.html>

(1a): THAM:

Muốn trừ tâm THAM phải cố gắng đề phòng:
Tà hạnh, Trộm cắp,...để hết lòng can ngăn.
Thái độ thô thiển khỏi lộ hình, biết chẳng.
Đó là Trì Giới cho tâm THAM bớt mà.

Tích cực hơn tập Bồ Thí: mở rộng lòng.
Bỏ tính tham vợ vét để mong làm giàu.
Thế rồi lòng muốn giúp đỡ khắp nơi đâu.
Ày, Bồ Thí diệt tâm THAM vào ngõ cùng.

(1b): SÂN:

Làm gì đối trị thô tướng của tâm SÂN?
Cổ không ác ngữ, không sát sanh; nhấn nhường.
Nhấn: bình tĩnh dù bị mắng không tiếc thương.
Chứ mình GIẬN chẳng phải đứng đường diệt SÂN

(1c): SI:

Kẻ SI hay bảo thủ ý kiến của mình.
Bướng bỉnh, lãnh hội chậm: vô minh che mờ.
Nên họ luôn có thành kiến, ...rất ngu ngơ.
Cổ sức học Phật, đừng chần chừ: bớt SI.

(2) Nghiệp chương:

Nghiệp chương: nghiệp ác thân, miệng, ý tạo ra.
Tôn hại người chẳng xót, khổ mà ngừng, thôi.
Để rồi luận hồi xoay vần mãi không ngơi.
Nghiệp dẫn dắt kẻ thế này, người cách kia.

Người giàu gặp khổ não: chồng vợ chia tay.
Kẻ tài giỏi chẳng phát hơn ai: chuyện thường.
Người mệnh số yếu, kẻ cứ ốm đau luôn.
Nhận Quả vậy, do Nghiệp dẫn đường chẳng sai!

(3) Báo chướng (Quả báo chướng):

Báo chướng: quả báo ba đường ác tử đâu?
Do nhân Phiền não, Nghiệp dẫn đầu đẩy đưa.
Là Người, Trời: nói Phật Pháp họ chẳng ưa.
Tội thâm trọng: Tam Đồ chẳng chừa ai đâu.

Kính mong quý bạn đạo hữu duyên hãy cùng chung tôi cố thực tập tốt hằng ngày bài viết ở trên. Nói chung là tu tốt 10 điều lành để cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn. Xin được ghi lại để nhớ:

*Tập tu cho được Mười Điều Lành:
Không Trộm Cắp, Tà Dâm, Sát Sanh,
Không Dệt Thêu, Đâm thọc, Ac khẩu...
Không Lừa dối lẫn Tham, Si, Sân.*

Cầu mong có nhiều người hưởng ứng thực hành tốt, chúng tôi xin đem công đức này hồi hướng tất cả pháp giới chúng sanh tương lai đồng sanh về Tịnh độ.

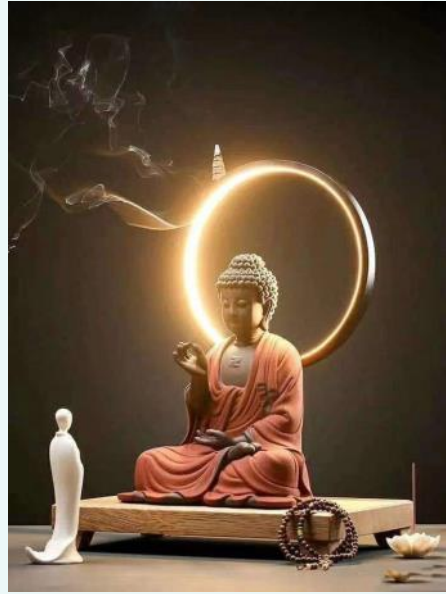
Xin chân thành cảm ơn quý vị đã đọc bài viết.

Phần đọc thêm:

*Cả rừng công đức vụt xa bay.
Khi dõm Hận Sân vừa lộ bày.
Làm Phước cho nhiều không biết giữ.
Thật là công cốc, đáng buồn thay!*

*Người thích tỏ bày lòng biết ơn.
Khiên cung dễ mến, bạn nhiều hơn.
Trọng đời gặp chuyện không may mắn.
Để được vượt qua, nhờ quý nhơn.*

*Chánh pháp để thực hành, không để nói suông.
Không thỏa mãn kiến thức, tranh hơn với người.
Làm vậy, nào đem lại lợi gì cho đời!
Chỉ là con mọt sách, bị cười chê thôi.*



TỈNH GIÁC

*Nhân gian nghĩ lại thật buồn cười
Sống có bao lâu tưởng vạn đời
Giành giật bon chen danh với lợi
Ngày về tay vẫn trắng tay thôi.*

*Vua chúa và tôi có khác chi
Xuôi tay nhắm mắt cũng như nhau
Trăm năm rốt lại còn đâu nữa
Đào thải cùng chung luật nhiệm mầu.*

*Sân khấu cuộc đời luôn có tôi
Diễn viên nhảy nhót dăm ba hồi
Thay tuồng đôi lớp ôi muôn mặt
Kết cuộc hạ màn vẫn cuộc chơi.*

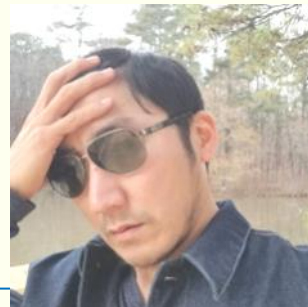
*Ngẫm lại đời mình tựa giấc mơ
Ngày nào bé bỏng tuổi còn thơ
Mà nay tóc đã pha sương trắng
Năm tháng qua nhanh thật chẳng ngờ!*

*Nghe chuông đưa đám tiễn hồn ai
Kẻ trước người sau nối gót hoài
Sớm muộn cũng về cùng cát bụi
Giật mình tôi tỉnh giấc mê say.*

thơ **DIỆU VIÊN**

Truyện cực ngắn

STEVEN N.



VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

BUÔNG XẢ RỐT RÁO

Phù Tang là xứ sở của bao điều kỳ diệu, con người xứ ấy cũng rất khác người, tinh thần tự giác kỷ luật cao, cầu thị và cầu mỹ đến độ tuyệt vời. Ở xứ ấy mọi thứ đều phải trở nên chỉnh chu và nhiều thú vui tao nhã nâng lên thành đạo từ cắm hoa, xếp giấy cho đến uống trà, múa kiếm... thậm chí việc tự sát cũng bài bản và lễ tiết rất cầu kỳ.

Thiền sư Kitano Gembo là một bậc tài hoa và giỏi giang; thườ còn trẻ ông vân du đó đây được khách thương hồ tặng bộ đồ hút thuốc. Ông thường thức và vô cùng thích thú, sau đó tự luận: "Nếu ta cứ thích thú thế này thì sự thiền định sẽ bị xao lãng", thế là ông vứt bộ đồ hút thuốc và từ đó không bao giờ hút nữa. Ông nghiên cứu và rất giỏi kinh Dịch, có thể đoán chính xác sự việc khiến nhiều người thần phục. Lại lần nữa ông nghĩ: "Nếu cứ lạm dụng kinh Dịch như thế này thì ta sẽ thành nhà nho hay tay bói toán chứ chẳng phải thiền sư". Nghĩ thế và ông quyết buông kinh Dịch, từ đó chấm dứt việc bói toán cát hung.

Thiền sư Kitano Gembo nổi tiếng viết chữ nho đẹp, làm thơ hay, là tay thiền xảo trong bộ môn nghệ thuật này, tiếng tăm bay xa. Một hôm sư quán chiếu: "Nếu ta cứ như thế này vậy thì sẽ thành nhà thơ chứ chẳng phải thiền sư", thế rồi một lần nữa Kitano Gembo bỏ viết chữ nho và bỏ làm thơ, dồn tất cả tâm lực vào việc hành thiền cho đến giờ phút cuối ở thế gian này.

Người đời khâm phục và tán thán sự buông bỏ rốt ráo, ý chí tu học tinh tấn không ngừng của sư mà viết rằng:

**LĂNG TỬ THÍCH THUỐC LÁ NGỌN BÓI KINH DỊCH
GIỎI PHÁP LỬ TÁN THƯỜNG NHIỀU NHƯNG ĐỀU BỎ
CẢ HẾT VÌ ĐÂY KHÔNG PHẢI ĐÍCH ĐẾN VỊ NHƯ LAI
TRƯỜNG TỬ**

**THI SĨ CHUÔNG THƠ VĂN HAY VIẾT CHỮ NHO ĐẸP
SƯ PHỤ KHÊN NGỢI LÂM VĂN QUYẾT BUÔNG RỜI
ĐI BỒI CHUYỆN CHẴNG DẪN VỀ ĐÁU BẠC HÀNH
GIẢ THIỀN MÔN.**



CAO THẤP

Thầy nổi tiếng bấy lâu nay, tứ chúng quý mến, trong ngoài kính yêu. Nay thầy về thành Át Lăng, thiên hạ nô nức đi nghe pháp và ngắm thầy. Có anh Phật tử sau buổi ấy về hỏi sư phụ bốn tự:

- Thầy giảng hay quá lại đi dóm vui về, người ta đi nghe pháp đông quá trời luôn, con số người bấm subscribe trên trang nhà của thầy cũng rất lớn. Trong khi quý thầy Tuệ Sỹ, Huyền Quang, Quảng Độ, Thái Hòa... lại rất ít người nghe hay bấm subscribe.

Sư phụ bốn tự cười:

- Bình dân học vụ với cao học thì bậc nào đông học viên hơn?

Anh Phật tử gãi gãi đầu rồi lại hỏi:

- Thầy ấy giảng dễ hiểu lắm, còn quý thầy kia con nghe mà hông hiểu gì hết trơn. Bọn bạn bè con nhiều người cũng nói vậy! Không lẽ thầy ấy cao siêu hơn chẳng?

- Ở thì dĩ nhiên rồi, những vấn đề bình dân học vụ thì phải dễ hiểu hơn những gì ở bậc cao học. Tâm từ và trí tuệ quý thầy như nhau, tuy nhiên khác ở nhân duyên và hạnh nguyện. Thầy ấy tiếp độ đại chúng còn quý thầy Huyền Quang, Quảng Độ, Tuệ Sỹ... sẽ cho ra những bậc cao đồ nổi pháp.

CỘNG NGHIỆP

Lão Thanh đi Việt Nam về, khi trình hộ chiếu tại hải quan Mỹ, nhân viên xem xong lập tức gọi người kiểm dịch đến và dẫn lão vào một lane đặc biệt dành cho khách đến từ Việt Nam. Người kiểm dịch hỏi:

- Hành lý của ông có thuốc lá, thuốc tân dược và các loại thịt gì không?

Lão Thanh khẳng định không có, người ấy vẫn không tin, vặn lần nữa:

- Ông có chắc không?

- Tôi là người ăn chay mang theo thịt làm gì?

Nhân viên kiểm dịch mở bụng và li ra để kiểm, sau khi không tìm thấy gì mới để lão ta đi. Lão ngoái nhìn lại thấy một hàng dài đồng hương đang chờ mở và li kiểm tra. Về đến nhà lão Thanh cảm râm với vợ:

- Chỉ vì hộ chiếu mang cái họ Nguyễn, Lê, Trần, Hồ... mà tui hải quan Mỹ o bế kỹ dễ sợ luôn!

Vợ lão Thanh cười toáng lên:

- Tại dân gốc Mít lâu nay nổi tiếng quá rồi, về Việt Nam rồi khi qua lại Mỹ mang theo quá trời thuốc lá, tân dược và bao nhiêu loại thịt.

Lão Thanh nghe vợ nói vậy, miệng cứ lầm bầm:

- Cộng nghiệp, cộng nghiệp!

PHẬT PHÁP VÀ QUẢNG CÁO

Công ty ABC sản xuất ra một sản phẩm mới, họ quảng cáo bằng hình ảnh bắt mắt đập vào thị giác, âm thanh rền rang đập vào thính giác... quần chúng thích thú mua xài và khen chất lượng ngon lành kích thích vị giác, khứu giác. Từ đó ai cũng ăn nhiều, ăn cố mạng luôn, ăn cho thỏa mãn cái miệng, cái ý và cuối cùng bị béo phì.

Chuyện lọt đến tai thầy; thầy cười và bảo với đại chúng:

- Các con thấy đấy, con người ta chỉ thấy bằng mắt, nghe bằng tai... mà không biết dùng cái tánh thấy, tánh nghe.

Mọi người không hiểu, ngơ ngác, thầy giải thích:

- Chúng ta có sáu căn và sáu căn bị sáu trần du khị nên cuốn hút vào sự mê mà không biết. Cái người béo phì, trừ những người vì bệnh ra thì tất cả đều béo vì ăn uống vô độ, mắt họ nhìn, tai họ nghe, lưỡi họ ngửi, mũi họ nếm... những sản phẩm quảng cáo đó bằng sự mê đắm nên cái ý ăn cho sướng đã hại cái thân.

Một Phật tử có vẻ ngộ gì đó nên thốt lên:

- Vậy là đừng nghe quảng cáo, vậy là phải cảnh giác sáu căn phải không thầy?

Thầy cười:

- Người ta quảng cáo để đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, sáu trần chính là thứ đang quảng cáo mạnh mẽ trong từng phút giây. Minh thu nhiếp lục căn để thanh tịnh tâm.

BẦU CỬ QUA MẠNG

Ngày Super Tuesday xôn xao đi bầu cử. Hăng cho mọi người về sớm để thực hiện quyền công dân. Thăng Aaron hỏi:

- Randy, mày có về sớm để đi bỏ phiếu không?

Randy bảo:

- Tao sẽ bỏ phiếu sau buổi làm.

Thăng Steven cà khịa:

- Thời buổi dùng mạng NET, mọi thứ đều có thể ngồi tại chỗ thực hiện mà chẳng cần phải dấn thân: đặt hàng, đặt thức ăn, họp qua zoom, tiền điện tử, thư điện tử, sách điện tử... Cớ sao hồng có phiếu bầu điện tử?

Cả đám cười sảng sặc, thăng Aaron nói:

- Bỏ phiếu trực tiếp bằng giấy mà còn bị tổ là gian lận, nếu bỏ phiếu điện tử có mà chết!

- Thế sao tiền điện tử, sách điện tử, thư điện tử... vẫn hoạt động bình thường?

Thăng Aaron đuối lý bèn quạu:

- Mày đi mà hỏi mấy ông lớn!

Steven ngẩn tò te cứ lăm bắm một mình: "Tại sao hồng có ballot điện tử?"

BẦU CỬ XỨ QUỠN

Bị thiên hạ chê cười độc tài toàn trị, bầu cử giả hình. Trùm cuối cùng với đàn em và lũ cò ke lục chốt lu loa cho rằng bị nói xấu, bị phá hoại... bởi thế lực thù địch, phản động. Trùm cuối lên đài phát biểu:

- Xứ sở bọn tớ dân chủ gấp ngàn lần những xứ khác, chúng tớ cho phép nhân dân tự do ứng cử và bầu cử, cuộc bầu cử nào cũng có nhiều đại biểu để mọi người chọn: Trư, heo, lợn; chó, tuất, khuyển; chuột, thử, ty; trâu, ngựa, sừ...

Dân cười méo mặt:

- Chọn như vậy thà không chọn còn hơn.
Những nhà quan sát và người các xứ cười sảng sặc:

- Khéo quờn thiệt, bầu như thế thì bầu chi cho mất công, tốn của.

Có người còn bảo:

- Thật ra thì ông kẻ ghê này bà chẳng ghê nó đều đã được cơ cấu! Giang hồ vẫn nói người nào ghê này từ trước bầu cử vậy mà trúng y chóc.

CHƠI

Thăng mập tên lửa chơi kết bạn với thăng võ sĩ vô lại. Cả hai thăng xưa nay nổi tiếng chơi liêu, chơi ngông, chơi bậy, chơi dơ, chơi ngu, chơi ác... Thăng võ sĩ chơi đậm thọt:

- Này mập, thỉnh thoảng mày chơi vài phát hỏa tiễn cho tụi nó sợ xanh mặt chơi hén!

Thăng mập khoái chí cười híp mắt:

- Đó là trò chơi mà tao thích nhất, cả họ nhà tao đều chơi kiểu này.

Thăng mập còn có một tay đại ca bảo kê. Thăng bảo kê này chuyên chơi trò ném đá giấu tay. Nó là chúa chơi xấu, chơi đều, chơi gian, chơi thâm, chơi sỗ sàng, chơi nham hiểm, chơi vô hậu... Thăng đại ca xúi thăng mập:

- Mày phải quậy chơi cho tụi nó khò lợ, càng chơi mạnh thì tụi nó chi đậm cho mày. Tao cũng hỗ trợ cho mày chơi dài dài.

Thăng mập cười híp mắt, rung rinh nọng cổ:

- Dạ, cảm ơn đại ca, cái gì chứ chuyện chơi bạo, chơi độc, chơi bá đạo... thì ba đời nhà em đã chơi vậy rồi. Bố thăng nào dám chơi phá đám như họ Bắc Cao nhà em!

Thăng đại ca khen:

- Khá lắm, mày chơi hoang đường, chơi tàn mạt, chơi chùa, chơi chịu, chơi chạy làng... thì nhất thiên hạ.

TỬ VI

Bà Tám sống ở hải ngoại mấy chục năm rồi, ấy vậy mà vẫn mê tử vi, bói toán, phong thủy, cầu cơ, lên đồng... Ngày Tết lên chùa xin xăm rồi về bảo chồng:

- Năm nay năm tuổi của ông, sao La Hầu chiếu mạng cực kỳ xui xẻo. Ông phải kiêng kỵ cẩn thận đấy!

Ông Tám cười hềnh hếch:

- Bà mê tin thấy sợ luôn, sao ở trên trời sao có thể quyết định chuyện hên xui phước họa của con người?

- Có cứ có thiêng có kiêng có lành, ngày mùng tám không được ra khỏi cửa đó nha!

- Hằng cho hai cái vé du lịch xuyên bang nè, ăn chơi miễn phí, được coi phim bom tấn của Hollywood mới ra, vậy bà có đi hay không?

- Ờ, đi thì đi nhưng vẫn phải kiêng khem đó ông ơi!

Ông Tám khoái chí cười và đọc luận một hơi:

SAO QUÁ TA TRUYỀN THỐNG TỬ VI TÀU BUỒN
THẤY MÈ VÌ VẤN HẠN XUI XẼO

PHIM BOM TẤN TẤN THỜI ĐIỆN ẢNH TÂY VUI
QUÁ TRỜI BỜ CƠ HỘI VI VU.

Steven N
Georgia, 0424

GIÁC MƠ ĐÓA SEN XANH

Nốt nhạc vừa reo bàn tay vừa nắm
Là mùa xuân vừa đặt bước chân
Tung tóe trên đường tia những nắng

Bỏ lại xác ngày hôn đêm ma mị
Tiếng xích buồn. Cười khóc nhân gian
Về lại chiêm bao mùi hương cổ lý

Bỏ lại bóng ma cuối cùng trong kẹt cửa
Địa ngục không bao giờ mở nữa
Đường trẻ thơ tập bước tập đi

Chiếc lá non trong ngực vút bay
Từng nhịp đó ngát ngây những gió
Phía chân trời đang mọc nghìn tay

Nở bát ngát hào quang tin cậy
Ngày nắng lạ như lần đầu mới thấy
Lá từng đàn reo biếc câu kinh

Gọi rất khẽ mà trong veo tiếng cuội
Bầy cỏ xanh nao nước rủ nhau đi
Lòng đất âm ngọt bụi bao dong ruổi

Xin về cùng. Và nắm tay nhau
Trái tim non là mầm hoa. Kết trái
Nhịp tâm kinh lồng lộng. Xưa sau

Một chắm vô cùng nở đóa sen xanh
Thắm chút nữa màu hoa diêu mẫn
Thêm chan hòa cội rễ khai sinh.

THÁNG NĂM LÀ MỘNG ĐANG ĐI

1.
Tháng năm là mộng đang đi
Thời gian rút lại một thì thâm xưa
Mùa đông khép nép dạ thưa
Cành xuân tơ ngó đã vừa đơm hoa
Vòng tay mở rất quê nhà
Trông lên đôi mắt đã là quê hương

2.
Già thêm một tuổi đất tròn
Nghe con gió vẫn ngọn nguồn ban sơ
Tháng năm, câu chuyện tình cờ,
Mỗi bình minh lại tỉnh mơ mặt trời
Con sơn ca hát nên lời
Đóa hương dương nở mặt người bước đi

3.
Lang thang cõi mộng đôi khi
Lọt vào một chút yêu vì nhân gian
Tháng năm. Du hí tình tang
Chiêm bao. Vương sợi tơ vàng mùa xuân
Chân này bước nọ lân lân
Ô con đường mộng đã vãn vì đời...

thơ

NGUYỄN THỊ
KHÁNH MINH





NHỨC ĐẦU

Bác sĩ Nguyễn Ý Đức

Y KHOA PHỔ THÔNG

Nhức đầu là vấn đề khá phức tạp và khá phổ thông vì hầu như ai cũng bị nhức đầu không khi này thì khi khác.

Chứng này khiến người bệnh thường xuyên đi khám bác sĩ đồng thời lại gây ra nhiều trở ngại trong sinh hoạt hàng ngày. Người bệnh không những chịu đựng sự đau như búa bổ trên đầu, mà còn bị mất ngủ, mất tập trung, dễ kích thích, bực mình vì những lý do không đầu. Họ còn sợ tiếng động, sợ ánh sáng khiến đôi khi phải thu mình trong bóng tối.

Chín mươi phần trăm các trường hợp nhức đầu xảy ra mà không có nguyên nhân, còn 10% là dấu hiệu, triệu chứng của các bệnh trong cơ thể, như tai biến mạch máu não, nhiễm độc hoặc u bướu não, các bệnh răng miệng, mắt, viêm xoang mặt.

1- Chứng đau nửa đầu

Đây là loại nhức đầu khá thông thường mà các cụ ta gọi là Thiên Đầu Thống (Migraine Headache).

Nhức đầu xảy ra khi mạch máu trên não co hẹp lại rồi giãn ra rất nhanh khiến thành mạch máu căng đau theo mỗi nhịp tim đập. Cơn đau bắt đầu từ phần giữa trán hoặc phía trên con mắt rồi lan ra một nửa đầu và có thể kéo dài cả mấy giờ đồng hồ, đôi khi cả hai ba ngày.

Bệnh nhân thường bị ói mửa, sợ ánh sáng và tiếng động, mất tập trung, không suy nghĩ được, tất cả đều gây trở ngại cho công ăn việc làm. Đôi khi ngửi mùi gì lạ, leo cầu thang hay làm việc nặng nhọc cũng khiến họ nhức đầu.

Trong nhiều trường hợp, có một vài dấu hiệu báo trước như môi mệ, bần tính, bồn chồn, mắt mờ, nổi đốm đốm mắt, tai ù, tê đầu ngón chân tay, chóng mặt, buồn nôn.

Các chuyên gia về nhức đầu đều nhận thấy là người mắc bệnh này thường rất nguyên tắc, làm gì cũng muốn cho toàn hảo, có phương pháp, kiểm chế tức giận cũng như không chịu dưới quyền điều khiển người khác.

Đã có nhiều cố gắng tìm hiểu căn nguyên nhức đầu này nhưng chưa có giải thích thỏa đáng.

Nhức nửa đầu thường xảy ra cho nhiều người trong cùng gia đình. Nữ giới hay bị bệnh hơn nam giới nhưng ở trẻ em thì con trai hay bị nhức nửa đầu hơn con gái.

Có giải thích cho là bán thiên đầu thống gây ra do sự thay đổi hóa chất trong não bộ hoặc sự thay đổi kích tố, nhất là estrogen có thể là nguy cơ gây thiên đầu thống ở nữ giới khi họ có kinh kỳ mỗi tháng.

Một vài thực phẩm cũng có thể gây ra cơn nhức đầu ở một số người như pho mát cũ, bột ngọt, hành, rượu vang, sữa chua, giấm.

Dược phẩm thường dùng để giảm đau: Ibuprofen, Naproxen, Ergotamine, Sumatriptan, Naratriptan.

2- Nhức đầu do căng thẳng

Trường hợp một ông chủ báo cứ mỗi hai tuần phải lo bài vở để báo lên khuôn. Gần đến ngày in báo là ông ta thấy nhức đầu như búa bổ, cơ thịt ở cổ như cứng lại, quay nhẹ cũng gây đau. Ông ta đang ở dưới một tâm trạng căng thẳng vì chưa đủ bài lấp kín các trang báo.

Sự căng của cơ thịt là phản ứng tự nhiên cho các khổ lực (Stress). Nếu không được giải tỏa bằng thư giãn thì cơ thịt càng sẽ trở nên đau đớn và kéo theo sự co rút của các mạch máu, làm cho cơn đau nặng hơn. Khi sờ vào thì cơ thịt như sưng lên từng cục nhỏ.

Đây là loại nhức đầu thông thường nhất mà đa số chúng ta đôi khi ai cũng có thể mắc phải, nhất là khi tâm thần căng thẳng, thể xác mệt mỏi. Nhiều người cho là do tưởng tượng nhưng thực ra là các cơn đau đều có lý do.

Chẳng hạn đi làm phải tập trung lái xe nhiều giờ trên xa lộ kẹt cứng lưu thông; cận ngày nộp giấy tờ thuế lợi tức mà chưa làm xong là vài thí dụ cụ thể.

Đa số bệnh nhân là những người có khuynh hướng kiểm chế cơn nóng giận, bực mình, lo âu và thấy cuộc đời đầy rẫy những căng thẳng. Họ luôn luôn phấn đấu, làm việc không kể thời gian, bất mãn với sếp lớn, không thỏa mãn với việc làm.

TYPES OF HEADACHES



Tension headache



Temporal headache



Migraine



Glaster pain



Hypertention



Sinus pain

Nhiều khi vị thế không đúng của cổ khi nằm ngủ, đánh máy chữ, nói điện thoại cũng làm cơ thịt căng co. Có người nhức đầu vì uống nhiều cà phê, nước trà hoặc rượu mạnh.

Người bệnh than phiền đau nhức trên tất cả đầu, nhức như có cái vòng kim cô của Tây Vương Mẫu siết chặt quanh đầu. Các cơ thịt ở cổ, ở mặt co căng, nhức nhối. Bệnh nhân không ói mửa hay có dấu hiệu gì về thị giác như trong bệnh thiên đầu thống.

Nhức đầu do căng thẳng thường giảm đi khi dùng vài loại thuốc đau nhức thường như Tylenol, Aspirin. Một vấn đề là đôi khi người bệnh dùng quá thường xuyên các thuốc đau nhức có chất caffeine, khiến họ trở nên ghiền cà phê.

Có thể đắp nước ấm, dùng heating pad, thoa bóp để làm thư giãn cơ thịt cũng giúp giảm đau.

Nhức đầu loại này đôi khi không cần thuốc trị mà chỉ cần tránh căng thẳng, giải quyết khó khăn, sống với tâm hồn bình thản, thư giãn cơ thể cũng hết.

Thuốc thường dùng: Ibuprofen, Naproxen, Hydrcodone; thuốc thư giãn tâm thần Fluoxetine, Doxepin, Amitriptyline.

3- Cluster headache

Còn một loại nhức đầu nữa gọi là cluster headache. Loại này thường có nhiều ở đàn ông hơn đàn bà. Cơ đau kéo dài chừng nửa giờ, đau kinh khủng ở nửa đầu, nhất là ở chung quanh hay đằng sau con mắt. Người bệnh thường có thêm vài triệu chứng như chảy nước mũi, nước mắt, mắt đỏ.

Thuốc thường dùng: Ergotamine, Prednisone, Sumatriptan, Clonidine.

Kết luận

Các thuốc trị kể trên có nhiều tác dụng phụ, cần được sự hướng dẫn của bác sĩ.

Ngoài ra xin khám bác sĩ ngay nếu:

- ◆ Bất chợt nhức đầu nặng hơn các cơn đau khác;
- ◆ Nhức đầu tăng dần trong 6 tháng;
- ◆ Nhức ở một điểm trên đầu;
- ◆ Khi có kèm theo các dấu hiệu thần kinh;
- ◆ Nhức đầu xảy ra hai ba lần trong tuần.
- ◆ Phải uống thuốc liên tục hay tăng lượng thuốc để bớt đau;
- ◆ Nhức đầu kèm ói mửa;
- ◆ Nhức đầu với sốt nóng, nổi ngứa trên da hoặc cổ cứng nhắc;
- ◆ Nhức đầu khi vận động cơ thể;
- ◆ Nhức đầu sau khi bị chấn thương xương sọ.



KHÁNH ĐẢN

*Thị hiện nơi này giữa thế gian
Hân hoan chung hưởng ánh đạo vàng
Phật về khai mở con đường sáng
Tháng Tư trăng tỏ rạng muôn nơi*

*Mạn thù sa trắng thoảng rơi rơi
Chư thiên đánh lễ tưng trời
Chấn động mười phương ngàn thế giới
Muôn loài hoan hỷ với Như Lai*

*Một sớm vừa xanh ánh sao mai
Trí tuệ bùng lên độ mãn khai
Sanh tử từ đây lìa mãi mãi
Ngài đến vườn Nai khai pháp môn*

*Từ đây thành thị chỉ sơn thôn
Tứ chúng đồng tu theo Thế Tôn
Từ bi trái rộng, lòng khiêm tốn
Hữu tình Phật tánh vốn đồng nhau*

*Hỏa trạch hiểm nguy hãy ra mau
Tam giới này đây lắm thương đau
Tam đồ mạt lộ đầy lửa máu
Luân hồi lên xuống sáu đường mê*

*Trăng tròn Vesak khắp sơn khê
Khánh đản mừng vui lễ lại về
Trời người cung kính lời xưng thệ
Y chỉ phụng hành theo Thế Tôn.*

TIÊU LỤC THẦN PHONG

Át Lăng thành, 0424

MỠI KỲ MỘT MÓN CHAY

BÁNH TRÁNG TRỘN XOÀI CHAY



(VNAC) - Món bánh tráng trộn này có vị chua chua của xoài, giòn giòn của đậu phộng và mùi thơm đặc trưng của rau răm, dùng chung với trà đá chanh hoặc bia chay (không cồn), vừa nhẹ nhàng mà vừa... ré nữa!



Nguyên liệu: (1 phần ăn)

- ◆ 2 bánh tráng, cắt sợi
- ◆ 1/2 mặt xoài xanh vàng, còn giòn (không sống cũng không chín), thái sợi
- ◆ 9 lá rau răm, thái nhỏ
- ◆ 1 miếng đạm chay (có thể thay thế bằng đậu hủ ky chiên, hoặc đậu hủ chiên), cắt sợi
- ◆ 2 muỗng canh đậu phộng rang

Nước chấm:

- ◆ 1/2 muỗng cà-phê ớt tỏi băm
- ◆ 1 muỗng cà-phê nước tương
- ◆ 2 muỗng cà-phê đường
- ◆ 3 muỗng cà-phê nước cốt chanh (khoảng 1/2 quả chanh)
- ◆ 4 muỗng cà-phê nước

Thực hiện:



1. Cho bánh tráng, đạm chay, rau răm vào tô.



2. Thêm xoài.
3. Rưới nước chấm.
4. Cho đậu phộng lên trên.



5. Trộn đều tất cả nguyên liệu, để thấm chừng 2-3 phút cho bánh tráng vừa mềm. Thường thức ngay nhé, để bánh tráng không bị dính lại, sẽ dai đi.

Hồng Hương / Việt Nam Ăn Chay

BƯỚC THEO HẠNH NGUYỆN TỔ KIỀU ĐÀM DI

Thích Nữ Giới Định

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

Một ngày mới bắt đầu với nhiều hoài ước thật đơn sơ: mong sao mình và tất cả mọi người có những giây phút thật thành thoi an lành trong từng tâm niệm lời nói và hành động thật nhẹ nhàng bình an, để cho một ngày sống có tràn đầy ý nghĩa; tuy đơn sơ và dễ dàng nhưng cũng không phải dễ như mình nói hay suy nghĩ đâu bạn nhé!

Sáng nay Thứ Năm ngày 14 tháng 3 năm 2024 bầu trời Santa Ana không mưa, trong sáng, đang vui nhộn đón những bước chân của chư tăng ni đang thiền hành, bách bộ trong khuôn viên chùa Bảo Quang để chờ xe bus đến dự lễ Tưởng Niệm Đức Thánh Tổ Kiều Đàm Di tại Hương Sen Buddhist Temple (19865 Seaton Avenue Perris, CA 92570) do Ni Sư Thích Nữ giới Hương trụ trì và là trưởng ban tổ chức Đại lễ năm nay.

Lúc 8:00 giờ xe bắt đầu chuyển bánh, hơn một tiếng đồng hồ xa xa thấp thoáng đã thấy tu viện Hương Sen với đồi núi bao bọc chung quanh. Hương sen đây rồi, một ngôi chùa Ni đơn sơ, trước cổng chùa với hàng chữ **Thành Kính Cung nghinh Chư Tôn Đức Tăng Ni Quang Lâm. Chào Mừng Chư Phật Tử**. Tiếng A Di Đà Phật chào nhau vang cả một góc trời nhỏ của Riverside Country trong tình thân thiện, trên môi mọi người nở nụ cười an lành. Trang trọng với hàng chữ: **Nam Mô Đương Lai Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật. Đại Lễ Tưởng Niệm Đức Thánh Tổ Kiều Đàm Di Và Chư Trưởng Lão Ni Tiên Bối Hữu Công**.

*Gió lộng trời cao đất gập ngừng
Đón mừng đại chúng đáo Hương Sen
Tâm thành dâng cúng lên Sư Tổ
Nhân ngày kỷ niệm rạng ngợi xưa.*

Những bước chân của chư tôn đức tăng ni theo lời cung thỉnh của Ni sư trụ trì và ban tổ chức đại lễ sẽ kinh hành từ chánh điện qua nhiều nơi an vị thánh tượng chư Phật Bồ tát. Tiếng niệm Phật âm vang mọi người cảm nhận được chư Phật Bồ tát,



Về bên Thánh Tổ Kiều Đàm Di

thiên long bát bộ đang quang giáng đạo tràng mật thù gia hộ cho mọi Phật sự chùa Hương Sen đều thành tựu viên mãn. Những bậc cấp lên xuống, những cỏ dại ven đường như đang reo mừng chào đón, những động vật côn trùng nhỏ nhít, các chú chim trên cành líu lo hót vang cũng như đang được thừa hưởng ân đức cao quý đó để mong được thoát kiếp súc sanh. Nhìn những thành tựu hôm nay biết bao nhiêu thắng nằm gian khổ, nước mắt mồ hôi, tâm nguyện của Ni sư trụ trì, Ni chúng, Phật tử đã đổ xuống mảnh đất này thật vô số kể để cho cây đơm trái bông nở hoa, ánh sáng Phật pháp lan tỏa trên mảnh đất khô cằn sỏi đá Hương Sen, làm nhân thiện lành cho người Phật tử có duyên đến nơi chốn xa xôi này. Con xin cúi đầu thành kính đảnh lễ.

Đại chúng thiền hành, hữu nhiễu, đảnh lễ, chụp hình lưu niệm trước tôn tượng Thánh Tổ. Tôn tượng Đức Thánh Tổ Kiều Đàm Di đang uy nghi đứng vững trước cơn gió lộng rừng xanh. Ngài vẫn ung dung từ ái nhìn đàn con dại của mình trong chiếc y vàng giải thoát, những đứa con gái của Ngài từng giây từng phút phải chiến đấu với nội ma ngoại cảnh không phải là dễ dàng, bao nhiêu cám dỗ vật chất, tiền tài, danh vọng, tình cảm... Ánh mắt của Ngài làm cho ai đối diện cũng nhận được một tình thương lan tỏa từ người mẹ hiền kính quý và âm thầm phát nguyện tiến tu đạo nghiệp không dám biếng trễ.

Sáng nay có sự quang lâm của hòa thượng thích Tuệ Uy trụ trì tu viện Liên Hoa Sanh, thành phố Big Bear. Ban tổ chức cung thỉnh Hòa Thượng ban đạo từ. Những lời dạy của Hòa thượng thật gần gũi, sách tấn hàng ni giới đồng mãnh thêm trên con đường hoằng pháp lợi sanh báo Phật ân đức. Đặc biệt hơn nữa, năm nay có sự hiện diện của Sư trưởng viện chủ Tu Viện Đại Bi, thật gần gũi thật kính thương! Sư bà nhắc nhở hàng Ni chúng phải nỗ lực tinh tấn tu tập vì người nữ có nhiều chướng ngại trên con đường tu đạo giải thoát, nên ở trong đại chúng để rèn luyện chí nguyện xuất gia của mình cho vững chãi và thường hành trì tụng giới trong mỗi nửa tháng không được lãng xao.

Nam Mô Đương Lai Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật

*"Ai gia phong ngàn năm còn ghi dấu
Gương sáng ngợi Thánh Tổ Kiều Đàm Di"*

Hàng Ni giới chúng con hôm nay được tầm mình trong chánh pháp Như Lai, được xuất gia thọ cụ túc giới là nhờ lời thỉnh cầu ba lần tha thiết của Tôn giả An Nan lên Đức Thế Tôn cho phép Di Mẫu Ma Ha Ba Xà Ba Đề xuất gia tu đạo. Di mẫu đã xả bỏ tất cả châu báu, mọi tiện nghi xa hoa lữ các, rũ bỏ phần son lụa là, khoác lên mình chiếc y vàng giải thoát cùng với 500 người nữ đồng họ Thích Ca tuân giữ bát kính pháp, làm vị Tỳ Kheo Ni đầu tiên



Trang nghiêm tưởng niệm Thánh Tổ Kiều Đàm Di

trong giáo pháp Như Lai. Di Mẫu thỉnh cầu Đức Phật chỉ dạy pháp hành thiền định, trong một thời gian ngắn nhờ tinh cần nỗ lực đã chứng đắc thánh quả A La Hán. Tại Tinh xá Kỳ Viên, Thế Tôn xác nhận "*Di Mẫu Mahapajapaty là vị thánh kinh nghiệm đệ nhất, sống hưởng thọ hạnh phúc, giải thoát, niết bàn.*" Khi nghe Thế Tôn ba tháng sẽ nhập niết bàn, vì không muốn nhìn thấy cảnh đó nên đã xin Đức Phật được cùng với 500 tỷ kheo ni nhập niết bàn trước. Sau khi trà tỳ nhục thân Di Mẫu, giữa chúng hội Đức Phật tuyên bố "*Đây là xá lợi của Tỷ Kheo Ni Gotami, một bậc trượng phu. Những gì bậc trượng phu làm được, Tỷ kheo ni Gotami đều làm được.*" Trong kinh Pháp Hoa, Đức Phật thọ Ký cho Ngài tương lai thành Phật hiệu Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật.

Đức Thánh Tổ Ni, bậc đồng mãnh tinh cần tu tập, Ngài đã thay Đức Phật lãnh đạo Ni đoàn, đưa hàng nữ nhân thoát vòng xiềng xích phân biệt của chế độ giai cấp phong kiến xã hội thời bấy giờ. Thánh Tổ đã giải phóng cho thân phận người nữ trong bốn phận làm vợ, làm mẹ, làm dâu gò bó trong một gia đình nhỏ của họ... Sau một thời gian tu tập tinh cần trong chánh pháp Như Lai đã có nhiều bậc Ni chứng đắc thánh, từ sơ quả Tu đà hoàn đến A la hán quả được Đức Phật ấn chứng không khác gì bên Đại tăng...

*"Chuông không ngại ngày đêm mưa gió thổi
Chuông không vì sông bể núi đèo ngăn
Tiếng của chuông là bản thể xa xăm
Đây vọng lại mấy ngàn năm âm hưởng."*

Thế hệ kế thừa của Tổ sư ni đã có hàng hàng lớp lớp chư tôn trưởng lão tiền bối Ni đã cùng với đại Tăng chung vai làm Phật sự, trải qua bao thăng trầm của lịch sử đất nước, của Phật giáo từ quá khứ đến hiện tại vẫn ngày một phát triển hơn. Giáo lý Phật đà đã có những ảnh hưởng rất lớn đối các vị lãnh đạo đất nước, những nhà trí thức khi họ đang tại vị làm cho đất nước nhân dân được an cư lạc nghiệp hơn, người bình dân cũng hiểu được thế nào là nhân quả qua ý nghĩa "nhân nào thì quả đó"...

Hôm nay đây, những người con gái của Thế Tôn và Thánh Tổ Ni, đọc lại trang sử hào hùng dũng cảm vô úy của người xưa mà lòng không khỏi dâng

lên những xúc động trong tâm thức, hổ thẹn cho chính mình. Năm vóc gieo sấm đất, tự phát nguyện dẫn thân hành đạo phụng sự chúng sinh dù gặp nhiều gian nan thử thách, chuyên tâm tu trì Giới Định Tuệ để đoạn trừ tham sân si nghiệp, chứng tự nghiệm khắc với bản thân mình không để duôi để cho giấc phiêu não lôi cuốn vào ngũ dục, lục trần. Nhớ đến công ơn sanh thành dưỡng dục của cha mẹ cho chúng ta thân người tìm nhân duyên cho vào cửa đạo, nhớ đến công ơn thầy tổ cho thọ đại giới dự vào trong Tăng bảo, có cơ hội ra khỏi vòng sanh tử triền lụy, công ơn đàn na tín thí cung cấp tứ sự cúng dường cho chúng ta mọi sự cần dùng trong sinh hoạt hàng ngày, công ơn tổ quốc có những người đã hi sinh thân mình bảo vệ đất nước thanh bình cho chúng ta an tâm hành đạo. Làm Phật sự ở xứ người với vô vàn gian truân nhưng không vì thế mà lùi bước, vì chúng ta đang trên con đường nghịch dòng sanh tử, phải quyết tâm bền chí lập nguyện không quên chí nguyện ban sơ "*phát túc siêu phương tâm hình dị tục.*"

Buổi lễ Tưởng niệm Đức Thánh Tổ Ni Kiều Đàm Di và Chư Trưởng Lão Ni Tiền Bối Hữu Công lần thứ ba tại Hương Sen Temple đã khép lại trong tinh thần hòa hợp, hoan hỷ và thanh tịnh. Chúng con ở xứ Mỹ một nơi mà Phật giáo Việt Nam hãy còn non trẻ, nhưng chúng con hết sức quyết tâm cùng hứa nguyện mỗi năm ngồi lại với nhau để ôn lại công hạnh của chư Tổ đồng thời nhắc nhở rèn luyện thêm ý chí của hàng Ni giới chúng con. Sang năm 2025 tại Tu viện Huyền Không San Jose do Ni sư Thích Nữ Giới Tâm (Nguyên Thiện) cùng Ni chúng và đạo tràng thành tâm phụng cúng tưởng niệm Tổ Sư lần thứ tư. Chúng con xin cúi đầu đánh lễ chư Đại Tăng kính nguyện quý ngài pháp lạc vô biên hóa duyên vô ngại, thân tâm thường lạc Phật sự viên thành; thân chúc chư Phật tử luôn an lạc trong tâm tư, giải thoát trong đời sống và thành công trong mọi lãnh vực.

Nam Mô Đương Lai Nhất Thiết Chúng Sanh
Hỷ Kiến Phật tác đại chúng minh.



Chư Tôn Đức Ni ở mặt trước của Chùa Hương Sen



Dấu chân mùa Phật đản

LAM KHÊ

VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Dừng chân bên khu vườn rợp bóng mát của những tàng cây cổ thụ, người lữ khách đặt nhẹ chiếc ba lô xuống, rồi ngồi thư giãn trên một tảng đá trong tư thế tọa thiền đếm hơi thở. Dù từng đi đây đó nhiều, cảm thụ biết bao kỳ quan dị cảnh của đất trời, nhưng chàng vẫn bị thu hút trước vẻ đẹp huyền ảo của buổi ban mai rực vàng bóng nắng. Nhiều người khác cũng lần lượt kéo tới, không gian bao trùm trong sự chiêm bái thành kính mà yên lặng tôn nghiêm. Đến với miền đất Phật xa xôi này, Du Tử chợt nghe lòng thoáng chút nhẹ nhàng thanh thản an vui.

Khu rừng Lâm Tỳ Ni đang bước những ngày hạ nắng gắt. Từng đoàn người hành hương trên khắp các châu lục kéo về nhân kỷ niệm ngày Đức Phật Thích Ca đản sanh. Dòng người cứ đông dần lên trong tuần lễ cuối khi trăng Rằm tháng Tư vừa đến. Những nén hương, những đóa hoa đủ sắc đủ màu được bày biện cắm đầy xung quanh trụ đá mà Vua A Dục đã cẩn thận ghi dấu lại để cho người đời sau biết được nơi Phật đã ra đời.

Du Tử — những người quen biết đều gọi chàng bằng cái tên đó với nhiều ngụ ý — đến đây từ rất sớm. Chàng ngồi yên lặng hằng giờ để ngắm cảnh vật và dòng người qua lại. Chàng có lối hành hương không giống ai. Không nghiêng về màu sắc tín ngưỡng, cũng không mang tính chất tham khảo nghiên cứu. Nói chung là chàng chỉ nhìn và suy nghiệm mọi thứ theo lăng kính và suy tưởng riêng của mình. Khu vườn này Du Tử từng tham quan vào các mùa khác. Hôm nay, chàng đến với tâm trạng của người mong tìm lại dấu chân xưa. Bước đường thiên lý đã đưa chàng đi khắp nơi, chiêm bái hầu hết các Thánh tích Phật Giáo. Mỗi chuyến đi là mỗi lần cảm thụ sâu hơn về cảnh sắc qua tâm ý thức trở về. Nhưng thường cứ khơi dậy trong chàng sự ưa thích tìm cầu khám phá.

Từ buổi khởi đầu cho bước đường du phương lãng tử, Du Tử chưa có một khái niệm gì rõ rệt. Chẳng qua vì tánh hiếu kỳ của tuổi trẻ, ưa thích làm kẻ độc hành dong ruổi cho thoả chí bình sinh. Dù không mang phong cách của người mộ đạo chốn chánh. Nhưng chàng cũng tìm đọc kinh điển Phật để biết thêm về những nơi mình đến, tham khảo với các vị tu hành đạo hạnh. Càng tìm hiểu chàng càng thích thú vui mừng như đứa con đi xa được trở về với ngôi nhà cũ. Chàng tự ví mình như gã cùng tử mà Phật dẫn dụ trong kinh Pháp Hoa, đã tìm ra được đấng cha lành sau bao năm xa cách. Người con vốn mang mặc cảm tội lỗi thấp hèn nên không bao giờ dám nghĩ là sẽ có ngày mình được thừa hưởng cả một kho tàng Phật pháp cao siêu vô giá.

“Này Ông! Sao không đi chiêm lễ quanh trụ đá mà lại ngồi đây. Ông không nhìn thấy là mình làm cản trở bao người khác, khi ai cũng phải bước vòng để tránh đó sao?”

Một người phụ nữ đến bên nói nhỏ làm Du Tử giật mình vội đứng dậy tránh đường:

“Xin lỗi... Tôi đã không để ý.”

“Tôi nói vì nghĩ là ông mãi chiêm bái nên quên, chứ không có ý gì. Xin đừng phiền. Chắc ông mới đến đây lần đầu chứ gì?”

Du Tử mỉm cười không đáp. Lại thật, trời đã xế chiều; từng đoàn người đến hành lễ rồi đi, vậy mà chàng cứ ngồi đây không biết đến mọi khoảnh khắc trôi qua của thời gian. Phải rồi, chàng đang bận chiêm bái Thánh tích và suy tưởng lại một thời đại xa xôi từng hiện hữu trên mảnh đất mang đầy sự tích huyền thoại về cuộc đời của Đức Phật. Thái Tử Tất Đạt Đa đản sanh đúng vào thời điểm này của hơn hai ngàn năm trước. Nơi đây, cây Vô Ưu một ngàn năm bóng trở ra những sắc hoa rực rỡ, cùng bày búp sen hồng vươn

lên từ lòng đất để đón lấy bước chân của bậc Đại Giác vừa xuất hiện ở đời. Và Người đã thốt lên một câu nói để trở thành di ngôn bất diệt cho muôn đời sau: “Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn” (trên trời dưới đất chỉ có mình ta là tôn quý). Có vẻ thần tượng hoá về sự kiện ra đời của Phật, nhưng thời gian đã mặc nhiên công nhận dòng lịch sử ấy, và niềm tin cứ len lỏi dần vào tâm tư của bao thế hệ người đi qua.

Quầy chiếc ba lô lên vai, Du Tử từ từ tiến sâu vào rừng. Những người hành hương thường qua đêm bên mấy ngôi khách sạn nằm ngoài khu vườn. Có người trải bạt, giăng lều xung quanh trụ đá hay đến thờ Ma Da phu nhân để nghỉ lại đêm. Du Tử nghe nói sâu trong khu rừng có nhiều hang động mà từ thuở xa xưa, hay bây giờ thỉnh thoảng có mấy vị đạo sĩ vào đó nhập thiền. Vốn tánh thích mạo hiểm, cũng như ưa sự yên tĩnh vắng lặng, Du Tử muốn tìm chỗ nghỉ ngơi trong hang động nào đó. Sáng sớm mai chàng sẽ trở ra tham bái trụ đá Phật đản sanh một lần nữa (nếu như đêm nay không bị thú rừng hỏi thăm).

Khi màn đêm buông xuống, Du Tử vẫn còn len lỏi trong rừng. Ánh trăng rằm thoát ẩn thoát hiện vì bị những tàng cây cao che khuất, nhưng cũng soi tỏ con đường mòn đầy cỏ dại và gai góc để chàng đi tới. Có tiếng cú rừng kêu văng vẳng, tiếng gió đập mạnh vào các khe đá vang lên một thứ âm thanh rợn rợn nghe như tiếng thú rừng vẫy chết trong những chiếc bẫy vô hình, càng làm cho không gian chìm trong nỗi hãi hùng ghê rợn. Du Tử không cảm thấy lo lắng hay sợ sệt. Chàng đã từng trải qua nhiều khu rừng vắng, lang thang trên những con đường ít người lui tới, nhưng chưa bao giờ đi trong bóng đêm tịch mịch như thế này.

Xuyên qua cánh rừng và bóng trăng, chàng trai đến bên một triền núi thấp. Khi leo lên mấy bệ đá, tìm được nơi bằng phẳng để

ngồi nghỉ, Du Tử nghe có tiếng suối chảy róc rách qua màn sương đêm mờ ảo. Dòng suối từ trên dốc cao đổ xuống, hình thành một khe nước trong vắt như mang cả cảnh sắc và bầu trời đêm soi tỏ vào nơi sâu thẳm của dòng chảy. Chàng đứng lên hít thở thật sâu, rồi kêu lên khe khẽ: "Ồ nơi đây thật là tuyệt diệu. Ta sẽ ngồi tĩnh tâm nơi tảng đá này để ngắm trăng suốt đêm. Các Tổ Sư ngày trước chắc cũng có vị từng đến đây tu tập thiền định."

Du Tử để túi xách sang bên rồi lần xuống suối tắm rửa một chút cho sáng khoái. Vừa ngắm mình trong làn nước mát lạnh, Du Tử vừa đưa mắt nhìn quanh. Dường như mọi cảnh quan của núi rừng đều kết tụ nơi đây. Chàng muốn thu hết mọi thứ vào trong tầm mắt của mình, để cùng thắm lạnh với sương đêm, để nghe rõ mọi thình âm của đất trời trong đêm tịch diệu. Tắm xong, chàng theo ngách đá phía bên kia đi lên và bất ngờ nhìn thấy một hang động. Nương theo ánh trăng, chàng đi vào hang. Bên trong không rộng, lại thông với hóc núi khác. Du Tử lần bước sang bên đó. Cả một cánh rừng hoa và cây trái xanh tươi rậm rạp bỗng nhiên hiện bày ra. Đá núi chập chùng, mây trời thấp thoáng khi gần khi xa. Cũng có ánh trăng soi sáng và dòng suối trong xanh uốn khúc, mà sao phong cảnh nơi đây như chốn thần tiên cõi mộng. Chàng thoáng thấy một bóng người ngồi khuất sau một hóc đá. Hơi e ngại nhưng Du Tử vẫn bước tới. Vị đạo sĩ có râu tóc dài bạc phơ và trang phục như người tiền sử đang tĩnh tọa, chợt mở mắt ra nhìn chàng. Giấy lâu sau khi xả thiền, ẩn sĩ cất tiếng hỏi Du Tử... này giờ vẫn đứng yên:

"Người là ai? sao lại đến được nơi này?"

"Chính con muốn hỏi ngài là ai mà lại ngồi ở đây trong đêm hôm khuya khoắc?"

"A! cái gã du phương lãng tử, người đã đến đây mà còn cao giọng như thế à! Ta ngồi đây suốt hai ngàn năm rồi, chưa từng thấy một bóng người lai vãng. Nay người là người đầu tiên gặp được ta, có thể gọi là nhân duyên hội ngộ."

"Ngài nói sao? Ngài ngồi đây đã hai ngàn năm rồi. Vậy ra ngài là Tôn giả Ca Diếp. Nhưng Tôn giả đang bận thiền định tại núi Kỳ Xà Quật chờ đợi hội Long Hoa của

Phật Di Lặc chứ đâu có ngồi ở chốn này!?"

"Người có vẻ thuộc sử Phật giáo lắm. Nhưng ta chẳng phải là Tôn giả Ca Diếp. Ta là ai người chớ tìm hiểu làm gì. Vì người đã có duyên gặp ta ở đây, nên ta cũng muốn nói mấy lời. Nếu người cứ mãi làm kẻ cứng tử lang thang như thế này thì bao giờ bước vào được ngôi nhà chánh pháp của Như Lai. Phật diệt độ đã hơn hai ngàn năm rồi. Thời kỳ chánh pháp tượng pháp đã qua, còn mạt pháp thì đang tới. Tất cả mọi sự kiện hưng suy đời đời cùng những chuyển biến xáo trộn trong cuộc đời, đã tạo ra nhiều bước ngoặt cho Đạo Phật tồn tại và lan rộng khắp năm châu bốn bể. Con người thời nay ưa tìm cầu nắm bắt những cái hư ảo bên ngoài, nên ra sức nghiên cứu đồ xớ lại bao dấu vết của người xưa. Nhưng họ không chịu hiểu là đạo pháp sâu xa vì diệu nằm ngay trong tâm mình. Mỗi người đều có hột minh châu quý giá cột nơi chéo áo, vậy mà cứ mãi chịu cực khổ tìm kiếm xa xôi..."

"Ồ! Ngài nói y như một diễn giả đang thuyết pháp. Nhưng ngài là người của thời đại xa xưa, lại ở trong chốn hang động như thế này, làm sao biết rõ từng diễn biến của cuộc đời. Như lời Phật nói chúng sanh thời mạt pháp nghiệp chướng sâu dày khó tu khó độ. Còn ngài đại diện cho thời kỳ chánh pháp, chắc hẳn đã nhận di ngôn của Phật mà lưu lại xác thân cho đến ngày nay để làm công việc truyền thừa chánh pháp tiếp độ chúng sanh. Vậy sao ngài vẫn ở mãi nơi này, một mình vui với Pháp thiên duyệt Đạo mầu, mà bỏ quên hết bao tiếng kêu thống khổ của nhân sinh. Như vậy thật trái với lòng từ bi và bốn nguyện của người tu sĩ. Lại nữa, thời đại vẫn minh cần có sự chứng thực rõ ràng về nơi đàn sanh, hành đạo của vị đã sáng tạo ra chơn lý Đạo Phật, như vậy con người mới có đủ niềm tin để xác định phương hướng. Cũng như con đây, từ chỗ ham tìm hiểu vui chơi mà lần lần tin tưởng Đạo Pháp sâu xa. Dù mang hình thức gì đi nữa nhưng biết hướng thiện làm lành, cũng là tốt lắm rồi. Còn sự chứng ngộ thì cần phải có thời gian, tùy theo năng lực và bốn nguyện của mỗi người. Hơn nữa bây giờ..."

Vị ẩn sĩ mỉm cười từ tốn:

"Này! Ta không có ý chê trách gì đâu. Mỗi thời đại, mỗi con người đều có tầm tư tưởng và trọng trách khác nhau. Chỉ sợ vì cách Phật đã lâu xa, giáo pháp tùy duyên sẽ làm mất đi bản sắc ban đầu. Tìm kiếm chân tướng đạo mầu không thể ngạo du mãi ở chốn sơn cùng hải tận. Dấu chân Phật Tổ nằm sẵn trong tâm niệm mỗi người. Đành rằng pháp môn thì vô tận, nhưng con đường quy tâm trước sau cũng chỉ có một. Thôi... trời sắp sáng rồi, người nên quay về. Bình minh sẽ toả rạng trước khi người trở lại được Quê nhà. Đừng nghĩ là ta không thiết gì đến sự thống khổ của thế gian. Cũng bởi nhân loại ngày nay mãi đua chen trong vòng danh lợi phù hư, thì làm sao thấy được tâm nguyên tử bi của Bồ Tát luôn có mặt khắp nơi để cứu người giúp đời. Nay ta chỉ muốn nhắn nhủ với người cùng tất cả mọi người rằng: Hãy luôn lau chùi và gìn giữ hạt minh châu sáng rỡ trong tự tâm của mình. Mọi bóng sắc bên ngoài dù tốt dù xấu cũng dễ làm cho ta mê lầm hoan lạc trong nẻo thường tình... mà quên mất mọi phương hướng quay về..."

Du Tử trở lại vườn Lâm Tỳ ni. Chàng theo dòng người đi nhiều quanh trờ đá. Trời nắng nóng quện hòa theo mùi hương khói nhập nhoà, nhưng lòng chàng thật sự mát dịu trong âm vang của núi rừng đang vào hạ. Một đêm trải qua bên khu rừng lạnh, chàng không rõ mình đang bước vào cõi thực hay mơ. Tĩnh dật bên một khe đá hẹp, giữa vầng trăng thanh và dòng suối trong veo lắng đọng, Du Tử vẫn còn mang cảm giác bồi hồi xao động. Vị ẩn sĩ đã đi rồi hay người không thực sự hiện hữu nơi này; Người chỉ ẩn hiện trong tiềm thức, để cho một kẻ rong ruổi như chàng chợt nhận ra được dấu chân thực sự lâu nay của mình. Chàng đang trở lại mái nhà xưa, hay vẫn tha phương tìm kiếm bao chân trời mới lạ. Trước lúc bình minh, Chàng sẽ tìm ra được câu trả lời. Chàng quay về khu vườn đàn lễ nơi đàn sanh của Đức Từ Phụ rồi lại ra đi.

Chơn lý Đạo mầu bừng ngộ sau một đêm tĩnh thức, trong từng âm thanh thâm diệu của núi rừng.

The Story of Thera Nangalakula

Dhammapada, Verses 379 & 380

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verses (379) and (380) of this book, with reference to Thera Nangala.

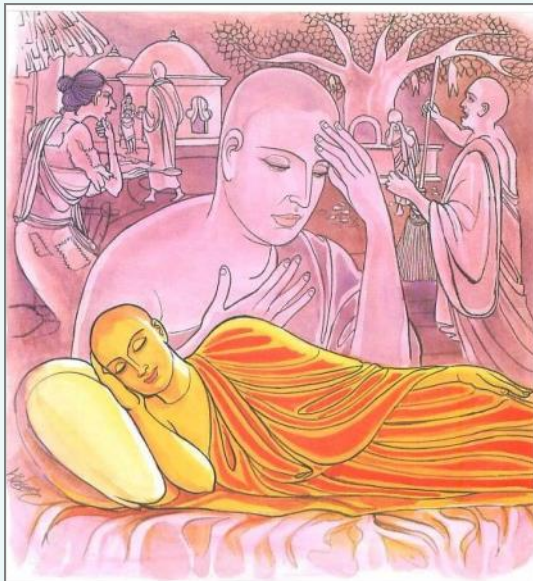
Nangala was a poor field labourer in the service of a farmer. One day, a bhikkhu, seeing him ploughing a field in his old clothes, asked him if he would like to become a bhikkhu. When he replied in the affirmative, the bhikkhu took him along to the monastery and made him a bhikkhu. After the admission to the Order, as instructed by his teacher, he left his plough and his old clothes in a tree not far away from the monastery. Because the poor man had left his plough to join the Order, he was known as Thera Nangala (nangala = plough). Due to better living conditions at the monastery, Thera Nangala became healthier and soon put on weight. However, after some time, he grew tired of the life of a bhikkhu and often felt like returning to home-life. Whenever this feeling arose in him, he would go to the tree near the monastery, the tree where he had left his plough and his old clothes. There he would reproach himself saying, "O you shameless man! Do you still want to put on these old rags and return to the hard, lowly life of a hired labourer?" After this, his dissatisfaction with the life of a bhikkhu would disappear and he would go back to the monastery. Thus, he went to the tree at an interval of every three or four days, to remind himself of the wretchedness of his old life.

When other bhikkhus asked him about his frequent visits to the tree, he replied, "I have to go to my teacher." In course of time, he attained arahatship and he stopped going to the tree. Other bhikkhus, noticing this, asked him teasingly, "Why don't you go to your teacher now?" To those bhikkhus, he replied, "I used to go to my teacher because I had need of him; but now, I have no need to go to him." The bhikkhus understood what he meant by his answer and they went to the Buddha and reported, "Venerable Sir! Thera Nangala claims to have attained arahatship. It cannot be true; he must be boasting, he must be telling lies." To them the Buddha said, "Bhikkhus! Do not say so; for Nangala is not telling lies. My son Nangala, by reproaching himself and correcting himself, has indeed attained arahatship."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 379: O bhikkhu, by yourself exhort yourself, and examine yourself; thus guarding yourself and being mindful, you will live in peace.

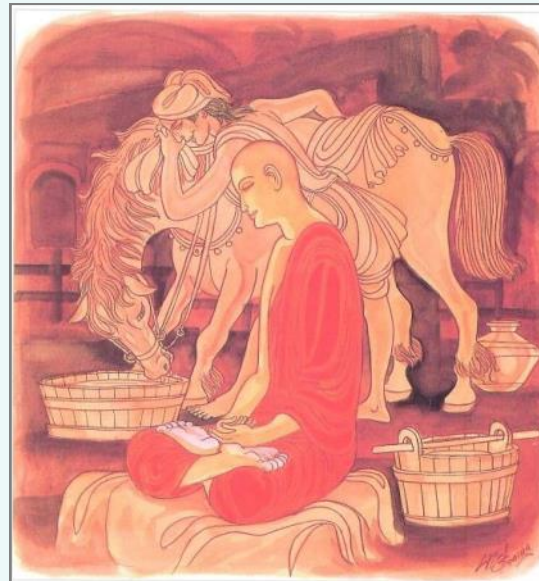
Verse 380: One indeed is one's own refuge, (how could anyone else be one's refuge?) One indeed is one's own heaven; therefore, look after yourself as a horse dealer looks after a thoroughbred.



Exhort yourself, month after month, live mindfully and self-guarded. You'll indeed be happy.

379. *Attanā cōday'attānañ
paṭimsā attam attanā
sō attagūṭhō satimā
sukham bhikkhu viññhisi.* (25:20)

By yourself exhort yourself!
By yourself restrain yourself!
So mindful and self-guarded too,
happily, bhikkhu, will you live.



You lead yourself, you guide your way. Control your own self like a merchant his good horse.

380. *Attā hi attanō nāthō
attā hi attanō gati
tasmā sarīhamay'attānañ
assam bhadrarī'va vāṇijō.* (25:21)

Oneself is refuge of oneself
and one is haven for oneself,
therefore one should check oneself
as merchant with a splendid horse.

VŨ TRỤ KHÔNG TẬN CÙNG

TRÊN ĐỈNH NON CAO

*Trên đỉnh núi nhìn trời cao mây rộng,
Vũ trụ bao la, mênh mông không cùng
Bỗng nhiên thấy kiếp nhân sinh bé bỏng
Đến và đi cùng trong một hư không.*

MỘT LÀ TẤT CẢ

*Chung quanh ta cảnh thiên nhiên vô tận
Biển, sông, hồ, và rừng núi chập chùng
Giác ngộ Chân Lý MỘT LÀ TẤT CẢ
TẤT CẢ LÀ MỘT, trong vũ trụ không tận cùng.*

THẾ GIỚI VÔ THƯỜNG

*Thế gian luôn biến động vô thường
Hữu hình, hữu hoại vô cùng mong manh
Đất Nước Gió Lửa lưu chuyển mênh mông
Năm Ấm vô ngã tận cùng diệt sinh.*

SANH-TRỤ-HOẠI-DIỆT

*Pháp thế gian Sanh-Trụ-Hoại-Diệt
Như sương tan tuyết rụng trên cành
Như làn mây trắng mong manh
Như ngàn bọt biển tan vào đại dương.*

THẾ GIỚI ẢO ẢNH

*Vạn vật quanh ta đều do duyên hợp
Không có gì bản ngã tự thành
Thế giới Thành-Trụ-Hoại-Không
Chỉ như ảo ảnh tan vào hư vô!*

VẠN VẬT CHUYỂN BIẾN

*Vạn vật đó không một chi tồn tại
Cùng không gian nhưng chẳng mát về đâu
Chỉ chuyển biến theo nghiệp duyên đã tạo
Tự xếp theo một CHÂN LÝ nhiệm màu.*

ĐỊA ĐÀNG TRONG VŨ TRỤ

*Dù trần thế có vô thường, biến động
Cây bốn mùa vẫn thay lá thay bông
Địa cầu xanh vẫn luân hồi sự sống
Là địa đàng trong vũ trụ không tận cùng.*

VŨ TRỤ NHIỆM MÀU

*Trong vũ trụ, tinh tú trùng trùng, điệp điệp
Chuyển động trong hư vô không điểm cùng
Thế gian vòng Sanh-Trụ- Hoại-Diệt
Luân hồi nhiệm màu trên trái đất mênh mông.*

TÂM Ý BÌNH THƯỜNG

*Khi hiểu rõ thế giới luôn biến động
Nhìn cuộc đời bằng Tâm Ý bình thường
Tâm không ô nhiễm, không khổ, không vương
Bao nhiêu phiền não tan vào hư không.*

CHỈ MỘT CHÂN TÂM

*Trong vũ trụ, hư không là năng lực
Hư không là sức mạnh của hữu hình
Tâm định tĩnh phát sanh trí tuệ
TẤT cả quay về MỘT CHÂN TÂM.*

CHÂN TÂM CÓ TRONG TA

*Chân Tâm thì vô hình vô tướng
Là Phật Tâm, Tánh Biết, Chơn Như
Chân Tâm bất diệt bất sanh
Thường hằng sáng suốt...
... TRONG TÂM MỌI NGƯỜI.*

thơ HOÀNG THỰC UYÊN





VĂN HỌC / NGHỆ THUẬT

Cởi trời

(tức **Phương Trời Cao Rộng 4**)

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG CHÍNH

(tiếp theo)

Về phòng giam, tôi là người ăn cơm sau cùng. Mọi người đang nghỉ trưa. Ăn xong, tôi giảng mừng mà không ngủ được. Cứ suy nghĩ vẩn vơ về những lời thổ lộ chân tình của Tri cũng như hình ảnh Thiện Đặc xách giỏ đi về. Có một cái gì buồn buồn thấm vào tim tôi theo làn gió buổi trưa chốc chốc làm lung lay nhẹ nhẹ cái mừng. Tôi như một người bị mất bạn, hay như một người chết bị bỏ lại một mình trong nghĩa địa sau cái đám tang rình rang những người thân và người phúng điếu. Hôm nào được tự do trở về, có lẽ tôi sẽ tìm được Thiện Đặc ở căn nhà trên đường Nguyễn Thiện Thuật. Còn Tri, anh chàng cán bộ Hà Nội làm cái ngành dữ tợn tráo trở không thích hợp với cá tính kia, về tới Hà Nội là chìm lìm trong giàn máy, làm gì có cơ hội để gặp lại! Ôi, những người bạn trẻ đầy nổi bần khoan thao thức cho tương lai đất nước! Phải

chẳng chúng ta chỉ có thể nói với nhau đôi lời để ngâm ngùi, để thầm khóc, thầm uất nghẹn, rồi thôi? Và giàn máy cứ tiếp tục quay, tiếp tục nghiền nát bao nụ chồi xanh tươi? Còn có gì để nhẩn nhủ với nhau nữa chẳng?

Nằm một lúc thì keng báo thức đã vang lên từng hồi khô khan, chói tai. Phòng giam chợt rộn lên. Ai nấy lo thu dọn mùng chiếu theo nội qui. Tôi đang rửa mặt thì nghe tiếng vỗ tay bôm bốp. Lại có cán bộ vào.

"Vĩnh Khang, ra làm việc," cán bộ cầm mẫu giấy gọi lớn.

Tôi bước vội ra ngoài. Quái lấy áo quần đưa ra phía cửa sổ cho tôi mặc thật nhanh để đi theo viên cán bộ.

Ra đến khu vực văn phòng trai, tôi lại gặp Phương. Phương nhoen miệng cười với tôi, nói:

"Trường vụ của anh đã xong hồi sáng rồi chứ. Không biết sao chiều nay đồng chí ấy lại quay trở lại. Anh đứng đây chờ một chút há, đồng chí ấy sẽ ra ngay."

Phương vừa dứt lời đã thấy Tri từ phía căn phòng khi sáng chúng tôi ngồi nói chuyện bước vội về hướng tôi. Đến sát bên tôi, Tri nói nhỏ:

"Mình ra ngoài phòng ấy đi," nói rồi Tri bước trước, tôi bước theo sau.

Vào phòng rồi, Tri đứng tận gần nhìn ra ngoài trời một chốc rồi đóng cửa chính lại, mở hé cửa sổ phía sân trại, mở toang cửa sổ phía đường cái. Trở lại bàn, Tri vừa ngồi xuống vừa nói:

"Tôi bảo ông Tuấn về trước bằng xe cơ quan ngay buổi xế hôm nay, còn tôi thì đến sáu giờ chiều mới đi bằng tàu hỏa ra Nha Trang có chút việc, sau đó mới ra ngoài Bắc. Như tôi có nói, tôi muốn ghé thăm ông bà cụ của anh. Anh Khang cần nhắn gởi gì không? Giấy bút với phong bì này, anh viết đi, viết tự do những gì anh muốn, tôi sẽ mang ra cho ông bà cụ."

Tôi lắc đầu, cảm ơn.

"Anh Khang vẫn chưa tin tôi sao?"

"Không phải vậy. Tôi... tôi

không muốn lợi dụng bất cứ cái tình riêng nào để rồi phiền lụy đến người khác."

Tri bật cười:

"Anh tưởng rằng mấy người cán bộ ở trại này dám lục xét tôi sao?"

"Không phải... nhưng..."

Tri cúi giầy bút vào tay tôi:

"Thôi, không nhum nhị gì cả, viết đi, viết vài dòng cho ông bà cụ thấy được tuồng chữ của anh mà yên lòng. À, vừa viết vừa uống cà phê đi nhé. Trời nóng quá nên tôi mua cà phê sữa đá."

Vẻ chân tình của Tri khiến tôi không ngần ngại nữa, cầm bút viết ngay vài dòng cho ba mẹ tôi. Viết xong tôi đưa cho Tri nguyên trang giấy không xếp lại, ngầm ý rằng Tri có thể đọc kiểm duyệt, nhưng Tri không đọc; anh xếp vội lá thư, bỏ vào bì rồi tự anh liếm phong bì, dán kín lại, đẩy phong bì đến phía tôi:

"Anh để bì luôn."

Tôi cảm động, cúi xuống viết lên bì rồi đưa Tri:

"Cám ơn anh."

Tri xoa tay, nói:

"Anh còn muốn nhắn gì thêm ngoài lá thư này không?"

"Không, nhưng tôi muốn biết một điều, chẳng biết anh có thể nói thực tôi nghe không?"

"Anh cứ tự nhiên."

"Hồi trưa tôi thấy Thiện Đặc xách giỏ bước ra khỏi khu trại, có phải anh ấy được về không?"

"Phải, anh ấy được trả tự do. Thì cũng nhờ cái bản tự khai của anh xác nhận rằng chuyện tự thiêu là do anh chứ không có Thiện Đặc dính vào. Tôi tức tốc lo giải quyết vụ đó ngay, đây là ý kiến của anh mà, phải không?"

"Phải, cám ơn anh."

"Có gì đâu. Thực ra chuyện Thiện Đặc bị bắt cũng là cái chuyện tầm phào của công an Sở thành phố Hồ Chí Minh. Họ chỉ làm cho có chuyện, làm để chứng tỏ sự tích cực trong dịp 30 tháng 4 mà thôi. Bỏ qua chuyện đó đi, mình nói chuyện khác há. Anh Khang còn muốn nói gì với tôi trước khi chia tay không?"

Tôi mỉm cười, chưa biết nói gì.

Tri đưa thuốc mời tôi. Chúng tôi im lặng hút thuốc, uống cà phê. Nắng buổi chiều chiếu xiên vào cửa sổ phía sau lưng tôi, tạo một ô ánh sáng hình chữ nhật dưới đất, phản chiếu lên khuôn mặt Tri, cho thấy cái vẻ bịn rịn tội nghiệp của anh chàng cán bộ miền Bắc xa xôi này. Anh nhắc ly cà phê lên uống, đôi mắt lớn nhìn

tôi như muốn khẩn cầu một điều gì. Một lúc, anh nói:

"Ở ngoài Bắc, tôi không có bạn," ngưng một lúc, anh tiếp, "chỉ có các đồng chí."

Tôi cười nói:

"Ở trong Nam này, tôi lại có rất nhiều bạn nhưng khá ít người đồng chí."

"Như thế tốt hơn chứ, phải không? Đồng chí chỉ quan hệ với nhau qua công tác và một thứ lý tưởng nào đó, còn tình bạn thì thường khi khởi đầu bằng cái chân tình hay cái xúc cảm về... về cái... gì nhỉ?"

"Xúc cảm đồng phận," tôi tiếp lời, rồi bỗng cảm xúc nói luôn một hơi, "chúng ta sinh ra trên đất nước này là để lớn lên trong cái đồng phận khốn khổ của tuổi trẻ quê hương... để rồi từ cái đồng phận khốn khổ mù lòa ấy, chúng ta cố tình hủy diệt nhau, vô tình chém giết nhau..."

"À, phải rồi, đồng phận, đồng phận, chữ hay quá. Tuổi trẻ Việt Nam có mặt một cách mù lòa, vô cảm theo chứng di truyền bệnh hoạn của một lũ người lớn cuồng si điên loạn..."

Nói đến đó, Tri hơi cúi mặt xuống, kéo dài một hơi thuốc, phả khói với đôi mắt lim dim, mặt đỏ lên như một anh chàng say, nói tiếp với giọng rưng rưng:

"Anh Khang ơi, anh có hiểu được nỗi khổ của tôi, của một người quý mến anh, cảm phục con đường anh chọn, nhưng phải ghi xuống trên văn bản những lời buộc tội anh không?"

Tôi cười:

"Đâu phải lỗi anh. Anh không lấy cung thì có người khác lấy cung. Huống gì tôi đâu hối tiếc về việc làm của tôi."

Tri thở dài. Phà khói thuốc. Khói thuốc cuộn cuộn nổi lên theo luồng nắng.

"Nếu anh Khang cũng sinh ra và lớn lên ở ngoài Bắc như tôi, không biết anh sẽ ra sao nhỉ? Anh có giống tôi không? Anh sẽ làm gì anh nhỉ?"

"Tôi sẽ bỏ chùa đi làm cách mạng."

"Ngoài Bắc không có tu sĩ trẻ như anh đâu, chỉ có mấy sư cụ bảy tám mươi tuổi, làm kiếng cho chính sách tự do tôn giáo của chế độ thôi. Anh không thể là tu sĩ đâu. Anh là một thi sĩ, một văn sĩ, hay là một cán bộ của nhà nước, như tôi vậy thôi. Vậy rồi anh làm gì,

nói gì, nghĩ gì?"

"Lên đường làm cách mạng."

"Anh sẽ chết anh Khang ạ."

"Vâng, tôi sẽ chết, giống như bây giờ, tôi cũng sẽ chết."

Tri nhìn sống tôi một lúc, rồi gật đầu nhẹ, mắt nhìn ra cửa sổ, suy nghĩ gì đó, một lúc, anh nói:

"Nhìn tướng anh thấy hiền, mà sao anh cứng rắn, liều mạng quá. Tôi... chuyện này về Bắc chắc tôi bị lây cái tính của anh! Không chừng một ngày nào đó tôi với anh Khang gặp nhau trong trại giam này với tình đồng chí, đồng nghiệp đó nghe."

Chúng tôi cùng cười.

"Anh Khang à, khi trưa tôi có đi một vòng quanh chợ, mua cái này làm quà cho anh," nói rồi, Tri đứng dậy lôi từ góc tủ ra một cái giỏ đựng cỡ nhỏ nhưng có vẻ khá nặng. "Đây chẳng có gì nhiều, chỉ là chút quà tôi biểu anh để gọi là tỏ lòng quý mến thôi. Nếu anh có thể xem tôi như một người bạn, xin anh vui mà nhận cho."

Tôi xoa tay nói:

"Không được. Tôi không nhận đâu. Tình bạn thì nhận, còn quà này xin anh miễn cho."

"Sao thế anh Khang? Anh không nhận tôi buồn lắm. Đây là của tôi biểu anh, có phải đâu là của đảng hay nhà nước. Quên phút cái giàn máy, quên phút đi cái chuyện tôi là cán bộ, anh là phạm nhân... nếu chúng ta là bạn, thì chút quà này chẳng phải là điều biểu lộ bình thường tự nhiên sao?"

"Không được. Tôi chẳng hiểu tại sao không được, nhưng tự trong lòng, tôi thấy rút ruột khó chịu như thế nào đó. Tóm lại là tôi không thấy thoải mái để nhận giỏ quà của anh. Cám ơn anh và xin lỗi anh vậy."

Tri chưng hửng một lúc rồi nói:

"Hay anh ngại sự dị nghị của bạn tù trong phòng giam?"

"Ồ... hình như đó cũng là một trong những lý do. Tôi không muốn công khai nhận một tình bạn mới-quà món quà vật chất-để đánh đổi bao nhiêu tấm lòng của những người bạn cùng cảnh ngộ. Cái tình bạn giữa anh và tôi... chẳng có thể giải thích được với ai. Thôi thì âm thầm ghi nhận. Không cần biểu lộ bằng cách này. Từ sáng đến giờ nói chuyện với anh khá nhiều, tôi đã hiểu được phần nào cá tính, tâm trạng và tấm lòng của anh. Vậy đủ rồi anh Tri ạ."

Tri gục gặc nhưng mặt cũng buồn dàu dàu:

"Thôi thì theo ý anh vậy. Anh Khang, thôi mình chia tay. Anh giữ gìn sức khỏe nhé," nói rồi Tri đứng dậy, đưa một tay ra bắt tay tôi. Anh xiết chặt tay tôi một lúc.

"Chào anh. Thượng lộ bình an nghe," tôi nói.

Tri bỏ giỏ quà lại trong phòng đó, tiễn tôi bằng qua sân trại để hướng về phía dãy văn phòng chính. Đi một khoảng ngắn, Tri dừng lại, ngập ngừng một lúc rồi nói nhỏ:

"Anh Khang à, nếu một ngày nào đó họ đưa anh ra xử án mà kết án tử hình... anh nhớ xin chống án nhé. Vì theo kinh nghiệm nghề nghiệp, tôi biết rằng nếu bị can xin chống án thì thường thường là được giảm án. Anh phải sống, anh Khang à. Đôi khi trong cuộc đời, mình cũng phải làm bộ yếu mềm, nhu nhược đi một chút mới tồn tại được để tiếp tục con đường mà mình chọn lựa. Cách duy nhất để tồn tại trong xã hội này là phải dối. Từ trên xuống dưới, từ dưới lên trên, đều phải dối nhau, giả đồ tin tưởng nhau mà sống. Anh không sống được bằng cách đó thì cũng nên tự cho phép mình một lần vào dịp chống án đó, nhé anh."

Tôi mỉm cười, gật đầu, nhưng không chắc là mình gật đầu ứng thuận về cái gì.

Đưa tôi đến thềm hiên, giao tôi cho Phương xong, Tri quay ra phía căn phòng khi nãy. Tôi đứng lại bên thềm hiên nhìn mây trắng bay qua khoảng trời xanh rộng bát ngát. Chỉ một lúc ngắn thì đã có anh chiến sĩ bảo vệ bước ra, dẫn tôi về lại phòng giam.

Chờ tôi cởi bỏ áo và quần dài ra rồi, anh trưởng phòng trở tới tôi, hỏi:

"Sao, bữa nay đã kết thúc chưa? Thiết tình chưa thấy ai bị kêu ra làm việc nhiều như thầy. Chúng nó quần ông thầy cả mấy tháng, hết đợt này tới đợt nọ. Thầy đạt kỳ lục khai cung của trại giam rồi đó."

"Có lẽ bữa nay bắt đầu yên, chỉ còn chờ đưa ra tòa nữa thôi."

Tôi vừa dứt lời đã nghe tiếng vỗ tay bôm bốp. Lại có cán bộ vào. Phòng giam im lặng chờ đợi. Khoa bước đến chỗ lồng khung, theo sau là một anh nuôi xách một cái giỏ đệm. Khoa đảo mắt nhìn quanh phòng một lúc rồi nói:

"Anh Khang, có gia đình thăm nuôi đột xuất," nói rồi Khoa mở cửa cho anh nuôi đưa cái giỏ vào trong.

Khoa đi rồi, phòng giam nhốn

nháo cả lên.

"Rồi, ông thầy lại có thăm nuôi!"

"Sao lại thăm đột xuất vậy ta? Tháng trước ông thầy đã được thăm nuôi thì gia đình phải biết thể lệ thăm nuôi là vào ngày 15 với 30, vậy sao lại thăm đột xuất?"

"Thôi, thắc mắc mà làm gì, ông ấy có thăm nuôi thì mừng cho ông ấy!"

Tôi lẳng lặng bước đến chỗ giỏ quà, nhìn thoáng là biết ngay giỏ quà của Tri đã đưa tôi khi nãy. Tôi chỉ đứng nhìn cái giỏ chứ không xách mang về chỗ của mình, cũng chẳng đụng vào nó. Tôi đứng lưỡng lự một lúc rồi nói:

"Cái giỏ này đột xuất có nghĩa là cái giỏ mà tôi không chờ đợi. Vậy tôi biểu hết cho mấy anh em chưa có thăm nuôi," nói rồi tôi quay về chỗ tôi.

Cả phòng reo lên. Anh trưởng phòng chạy lại bên tôi, hỏi lại:

"Sao, vậy là sao? Làm cái gì kỳ cục vậy? Sao không nhận quà chứ?"

"Nhận rồi đó, nhận rồi biểu lại. À, hay anh giúp tôi phân chia giỏ quà ấy cho mấy người chưa có thăm nuôi, được không? Anh làm trưởng phòng thì anh làm chuyện đó hay hơn ai hết mà!"

Trưởng phòng nói:

"Thiết sao?"

"Thiết, giúp tôi đi."

Vậy là anh trưởng phòng tập hợp mấy người "mổ côi" lại, chia đều cái giỏ. Phòng giam bấy giờ chỉ còn ba người chưa có thăm nuôi. Chia xong, anh trưởng phòng trở lại chỗ tôi, nói:

"Nè, bộ của cô nào tặng hay sao mà không dám nhận, nhận thì sợ lụy tình sao chớ? Hi hi, nói giỡn với thầy chơi chứ không có ý gì đâu. Mấy chàng mồ côi vui dữ, tự nhiên lại trúng mảnh. Có một hủ chao, một bình nước tương, một bịch đường cát trắng, một kí đường tán vàng, một kí muối bột, lại có cả sáu gói thuốc Sông Cầu với nửa cây thuốc rê Tam Hiệp. Ông Lực với thằng Tân thì chia nhau mấy gói thuốc Sông Cầu, còn thằng Ken thì ôm trọn nửa cây thuốc rê. Đã quá. Không phải gia đình của thầy thăm, phải không? Ừ, tôi cũng đoán vậy, vì quà thăm nuôi không

giống như tháng trước. Kỳ này mua đồ của chợ Biên Hòa thôi mà."

Tôi không nói gì, sửa soạn ăn cơm chiều.

Sau khi điểm danh, cửa sắt đóng lại, đèn phòng bật lên, bỗng thấy Ken lần dò đến bên cạnh tôi, dúm vào tay tôi một mẩu giấy, nói nhỏ:

"Thầy Khang à, có một mẩu giấy nhét trong thuốc rê, chắc của gia đình nhắn tin với thầy đó. Thầy cầm đi, coi chừng có đứa biết nó báo quản giáo đó."

Tôi vo mẩu giấy trong tay, vờ đi vòng vòng trong phòng giam một chặp rồi đến bên cửa sổ, đứng yên một lúc cho không ai để ý mới mở ra, đọc dưới ánh mờ của một ngọn đèn ngoài hiên hắt đến.

"Anh Khang, xin lỗi anh nhé, tôi muốn anh nhận gói quà này. Tư tay tôi đi chợ mua sắm lấy để biểu anh, lẽ nào anh từ chối. Tôi nói với ban trực trại là của gia đình anh nhờ tôi mang vào giúp. Dĩ nhiên là họ không thể không nhận. Thế thì anh cũng vui lòng nhận cho tôi vui nhé. Cho dù cái giàn máy có nghiền nát tôi ở miền ngoài, tôi vẫn luôn nhớ rằng tôi có một người bạn rất cao đẹp ở miền trong, một người con chí hiếu của quê cha đất mẹ chứ không phải của bất cứ chế độ nào. Và dù thế nào đi nữa, tôi vẫn luôn tin tưởng rằng tương lai đất nước là của tuổi trẻ chúng ta. Mong ngày hội ngộ. T."

Tôi vo mẩu giấy lại, nói thầm: "Vâng, tương lai đất nước là của những người tuổi trẻ chúng ta."

Tôi bước đến tìm Ken:

"Anh Ken, cho tôi một điều thuốc rê đi."

"Đây nè, thuốc này của thầy cho tôi, thầy muốn lấy bao nhiêu lại chẳng được, lấy nguyên nửa cục này đi."

"Không, một điều thôi, một điều để khỏi phụ lòng một người bạn phương xa."

Rồi tôi đứng bên cửa sổ, phà khói thuốc vào màn đêm.

(còn tiếp)



Hai con cọp tinh ở Hoàng Sơn

Soạn giả: THÍCH MINH CHIỂU

(Truyện Cổ Phật Giáo)

TRUYỆN TÍCH PHẬT GIÁO

Đời đường bên Trung Hoa, ở vùng Mân Trung có một xứ sĩ tên là Mã Thừa. Mã Sinh tánh thanh thoát nhàn tĩnh, ưa ngao du ở nơi danh lam thắng cảnh, dù trèo non vượt suối cũng không ngại gian lao. Trong niên hiệu Trường Khánh, Mã sắm sửa hành trang đem theo một đứa tớ, đến du ngoạn các cảnh đẹp ở Hoàng Sơn. Nghe nói nơi ngọn Chúc Dung có một ngôi chùa cổ, khi xưa vốn là Đạo Tràng của Phục Hồ Thiền sư, cảnh trí bốn bề rất nên u nhã, Mã liền lần hỏi sơn dân tìm đường đến thăm viếng.

Một buổi xế ngọ, Mã cùng đứa tớ đã đi bước đến đạo tràng ngọn Chúc Dung. Tuy lộ trình khó nhọc, nhưng nhờ gió non phất phơ, thanh khí mát mẻ, xung quanh cỏ thụ xum xuê, nhìn xa xa núi đồi thấp cao trùng điệp, chim hót véo von đường chào hỏi, hoa tươi muôn sắc tợ đón cười, thầy tớ cơ hồ như quên cả mệt mỏi. Đi lần vào trong, thấy ngôi chùa xưa đã hư đổ gần phân nửa, một vị lão Tăng tướng mạo khô vĩ, tóc mày đều bạc, mừng rỡ bước ra đón chào lên viếng Đại Hùng Bảo điện. Mã sinh thấy nơi bàn Phật có ba chiếc hốt bằng bạc. Hành lễ xong, thầy trò được lão Tăng đưa xuống nhà hậu uống trà. Giải lao giây lát, vị Tăng bảo:

"Ở đây duy có một mình tôi đơn chiếc, xin ông tạm nghỉ nơi liêu sau và cho tôi nhờ đứa tớ xuống chỗ quán gần huyện đây mua chút ít tương muối".

Mã Sinh vui lòng chấp thuận, đứa tớ cầm tiền ra đi, vị lão Tăng cũng có việc bên ngoài vắng mặt. Nằm nghỉ độ nửa giờ, Mã Thừa bước ra ngoài định đi dạo quanh, thì vừa gặp sơn dân tên Mã Chiếu cũng mang một mình lên non viếng cảnh. Cả hai cùng mừng rỡ hỏi han. Chiếu bảo Thừa rằng:

"Tôi lên đến lưng chừng núi bỗng thấy con cọp đi rồi mới vội vã lên đây".

Thừa gạn hỏi cách phục sức của người đó, nghe Chiếu tả lại hình dạng, biết là đứa tớ của mình, trong lòng bỗng nhiên thê thảm. Chiếu lại nói:

"Từ xa tôi thấy cọp trắng sau khi ăn thịt người, liền trút bỏ lớp da ngoài, hoàn lại hình người mặc chiếc áo nhà Thiền, nghiêm nhiên là một vị lão Tăng".

Mã Thừa nghe nói lại càng kinh khủng.

Đang khi nhỏ to trò chuyện, vị lão Tăng ở bên ngoài về đến Mã Chiếu cả sợ bảo:

"Thôi đứng là lão này rồi!"

Mã Thừa bắm tay bạn, ngấm bảo nên trấn tĩnh. Đợi lúc vị lão Tăng đến gần, Thừa liền lựa lời dò hỏi rằng:

"Anh bạn tôi vừa thuật lại có người ở lưng chừng núi bị cọp ăn thịt, việc ấy Sư có biết chăng?"

Vị Tăng lộ nét giận bảo:

"Ở cảnh của bàn đạo đây, núi chẳng cọp beo thú dữ, cỏ không rắn rết trùng độc, cho đến rừng cũng vắng bóng ác điều như loài chim cú, chim mèo. Đó là lời đồn đãi của những kẻ nông nổi mà thôi!"

Thừa lặng lẽ quan sát, thấy nơi khoé miệng vị lão Tăng còn ứa máu tươi, lòng đã tin chắc, liền thác cổ nói rằng:

"Bây giờ trời đã hoàng hôn, chúng tôi đi đường xa mệt mỏi, xin phép vào nhà sau an nghỉ, rạng ngày sẽ hầu chuyện".

Đoạn hai người đem hành trang vào hậu trường, nhìn quanh thấy đây là nhà trai. Nơi bàn giữa có thờ cốt tượng một vị Tăng mày trắng rù dài, nơi vách trên đề câu: "Nam mô Giám Trai sứ giả Tân Đầu Lô Phả La Đạo Xà Tôn Giả".

Cả hai liền gài đóng cửa chắc chắn, khiêng bàn tấn chặt thêm cửa sau trước, đốt ngọn nến sáng để ở chỗ thờ Tân Đầu Lô A La Hán. Xong, mới lấy lương khô ra ăn, rồi cùng thì thăm bàn luận: "Đây tất con cọp bạch lâu năm đã thành tinh. Chắc mấy vị Tăng khi trước ở chùa này đều bị nó ăn thịt cả, sau nó mới hóa thành hình sa môn để gạt người. Những du khách lên viếng cảnh, có thể đã nhiều kẻ bị mất mạng vì nó. Cái chết đã đến gần, chúng ta chớ nên ngủ, phải cùng nhau bàn định để thoát qua tai nạn này".

Lần bản đã gần nửa đêm, cả hai tính chưa ra kế, bỗng nghe từ phía trước rồi đến sau, có tiếng va vào cửa rầm rầm. Biết là cọp tinh muốn phá cửa vào ăn thịt, hai người kinh hoàng vội chạy đến đốt hương nơi bàn thờ, cùng quỳ xuống chấp tay niệm danh hiệu Đức Tân Đầu Lô Tôn Giả cầu xin cứu độ. Chí thành niệm được một lúc lâu bỗng nghe từ pho tượng có tiếng ngâm chậm rãi nho nhỏ rằng:

*"Người Dẫn sẽ đắm trong thành nước
Gã Ngộ nên chia hướng cần Kim
Nếu như đặc Tiến thêm gương ná
Tướng dữ đi sau bị tổn tim".*





Vì cửa rất chắc cộp tinh không vào được, nên tam thối lui. Trong khi đó hai người duy để hết tâm cầu nguyện, quên cả ngoại duyên. Đến chừng nghe rõ bài kệ, dò lắng bên ngoài thấy yên, mới cùng nhau bàn giải rằng: “Người Dần - Dần thuộc về hành chi Hổ, tức chỉ cộp tinh hoá thành người. Thành nước - nước có thành quách xung quanh, đó là nước giếng. Gã Ngọ - Ngọ là ngựa, tức chỉ cho chúng ta vì đều là họ Mã. Hướng Cấn Kim - chữ Cấn đứng bên chữ Kim, thành chữ Ngân. Đó là ý bảo chúng ta phải chia thứ gì bằng bạc. Còn hai câu sau, hai người không thể giải thích được.

Sáng ra gần đến trưa, có tiếng vị lão Tăng gọi đi ăn cháo. Không còn lòng dạ nào để ăn uống, mà ở mãi trong nhà khách cũng bị chết đói, bất đắc dĩ cả hai phải mở cửa ra ngoài. Mã Chiêu than thở:

“Tinh thể này chúng ta không thể liễu lĩnh xuống núi, vì sợ nó hoàn hình đón đường vật chết!”

Mã Thừa nhìn quanh thấy cái giếng bên nhà trai, chợt động tâm cơ bảo:

“Thôi đúng rồi, Tôn Giả mách bảo chúng ta như vậy...”

Liền đó hai người tới giếng, gọi to lên rằng:

“Sư lại đây xem dưới giếng có cái chi lạ lắm”.

Lão Tăng đến nơi nhìn xuống, bất ngờ bị hai người xô xuống giếng, rồi cả hai cùng khuan tảng đá lớn liệng bồi thêm. Kết cuộc lão Tăng chết đầm dưới giếng hoàn thành hình con cộp bạch nổi lên. Hai người rành mối bận tâm, vào chùa tìm thức ăn thấy ba cái hốt bằng bạc nơi bàn Phật, nhớ lại lời kệ, liền thâu lấy rồi cùng xuống núi.

Đi đến nửa đường, trời đã sấm tối. Cả hai gặp một người thợ săn đón lại bảo:

“Đêm đã đến, đường xuống núi e có nhiều thú dữ. Phía trước tôi đã đặt bẫy, xin hai ông tạm lên chòi gác ở với tôi cho qua đêm này”.

Hai người kinh sợ, vội theo thợ săn leo lên cây, ngủ trên chòi gác. Giây lát trăng non mọc lên. Trong sáng ánh sáng mờ màng, bỗng có một đoàn độ năm mươi người, Tăng, Ni, Đạo sĩ, đàn ông, đàn bà từ trên núi đi xuống. Đoàn người có kẻ trầm lặng, có người ca ngâm hoặc nhảy múa. Khi đến chỗ đặt bẫy, cả bọn nổi giận bảo:

“Hồi trưa có hai tên giặc giết chết vị sư già của

chúng ta. Nay bọn ta theo dấu mà tìm bắt, lại có kẻ cả gan dám đặt bẫy muốn giết tướng quân của chúng ta nữa”.

Nói xong gỡ tháo chốt ná rồi bỏ đi. Mã Chiêu gạn hỏi:

“Bọn đó là chi, Tướng quân là ai”.

Thợ săn đáp:

“Đó là những người bị cộp giết chết thành ma tràng, gọi là hổ trành. Bọn ma này tiền đạo đi trước dọn đường. Tướng quân, có lẽ là chỉ cho con cộp đi sau.”

Mã Thừa nhớ lại lời kệ liền hỏi thợ săn:

“Anh tên họ là chi?”

Thợ săn đáp:

“Tôi họ Ngưu tên Tiến.”

Hai người cả mừng bảo:

“Nếu thế, lời kệ có ứng nghiệm rồi. Hai câu ‘Nếu như Đặc Tiến thêm gương ná, tướng dữ đi sau bị tẩm tim.’ Chữ Đặc có chữ Ngưu ở một bên, Đặc Tiến tức là ám chỉ cho Ngưu Tiến. Còn tướng dữ đi sau chỉ cho tướng quân mà họ nói. Đây chắc là một con cộp thành tinh nữa, nên mới gọi là ‘dữ’. Có lẽ cộp kia là chánh tướng, cộp này là phó tướng”.

Không kịp giải thích câu chuyện hai người vội thôi thúc nên gương ná lại. Anh thợ săn y lời, xuống gương bẫy ná rồi leo trở lên. Vừa ngồi yên, bỗng thấy từ xa có con cộp xám rất to lần lần tiến đến. Vì thờ ơ, chân trước cộp đập nhằm chốt nỏ, mũi tên phát ra xuyên trúng vào tim, nó gào rống một lúc rồi tắt thở. Bọn ma trành nghe tiếng chạy trở lại, phục xuống bên xác hổ than khóc rằng:

“Ai lại nữ giết hại tướng quân của chúng ta như thế này?”

Ở trên cây Mã Chiêu nghe khóc bỗng tức giận quát lớn:

“Chúng bay thật là lũ ma khờ dại! Lúc sống đã bị cộp giết một cách thê thảm nay ta vì chúng bay báo thù, sao không cảm tạ lại còn than khóc? Ma quỷ gì mà không linh hiển chi cả vậy!”

Tiếng quát vừa dứt bốn bề yên lặng, bỗng có con ma đáp rằng:

“Chúng tôi bị thể lực của nó ám, nên không biết tướng quân là cộp tinh. Nay nghe ông nói mới bàng hoàng tỉnh ngộ!”

Nói xong cả bọn đập xác cộp rửa mắng, tạ ơn ba người rồi tàn đi mất. Mã Thừa lần lượt thuật lại trước sau câu chuyện cho anh thợ săn nghe. Đoạn lấy ra ba chiếc hốt bạc, chia nhau ba người mỗi người một cái. Thợ săn than thở bảo:

“Những con cộp tinh đều có tánh linh thông, nếu không nhờ sức ám trợ của Tôn Giả Tân Đầu Lô, tất chẳng dễ gì giết hại được chúng nó!”

Sáng lại, hai họ Mã từ biệt người thợ săn, xuống núi trở về...

Liên Du

*Việc làm hư thật tự mình hay
Họa phúc do ta chớ hỏi Thầy
Thiện ác chung qui đều bảo ứng
Nếu không sớm đến ắt là chầy.*